

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	5
ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	8
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	8
1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên	8
1.1.1. Vị trí địa lý	8
1.1.2. Địa hình, địa mạo.....	8
1.1.3. Khí hậu.....	8
1.1.4. Thủy văn.....	9
1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên.....	10
1.2.1. Tài nguyên đất.....	10
1.2.2. Tài nguyên nước.....	12
1.2.5. Tài nguyên khoáng sản.....	13
1.2.6. Tài nguyên nhân văn	13
1.3. Phân tích hiện trạng môi trường.....	15
1.4. Đánh giá chung	16
1.4.1. Những thuận lợi, lợi thế	16
1.4.2. Những khó khăn, hạn chế.....	16
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI	16
2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	16
2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực	17
2.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp	17
2.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp	18
2.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ	18
2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.....	19
2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn	19
2.4.1. Thực trạng phát triển đô thị	19
2.4.2. Thực trạng phát triển khu dân cư nông thôn	20
2.5. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.....	20
2.6. Đánh giá chung	24
III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT	25
Phần II.....	27
TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI.....	27
I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	27
1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.....	27
1.1.1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai và tổ chức thực hiện	27
1.1.2. Xác định, điều chỉnh hồ sơ địa giới hành chính.....	27

1.1.3. Công tác kiểm kê, thống kê đất đai.....	28
1.1.4. Công tác đo đạc lập bản đồ.....	28
1.1.5. Công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.....	28
1.1.6. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất... 29	
1.1.7. Công tác đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	30
1.1.8. Quản lý bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất	30
1.1.9. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai.....	31
1.1.10. Quản lý tài chính về đất đai và giá đất.....	31
1.1.11. Quản lý, giám sát quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.....	31
1.1.12. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định pháp luật về đất đai	32
1.1.13. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai	32
1.1.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai.....	32
1.1.15. Quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai	33
1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân	33
1.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai	34
II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT.....	35
2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.....	35
2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước.....	38
2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất	40
2.3.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất	40
2.3.2. Tính hợp lý của việc sử dụng đất.....	40
2.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất.....	42
III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC	43
3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	43
3.1.1. Đất nông nghiệp.....	45
3.1.2. Đất phi nông nghiệp.....	45
3.1.3. Đất chưa sử dụng	47
3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.....	47
3.2.1. Kết quả đạt được	47
3.2.2. Tồn tại hạn chế và nguyên nhân	48
3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.....	49
IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI.....	50
4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp.....	50
4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp	50

Phần III	54
PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	54
I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT	54
1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.....	54
1.2. Quan điểm sử dụng đất	54
1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng	55
1.3.1. Định hướng phát triển và sử dụng đất nông nghiệp.....	56
1.3.2. Định hướng sử dụng đất phi nông nghiệp.....	57
1.3.3. Định hướng phát triển đất đô thị	57
1.3.4. Định hướng sử dụng đất khu dân cư nông thôn	57
1.3.5. Định hướng sử dụng đất chưa sử dụng	57
II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	58
2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội.....	58
2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế	58
2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế.....	58
2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng	59
2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh....	59
2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	60
2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	62
2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.....	76
Sơ đồ chu chuyển đất đai thị xã Duy Tiên giai đoạn 2021-2030	77
1.....	77
2.....	77
3.....	77
4.....	77
III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG	77
3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.....	77
3.1.1. Căn cứ pháp lý để ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai.....	77
3.1.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai	78
3.1.3. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai	78
3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực	79
3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất	79
3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng	80

3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc	81
3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ	81
Phần IV	82
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU	82
I. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CHO CÁC NGÀNH, CÁC LĨNH VỰC	82
1. Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội năm 2021	82
2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân	85
II. TỔNG HỢP VÀ CÂN ĐỐI CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT	86
1. Đất nông nghiệp	86
2. Đất phi nông nghiệp.....	89
3. Đất chưa sử dụng	96
4. Kế hoạch sử dụng đất đô thị.....	96
III. DIỆN TÍCH ĐẤT CẦN CHUYỂN MỤC ĐÍCH	96
IV. DIỆN TÍCH ĐẤT CẦN THU HỒI.....	97
V. DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG.....	98
VI. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG NĂM KẾ HOẠCH.....	98
VII. DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	98
Phần V	100
GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	100
I. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	100
1.1. Chống xói mòn, rửa trôi, huỷ hoại đất.....	100
1.2. Sử dụng tiết kiệm và tăng giá trị của đất.....	100
1.3. Đẩy mạnh khai thác đất chưa sử dụng	100
II. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	100
.1. Giải pháp về chính sách	100
2.2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư	102
2.3. Giải pháp về khoa học - công nghệ	103
2.4. Giải pháp tổ chức thực hiện	103
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	105
I. KẾT LUẬN.....	105
II. KIẾN NGHỊ.....	105
HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU	106

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố dân cư, xây dựng kinh tế, văn hoá xã hội và an ninh quốc phòng.

Đổi mới về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong Luật Đất đai năm 2013 được Quốc hội Khóa XIII, kỳ họp thứ 6, thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2013. Trong đó, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thể hiện trong Chương IV với 16 điều, đã thể chế hóa quan điểm của Đảng trong Nghị quyết 19-NQ/TW, nhằm nâng cao tính liên kết, đồng bộ giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành, lĩnh vực khác có sử dụng đất theo hướng quy hoạch sử dụng đất phải tổng hợp, cân đối, phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả đất đai cho các ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ và đơn vị hành chính. Quy hoạch xây dựng và quy hoạch ngành, lĩnh vực có sử dụng đất phải phù hợp với các chỉ tiêu, tiến độ sử dụng đất được phân bổ trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Duy Tiên (nay là thị xã Duy Tiên) đã được UBND Thị xã giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các ban ngành, UBND các xã trên địa bàn Thị xã tiến hành xây dựng và hoàn thành vào năm 2013, được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt vào ngày 13 tháng 6 năm 2013 theo Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND và điều chỉnh Quy hoạch giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân tỉnh Hà Nam về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Duy Tiên.

Trên cơ sở quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đã phê duyệt, Ủy ban Nhân dân thị xã đã chỉ đạo các ngành, các cấp của thị xã tiến hành lập kế hoạch hàng năm và tổ chức thực hiện những nội dung cơ bản trong phương án quy hoạch sử dụng đất đã đề ra và đã đạt được một số kết quả khả quan về quản lý, khai thác tài nguyên đất hiệu quả và bền vững. Đến nay đã hết giai đoạn quy hoạch và các chỉ tiêu sử dụng đất được cấp tỉnh phân bổ cơ bản đã sử dụng hết.

Xuất phát từ nhu cầu của thực tế và thực hiện nội dung về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 2013; UBND thị xã Duy Tiên tiến hành lập “Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất thị xã Duy Tiên”. Việc lập quy hoạch nhằm đảm bảo quản lý và sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu phát triển

kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong tình hình mới của tỉnh Hà Nam nói chung và thị xã Duy Tiên nói riêng.

1. Mục đích của việc lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

- Tổ chức lại việc sử dụng đất đầy đủ, hợp lý, có hiệu quả, đảm bảo quỹ đất cho tất cả các lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, an ninh, từng chủ sử dụng đất và được phân bổ hợp lý trên địa bàn thị xã.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc xúc tiến đầu tư, tiến hành các thủ tục thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích, đảm bảo việc sử dụng đất đúng pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả; từng bước ổn định tình hình quản lý và sử dụng đất.

- Làm cơ sở để UBND thị xã cân đối giữa các khoản thu ngân sách từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; các loại thuế có liên quan đến đất đai và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Tạo ra một tầm nhìn chiến lược trong quản lý và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất của thị xã, đáp ứng yêu cầu kinh tế xã hội của địa phương. Phân bổ quỹ đất hợp lý cho các ngành, các đối tượng sử dụng đất, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả cao.

- Bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái và giữ gìn cảnh quan thiên nhiên trong quá trình khai thác sử dụng đất theo hướng bền vững.

2. Căn cứ pháp lý lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

- Luật đất đai ngày 29/11/2013; Luật quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

- Thông tư số 27/2018/TT- BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;

- Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Duy Tiên;

- Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đô thị Duy Tiên đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030;

- Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp - thương mại tỉnh Hà Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

- Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Duy Tiên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2503/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Hà Nam đã được phê duyệt;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Duy Tiên nhiệm kỳ 2020-2025; Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 thị xã Duy Tiên;

- Thông báo số 118-TB/TU ngày 18/6/2021 Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương trình Chính phủ xin quy hoạch phát triển các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2026;

- Các tài liệu, số liệu thống kê về tình hình quản lý và sử dụng đất, phát triển kinh tế - xã hội; nhu cầu sử dụng đất, quy hoạch và định hướng sử dụng đất của các ngành; các lĩnh vực trên địa bàn thị xã.

Phần I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Duy Tiên nằm ở phía Bắc của tỉnh Hà Nam, có phía Bắc giáp thành phố Hà Nội, phía Đông giáp tỉnh Hưng Yên, phía Nam giáp thành phố Phủ Lý, phía Tây giáp thành phố Hà Nội và huyện Kim Bảng. Tổng diện tích tự nhiên là 12.091,85 ha.

Phường Hòa Mạc là trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa của thị xã, nằm trên tuyến Quốc lộ 38 nối liền thị xã Duy Tiên với huyện Kim Bảng và thành phố Hưng Yên. Ngoài ra còn có đường quốc lộ 1A và tuyến đường sắt Bắc - Nam, hiện nay các khu công nghiệp tập trung của tỉnh đã được đầu tư xây dựng ở đây.

Duy Tiên nằm trong vành đai của Vùng đô thị Hà Nội, cách trung tâm Thủ đô Hà Nội khoảng 60 km, với việc hình thành tuyến cao tốc Bắc - Nam là yếu tố thuận lợi để Duy Tiên phát triển; là điều kiện quan trọng tạo lợi thế so sánh cho Duy Tiên trong việc mở rộng hợp tác, giao lưu kinh tế với các địa phương khác.

1.1.2. Địa hình, địa mạo

Thị xã có địa hình đặc trưng của vùng đồng bằng thuộc khu vực châu thổ Sông Hồng chủ yếu là vùn, vùn cao và tương đối bằng phẳng. Nhìn chung địa hình của thị xã khá thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa và cây vụ đông. Địa hình của thị xã được chia thành 2 tiểu địa hình.

- Vùng ven đê sông Hồng và sông Châu Giang bao gồm các xã Mộc Nam, Mộc Bắc, Châu Giang, Yên Nam, Tiên Sơn ... có địa hình cao hơn, đặc biệt là khu vực núi Đọi, núi Điep thuộc các xã Tiên Sơn và Yên Nam.

- Vùng có địa hình thấp bao gồm các xã nội đồng như Tiên Nội, Tiên Ngoại, Yên Bắc chiếm phần lớn diện tích tự nhiên của thị xã; độ cao phổ biến từ 1-2 m, bằng phẳng, xen kẽ là các gò nhỏ, ao, hồ, đầm.

1.1.3. Khí hậu

Duy Tiên có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều thuộc khí hậu vùng đồng bằng Bắc Bộ chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa đông bắc và gió mùa đông nam, đặc điểm nổi bật nhất là sự tương phản giữa mùa đông và mùa hè, cả về tính chất phạm vi và cường độ của các trung tâm khí áp, các khối không khí thịnh hành và hệ thống thời tiết kèm theo cũng thay đổi theo mùa.

- Mùa mưa: Bắt đầu từ tháng 4 và kết thúc vào tháng 10 với đặc trưng là nóng, ẩm và mưa nhiều. Hướng gió thịnh hành là gió Đông - Nam với tốc độ 2-

4m/s. Nhiệt độ trung bình cao nhất 38⁰C, lượng mưa từ 1.100-1.500 mm, chiếm 80% lượng mưa cả năm.

- Mùa khô: Bắt đầu từ giữa tháng 11 cho đến cuối tháng 3 năm sau, có khí hậu lạnh, ít mưa. Hướng gió thịnh hành là gió Đông – Bắc, thường gây lạnh đột ngột. Nhiệt độ trung bình thấp nhất là 15⁰C, lượng mưa ít, chỉ đạt từ 15-20% lượng mưa cả năm.

Sau đây là một số yếu tố khí hậu chính của Thị xã:

- Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình năm dao động 23,2⁰C đến 24,6⁰C.

+ Về mùa đông, nhiệt độ trung bình là 20,1⁰C. Các tháng lạnh nhất trong năm là tháng 1, 12. Nhiệt độ thấp nhất tới 6 – 8⁰C.

+ Về mùa hè nhiệt độ trung bình là 28⁰C. Các tháng nóng nhất trong năm là tháng 6, 7. Nhiệt độ cao nhất đến 32 - 35⁰C.

+ Biên độ nhiệt trong ngày nhỏ hơn 10⁰C

+ Lượng bức xạ mặt trời trung bình năm 100Kcal/cm²

+ Tổng tích ôn khoảng 8.300⁰C

- Lượng mưa: Lượng mưa hàng năm từ 1.800-2.000 mm. Mưa tập trung vào các tháng 7, 8, 9 với gần 80% tổng lượng mưa trong năm. Ngày có lượng mưa cao nhất lên đến 200-250 mm.

- Độ ẩm không khí: Độ ẩm không khí trung bình trong cả năm dao động trong khoảng từ 83-85%. Các tháng có độ ẩm không khí cao là tháng 7 và tháng 8 (92%), thấp nhất vào các ngày có gió Tây Nam, có khi xuống dưới 80%.

- Năng: Số giờ nắng trung bình năm 1.200-1.600 giờ, thuận lợi cho việc phát triển nhiều loại cây trồng và trồng được nhiều vụ trong năm. Mùa đông số giờ nắng chiếm trung bình 28% tổng số giờ nắng cả năm. Có tháng chỉ có 17, 9 giờ nắng, trời âm u, độ ẩm cao sâu bệnh phát triển ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp. Mùa hè có tổng số giờ nắng lớn. Các tháng có số giờ nắng cao là tháng 5, 6, 10.

- Gió, bão: Tốc độ gió trung bình 2 - 2,3 m/s. Trong năm có hai hướng gió thịnh hành: Mùa đông có hướng gió thịnh hành là Đông Bắc, với tần suất 60-70% và tốc độ gió trung bình thường từ 2,4 - 2,6 m/s; Mùa hè có hướng gió thịnh hành là hướng Đông Nam, với tần suất 50-70% và tốc độ gió trung bình đạt 1,9 - 2,2 m/s. Khi có bão đổ bộ tốc độ gió đạt gần 40 m/s.

1.1.4. Thủy văn

Duy Tiên có mạng lưới sông ngòi tương đối dày đặc với 3 con sông lớn chảy qua là sông Hồng, sông Châu Giang và sông Nhuệ với diện tích 455,11 ha, mật độ sông đạt 0,5 km/km², mức ú nước cao nhất là 0,5 m, thấp nhất là 0,1 m.

- Sông Hồng có lượng nước khá dồi dào là nguồn cung cấp nước chính cho tỉnh Hà Nam qua sông Nhuệ và các trạm bơm, cống ven sông. Chiều dài sông chạy qua tỉnh 38,64 km tạo thành ranh giới tự nhiên giữa Hà Nam với tỉnh Hưng Yên và tỉnh Thái Bình, hàng năm bồi đắp phù sa cho diện tích đất ngoài đê và cho đồng ruộng qua hệ thống bơm tưới từ sông Hồng.

- Sông Châu Giang đi qua địa phận thị xã từ Bạch Thượng qua đập Phúc và nối với sông Đáy tại Phủ Lý dài 28 km, đồng thời là ranh giới tự nhiên của huyện Thanh Liêm, Bình Lục, Lý Nhân. Trên sông có đập ngăn nước làm nhiệm vụ tưới tiêu cho các vùng đất trong thị xã.

- Sông Nhuệ là sông đào nối sông Hồng tại Hà Nội và hợp lưu với sông Đáy tại Phủ Lý. Đoạn qua Duy Tiên dài 13 km, sông có tác dụng tiêu nước nội vùng đổ ra sông Đáy vào mùa mưa và tiếp nước cho sản xuất vào mùa khô.

Ngoài 3 sông chính, thị xã còn có mạng lưới các sông ngòi nhỏ với các ao, hồ, đầm là nguồn bổ sung và dự trữ rất quan trọng khi mực nước các sông chính xuống thấp, đặc biệt vào mùa khô hạn.

1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất

a. Nhóm đất phù sa

Loại đất này được hình thành trên trầm tích của sông Hồng, sông Châu Giang, còn thể hiện rõ các đặc tính xếp lớp của trầm tích, thỏa mãn yêu cầu của vật liệu phù sa được xếp vào nhóm đất phù sa, được chia ra thành 4 loại sau:

* Đất phù sa glây: Loại đất này có diện tích 2.067,24 ha (chiếm 31,74% diện tích của nhóm) có nhiều ở các phường, xã: Yên Bắc, Châu Giang, Tiên Ngoại, Hoàng Đông, Tiên Nội ... Là những đất phù sa phân bố ở những nơi có địa hình thấp, thường bị ngập nước hoặc tiêu chậm vào mùa mưa.

Khả năng sử dụng: Đây là loại đất có độ phì nhiêu tự nhiên tương đối khá, tuy nhiên có hạn chế do khả năng tiêu nước vào mùa mưa nên cũng ảnh hưởng tới chế độ canh tác cũng như hiệu quả sử dụng đất. Hiện tại, trên các loại đất này chủ yếu là gieo trồng 2 vụ lúa, và một số nơi chỉ trồng 1 vụ lúa. Nếu cải tạo tốt hệ thống tiêu nước vào mùa mưa có thể gieo trồng cả 3 vụ.

* Đất phù sa có tầng sét biến đổi: Đất phù sa có tầng sét biến đổi có khoảng 662 ha (chiếm 10,16% diện tích của nhóm) (gọi ngắn gọn là *tầng biến đổi*), phân bố rải rác ở nhiều xã trong Thị xã; có nhiều ở các phường: Đồng Văn, Hoàng Đông, Tiên Nội,..

Loại đất này thường phân bố trên các chân ruộng vằn, là đất phù sa được hình thành do quá trình canh tác, đặc biệt là quá trình thủy lợi hóa đã làm tầng đất

dưới có những biến đổi về cấu trúc, màu sắc và hàm lượng hữu cơ và thiếu những đặc tính để có thể trở thành các tầng chẩn đoán khác.

Khả năng sử dụng: Đất phù sa có tầng biến đổi có thể sử dụng cho nhiều loại cây trồng, thích hợp cho việc phát triển cây lúa, màu. Hiện nay đang sử dụng nhiều loại cây trồng khác nhau với các hiệu quả kinh tế khác nhau.

* Đất phù sa chua: Đây là loại đất chiếm diện tích lớn, khoảng 2.159 ha (chiếm 33,15% diện tích của nhóm), phân bố tại hầu hết các phường, xã, chiếm diện tích lớn ở các phường, xã: Châu Giang, Yên Nam, Yên Bắc, Duy Minh, Trác Văn, Tiên Sơn,...

Loại đất này trước đây là loại phù sa sông Hồng ít chua, sau đó do địa hình, trong điều kiện khí hậu nóng ẩm mưa mùa ở nước ta, nước đã rửa trôi dần các chất kiềm làm cho đất trở nên chua, đặc biệt là lớp đất mặt. Đồng thời với quá trình rửa trôi đất, còn thấy hiện tượng kết von khá phổ biến. Kết von thường mềm, màu nâu đen xuất hiện khá sâu (80 - 100 cm). Tầng kết von tập trung thường có độ pH cao hơn trên và dưới. Kết von này có thể chủ yếu là do trong vụ hanh khô đất phơi trở trọi, nước mạch bốc hơi đưa sắt và mangan lên tầng trên bị oxy hóa mà hình thành.

Khả năng sử dụng: Nhìn chung đây là loại đất mang bản chất phù sa màu mỡ, song do quá trình khai thác, sử dụng lâu đời, cộng với việc khai thác không có bồi dưỡng trở lại cho đất đã làm giảm độ phì nhiêu của đất.

* Đất phù sa ít chua: Loại đất này có diện tích 1.625 ha (chiếm 24,95% diện tích của nhóm), phân bố nhiều ở các xã Mộc Bắc, Chuyên Ngoại, Trác Văn, Tiên Sơn,... dọc sông Hồng và sông Châu Giang.

Loại đất này hình thành do sự bồi đắp thường xuyên của phù sa hệ thống sông Hồng, với bản chất của phù sa là trung tính, kiềm yếu, đất tốt. Một số diện tích đất loại này nằm trong đê, mặc dù không được bồi đắp thường xuyên nhưng vẫn giữ được tính chất trung tính ít chua, là do đất nằm ở độ cao trung bình trong mỗi khu vực không cao quá để bị rửa trôi mạnh, cũng không thấp quá để bị glây.

Khả năng sử dụng: Loại đất này chủ yếu nằm dọc theo sông Hồng và sông Châu Giang, có độ phì nhiêu khá, thích hợp với nhiều loại cây trồng đặc biệt là các loại rau màu, năng suất các cây trồng trên loại đất này khá cao.

b. Nhóm đất glây

Nhóm đất glây được chia ra thành 2 loại đất: *Đất glây sẫm màu* có 79 ha (chiếm 4,30% diện tích của nhóm) và *Đất glây chua* có 1.760 ha (chiếm 95,70% diện tích của nhóm).

Loại đất glây được sử dụng chính với mục đích trồng lúa, một vài nơi kết

hợp nuôi trồng thủy sản, có nhiều tại các phường, xã: Tiên Nội, Tiên Ngoại, Bạch Thượng, Yên Bắc, Mộc Nam, Yên Nam...

Đất hình thành trên trầm tích phù sa, không được bồi đắp phù sa trong thời gian dài, thường phân bố ở những nơi có địa hình thấp, bị đọng nước thường xuyên, có mực nước ngầm nông.

Khả năng sử dụng: Do có yếu tố hạn chế về ngập nước thường xuyên và sự xuất hiện tầng glây nông, trên những loại đất này hiện tại chỉ gieo trồng được một hoặc hai vụ lúa. Trên loại đất này một số nơi đã chuyển đổi cơ cấu mùa vụ sang lúa - cá đem lại hiệu quả kinh tế cao. Nếu cải thiện được hệ thống tưới tiêu, có thể chuyển diện tích một vụ sang hai vụ lúa, thậm chí có thể gieo trồng cả ba vụ. Tuy nhiên, tùy vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, có nơi nên cải tạo hệ thống tưới tiêu để thâm canh tăng vụ nhưng cũng có nơi nên phát triển kết hợp giữa trồng lúa và nuôi trồng thủy sản.

c. Nhóm đất tầng mỏng

Nhóm đất tầng mỏng (LP) có diện tích nhỏ, không đáng kể, xuất hiện ở một vài quả đồi thuộc xã Yên Nam với khoảng 5,00 ha, chiếm 0,04% diện tích tự nhiên. Loại đất này hình thành trên khu vực đồi dốc, thảm thực vật che phủ kém, quá trình rửa trôi xói mòn xảy ra mạnh mẽ. Nhóm đất này chỉ có duy nhất 1 loại đất chính là đất tầng mỏng chua, đất có thành phần cơ giới là thịt pha cát, tầng đất mỏng, hàm lượng mùn và đạm thấp. Do đó có ý nghĩa cho sử dụng vào mục đích nông nghiệp, trên loại đất này chỉ trồng rừng kết hợp với các biện pháp chống xói mòn bảo vệ đất.

Đánh giá chung: Đất đai thị xã Duy Tiên có địa hình tương đối bằng phẳng, hàm lượng các chất dinh dưỡng ở mức trung bình khá là một trong những điều kiện thuận lợi cơ bản để phát triển một nền nông nghiệp đa dạng và bền vững trên cơ sở áp dụng các tiến bộ về khoa học kỹ thuật.

1.2.2. Tài nguyên nước

Tài nguyên nước của thị xã Duy Tiên được nhìn nhận và đánh giá trên cơ sở nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm.

Nguồn nước mặt: Chủ yếu là nước sông, hồ, ao, trong đó: sông Hồng, sông Châu Giang và sông Nhuệ là nguồn cung cấp nước chính. Về mùa mưa do ảnh hưởng của mưa lớn tập trung gây ra tình trạng ngập úng cục bộ đối với những vùng đất thấp trũng. Mặt khác Thị xã còn có mạng lưới kênh rạch nhỏ và ao, hồ khá dày đặc là nguồn cung cấp, dự trữ quan trọng khi mực nước các sông chính xuống thấp, đặc biệt là vào mùa khô. Ngoài ra lượng nước mưa hàng năm cũng là nguồn cung cấp nước cho sinh hoạt nhân dân.

Nguồn nước ngầm: Qua khảo sát ban đầu cho thấy Thị xã có nguồn nước ngầm khá dồi dào ở độ sâu dễ khai thác. Nồng độ sắt trong nước khá cao và có xu hướng tăng dần theo hướng từ Đông sang Tây. Duy Tiên có nguồn nước ngầm đặc trưng của vùng châu thổ sông Hồng với hai tầng nước ngầm hệ Thái Bình và hệ Hà Nội.

- Tầng chứa nước Holoxen Thái Bình có chiều dày nhỏ, là tầng chứa nước đầu tiên ngay trên mặt đất. Khu vực có thể sử dụng được chỉ chiếm 50% diện tích (lượng khoáng hoá <1mg/lít).

- Tầng chứa nước Pleistoxen thuộc hệ tầng Hà Nội có chất lượng nước biến thiên từ mặn đến nhạt, tầng chứa nước có chiều dày từ 10 – 15 m. Nồng độ sắt trong nước tăng dần theo chiều từ biển vào đất liền.

Nói chung, nguồn nước của Thị xã dồi dào và dễ khai thác đưa vào sử dụng. Chất lượng nước mặt khá tốt, nước ngầm nếu khai thác đưa vào sử dụng phải qua quá trình xử lý làm sạch.

1.2.5. Tài nguyên khoáng sản

Vùng đất ven sông Châu Giang, có các mỏ sét ruộng ở độ sâu từ 0,5 - 1,5m, được khai thác sử dụng làm vật liệu xây dựng. Ngoài ra, ở bãi bồi sông Hồng, các vùng ruộng trũng còn có sét trầm tích dày từ 1- 3m có thể khai thác, sử dụng.

Ở một số xã nằm sát sông Hồng còn có thể khai thác cát phục vụ cho xây dựng, san lấp, tuy nhiên trữ lượng không nhiều và phụ thuộc vào dòng chảy hàng năm của sông.

1.2.6. Tài nguyên nhân văn

- Chùa Long Đọi Sơn (xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam) có tên chữ là Diên Linh tự. Chùa do Lý Thánh Tông và Vương phi Ý Lan chủ trì xây dựng từ năm 1054 (do tể tướng Dương Đại Gia và mời thiền sư Đàm Cứu Chỉ đến trụ trì và tham gia xây dựng).

Lễ hội chùa Long Đọi Sơn được tổ chức hàng năm vào ngày 21 tháng 3 âm lịch đã trở thành một nét văn hoá tín ngưỡng lâu đời của người dân xã Đọi Sơn nói riêng và Thị xã Duy Tiên nói chung. Với mục đích nhằm quảng bá các công trình kiến trúc tại di tích lịch sử chùa Long Đọi Sơn, đồng thời khơi dậy truyền thống văn hoá dân tộc, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân và du khách thập phương.

Ngoài ra, Lễ hội Tịch điền Đọi Sơn là một lễ hội mang ý nghĩa khuyến nông và là nét đẹp văn hóa trở về nguồn cội. Nghi lễ chính trong toàn bộ lễ hội là lễ tịch điền Đọi Sơn, tái hiện huyền tích từ thời Thập đạo tướng quân Lê Hoàn khi ông nhận thấy núi Đọi có vị trí chiến lược quan trọng đối với kinh đô Hoa Lư đến

khi lên ngôi vua, Lê Đại Hành về chân núi Đọi cày ruộng để khuyến khích mở mang nông trang. Lễ hội được tổ chức vào mùng 7 tháng Giêng hàng năm ở cánh đồng Đọi Sơn nằm dưới chân núi Đọi.

- Đền Lảnh Giang (xã Mộc Nam, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam) thờ Tam vị danh thần đời Hùng Vương thứ 18 có công giúp vua Hùng Duệ Vương chống lại Thục Phán. Đền Lảnh Giang tọa lạc trong khuôn viên có diện tích gần 3.000 m², bao quanh là không gian xanh của vườn nhãn, đầm sen, bến nước. Cửa đền hướng ra dòng sông Hồng mênh mông sóng nước.

Ngoài kiến trúc bề thế, đền Lảnh Giang lưu giữ nhiều đồ thờ giá trị như: khám long đình, khám đặt tượng 3 vị tướng thời Hùng Vương thứ 18, kiệu bát cống long đình, sập thờ và nhiều hoành phi câu đối, nhang án...

Hàng năm, đền Lảnh Giang tổ chức hai kỳ Lễ hội, từ ngày 2 – 5/6 âm lịch và 20/8 âm lịch. Bên cạnh các nghi thức tế lễ, rước thánh, còn có phần hội gồm nhiều hoạt động hấp dẫn như: chọi gà, đánh gậy, đấu cờ người, tổ tôm điếm, múa sư tử, thi thổi cơm trên quang gánh, diễn tập trận giả, hát chầu văn, thi bơi chải trên sông Hồng...

- Đình Ngọc Động (Ngọc Động, phường Hoàng Đông): Thờ Phạm Phúc - tướng công thời Hùng Vương, nơi có nghề mây giang đan truyền thống.

- Đình Động Linh (Động Linh, phường Duy Minh): là đình chính thờ Phạm Phúc tướng công thời Hùng Vương, đến năm 2010, đình Động Linh mới tìm lại được sắc phong sau nhiều năm bị thất lạc.

- Đình Lũng Xuyên (thôn Lũng Xuyên, phường Yên Bắc): thờ vị anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt, tại đây còn có nhà lưu niệm đồng chí Nguyễn Hữu Tiến, người vẽ Quốc kỳ Việt Nam.

- Đình Ngô Xá (thôn Ngô Xá, phường Tiên Nội): thờ Đức Chúa Phạm Thị Hồng (thời Tiên Lê thế kỷ thứ 11) cùng hai Đức Thánh: Nhất Vị Không Vị Đại Vương và Nhất Vị Không Hoàng Đại Vương (là hai vị tướng phò tá vua Trần Nhân Tông, cùng Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn). Trải qua nhiều triều đại, đình đã có 9 đạo sắc phong cho hai Đức Thánh.

- Đình Tường Thụy (thôn Tường Thụy, xã Trác Văn): thờ công đồng lục vị thành hoàng làng (gồm năm vị tướng tài và một hoàng phi thời Hùng Vương).

- Đình Khả Duy (thôn Khả Duy, xã Mộc Bắc): là nơi thờ Thành hoàng Lê Trọng Thứ.

- Đình Lê Xá (thôn Lê Xá, xã Tiên Sơn): thờ tiến sĩ Lý Trần Thản, từng giữ chức thượng thư Bộ Binh.

- Đình đá Tiên Phong: thờ Nguyệt Nga công chúa, nữ tướng của Hai Bà

Trung.

- Chùa Bạch Liên: thuộc địa phận thôn Tường Thụy, xã Trác Văn, thị xã Duy Tiên.

- Chùa Khánh Long: thuộc địa phận thôn Bút Thượng, phường Châu Giang, thị xã Duy Tiên.

1.3. Phân tích hiện trạng môi trường

Với địa hình tương đối bằng phẳng, ruộng đồng và các điểm dân cư phân bố hài hoà. Cơ sở hạ tầng được xây dựng mang đậm nét đặc trưng của làng xã vùng đồng bằng sông Hồng từ hình thái kiến trúc đến tập quán sinh hoạt trong cộng đồng dân cư. Đan xen trong làng xóm có hàng trăm ngôi đình, đền, chùa, nhà thờ xứ, nhà thờ họ mang dấu ấn kiến trúc của các thời kỳ lịch sử như chùa Long Đọi Sơn, đền Lảnh Giang là một kiến trúc nghệ thuật độc đáo, nơi thờ ba vị tướng đời Hùng và vợ chồng Chử Đồng Tử, Tiên Dung công chúa Cùng với các công trình văn hoá phúc lợi, nhà ở, đường làng ngõ xóm được xây dựng mới, những làng nghề truyền thống, những phong tục tập quán, lễ hội ... được khôi phục đã tạo cho Duy Tiên những nét tiêu biểu của một vùng nông thôn trong thời kỳ đô thị hóa.

Duy Tiên đang trong thời kỳ phát triển, môi trường sinh thái hiện nay đã bị tác động bởi nước thải công nghiệp, rác thải dân cư, ô nhiễm môi trường không khí do xây dựng, khí thải công nghiệp, giao thông... Bên cạnh đó, do việc sử dụng phân hoá học, thuốc trừ sâu cũng gây tác hại không nhỏ đến môi trường nước, đất, không khí. Trong giai đoạn tới cùng với thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn cần có biện pháp hạn chế sự ô nhiễm môi trường trên địa bàn thị xã.

Kết quả phân tích trong năm 2020 cho thấy sông trên địa bàn Thị xã Duy Tiên bị ô nhiễm chất dinh dưỡng nặng thể hiện qua nồng độ NH_4^+ khá cao tại vị trí trạm bơm Hoàn Uyển dao động trong khoảng 1,19- 5,6 mg/l-N, tại vị trí cầu Hòa Mạc dao động trong khoảng 0,56-1,83 mg/l-N vượt nhiều lần giới hạn cho phép. Nồng độ các chất hữu cơ như COD, BOD₅ cũng vượt giới hạn cho phép, cụ thể tại trạm bơm Hoàn Uyển nồng độ COD trung bình là 26mg/l vượt giới hạn 1,73 lần, nồng độ BOD₅ là 16mg/l vượt 2,67 lần; tại cầu Hòa Mạc nồng độ COD trung bình là 35mg/l vượt 2,3 lần, nồng độ BOD₅ trung bình là 23mg/l vượt giới hạn 3,8 lần. Hàm lượng Coliform trung bình tại trạm bơm Hoàn Uyển vượt giới hạn 6,38 lần và tại cầu Hòa Mạc vượt 1,67 lần. NO_2^- tại các vị trí lấy mẫu đều vượt giới hạn cho phép.

1.4. Đánh giá chung

1.4.1. Những thuận lợi, lợi thế

- Tài nguyên đất đai có nhiều nhóm, loại đất và với các tiểu vùng khí hậu đặc thù cho phép để phát triển tập đoàn sinh vật phong phú.

- Là vùng đất cách mạng với nhiều di tích lịch sử, di tích kết hợp danh lam thắng cảnh tạo lợi thế cho thị xã phát triển một số loại hình du lịch như: du lịch nghỉ dưỡng, thăm quan văn hóa - lịch sử, du lịch tâm linh, du lịch sinh thái,...

- Về điều kiện tự nhiên Duy Tiên có vị trí thuận lợi phát triển đô thị theo hướng công nghiệp, thương mại dịch vụ có quốc lộ 1A, tuyến đường cao tốc Hà Nội- Cầu Giẽ- Ninh Bình chạy qua với khí hậu ôn hòa và hệ thống thủy văn hợp lý với các sông chính chảy qua là sông Hồng, sông Châu Giang và sông Nhuệ.

- Về môi trường nói chung khu vực thị xã Duy Tiên chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm trên diện rộng, các vấn đề ô nhiễm chỉ xuất hiện ở quy mô nhỏ, cục bộ và mức độ yếu. Các vấn đề này hoàn toàn có thể khắc phục được, nếu có các biện pháp quản lý, giáo dục cộng đồng tốt, các biện pháp xử lý kịp thời.

1.4.2. Những khó khăn, hạn chế

- Hệ thống các sông, thảm thực vật suy giảm hạn chế đến khả năng điều tiết nguồn nước (đặc biệt trong mùa khô) và bảo vệ môi trường.

- Hiện nay do tốc độ đô thị hóa tăng nhanh cùng với việc phát triển các khu công nghiệp, khu đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đặc biệt là hệ thống giao thông đường bộ gây ô nhiễm môi trường nước, môi trường đất và môi trường không khí.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI

2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

Nhìn chung, cơ cấu kinh tế Duy Tiên trong những năm gần đây có sự chuyển dịch mạnh mẽ, phù hợp với định hướng phát triển của cả nước và xu thế chung của nền kinh tế hàng hóa. Cơ cấu kinh tế của Thị xã chuyển dần sang công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, nông nghiệp - thủy sản giảm dần, nhưng giá trị sản xuất các ngành này vẫn tăng đều và ổn định qua các năm.

Chuyển dịch cơ cấu sản xuất đi đôi với phát triển các thành phần kinh tế, tạo điều kiện cho người sản xuất, kinh doanh phát huy tính năng động, sáng tạo và đạt hiệu quả cao hơn. Kinh tế ngoài nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh.

Thu nhập bình quân trên đầu người đạt 58 triệu đồng/người. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển biến tích cực, cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản 1,98%; Công nghiệp, xây dựng 72,80%; Dịch vụ 25,22%.

2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

2.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp

Hiện nay, ngành sản xuất nông nghiệp của thị xã vẫn có tỷ trọng nhất định trong nền kinh tế, năm 2020 giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 1.350 tỷ đồng, trong đó:

a. Ngành trồng trọt:

Tổng diện tích đất trồng lúa (tính 2 vụ) là 8.181,3 ha; diện tích trồng ngô là 638,7 ha; sản lượng lương thực có hạt là 55.185,6 tấn, trong đó lúa là 51.647,9 tấn.

Hiện nay, cây lúa vẫn giữ vai trò chủ đạo với diện tích gieo trồng lớn nhất. Trong giai đoạn 2010-2020, diện tích gieo trồng lúa giảm do chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp và chuyển đổi trồng rau màu, nuôi trồng thủy sản, thay đổi cơ cấu giống có chất lượng giá trị kinh tế cao.

Trồng cây vụ đông trên đất 2 lúa và đất chuyên màu được chú trọng vì những loại cây này cho giá trị kinh tế cao. Nhiều xã trước đây chưa có truyền thống trồng cây vụ đông, trong những năm qua đã phát triển và trở thành vụ sản xuất chính.

Công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi được quan tâm chỉ đạo. Tại các chân đất cao, người dân có xu hướng chuyển sang trồng các loại rau, màu; chân đất trũng chuyển sang nuôi trồng thủy sản. Số vụ trong năm tăng. Đất ruộng 1 vụ giảm. Trên địa bàn thị xã đã xây dựng nhiều mô hình chuyển đổi như: Mô hình hoa + cây cảnh, mô hình rau, củ, quả an toàn.

b. Ngành chăn nuôi:

Ngành chăn nuôi có nhịp độ tăng trưởng khá. Trong những năm gần đây, xu hướng phát triển ngành nông nghiệp của thị xã là tỷ trọng ngành chăn nuôi tăng và dần từng bước tiến tới là ngành chính trong sản xuất nông nghiệp. Trong những năm qua, giá trị từ ngành chăn nuôi đã tăng đáng kể nhờ việc áp dụng các phương pháp chăn nuôi tiên tiến để giảm chi phí lao động, rút ngắn thời gian chăn nuôi, đồng thời tăng cường công tác thú y, tiêm phòng dịch bệnh cho gia súc, gia cầm.

Hiện nay, tập quán chăn nuôi trên địa bàn thị xã dần thay đổi sang hình thức chăn nuôi bán công nghiệp hoặc công nghiệp. Số hộ chăn nuôi với số lượng lớn ngày càng nhiều. Số trang trại trong những năm gần đây trên địa bàn thị xã tăng nhanh. Việc phòng chống và khắc phục các dịch bệnh gia súc, gia cầm luôn được thị xã thường xuyên quan tâm chỉ đạo.

c) Nuôi trồng thủy sản

Năm 2020, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 880 ha. Diện tích nuôi trồng thủy sản của thị xã trong những năm qua giảm chậm với tốc độ khá ổn định do không phải là ngành chủ đạo, đối tượng tham gia sản xuất chưa nhiều, một số diện tích mặt nước có khả năng phát triển nuôi trồng thủy sản chưa được tận dụng triệt để. Diện tích nuôi trồng thủy sản hiện nay chưa tương xứng với tiềm năng vốn có. Nhiều diện tích mặt nước cần được đưa vào khai thác, phát triển mô hình thủy sản xen lẫn trồng trọt lúa nước trong sản xuất nông nghiệp nhằm tăng hệ số sử dụng đất, khai thác hiệu quả mang lại giá trị kinh tế cao.

2.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp

Sản xuất công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn phát triển nhanh và đa dạng, thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia, trong đó có các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, góp phần phát triển kinh tế của thị xã và giải quyết việc làm cho người lao động.

Công nghiệp - TTCN duy trì tốc độ tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ước đạt 64.006 tỷ đồng, tăng 27,7% so với năm 2019. Quan tâm phát triển tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề. Duy trì nghiêm 10 cam kết của tỉnh với các nhà đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vào đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh.

Trong những năm qua, UBND thị xã thường xuyên quan tâm chỉ đạo công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản. Các dự án trên địa bàn thị xã đã chấp hành theo đúng trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, đảm bảo chất lượng và phát huy tác dụng. Các công trình xây dựng cơ bản được chỉ đạo tập trung vào một số chương trình trọng tâm, trọng điểm như: giao thông, thủy lợi, trường học, y tế, trụ sở làm việc của các phường, xã, các công trình văn hóa, hệ thống điện...

2.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 7.242,6 tỷ đồng, đạt 96,08% kế hoạch năm. Phối hợp kiểm tra, kiểm soát thị trường, phòng chống hàng giả, hàng nhái, gian lận thương mại tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thị xã, đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng.

Những năm gần đây, việc phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã kéo theo sự phát triển của các hoạt động thương mại, dịch vụ. Địa bàn thị xã xuất hiện nhiều thành phần kinh doanh, chủng loại hàng hóa đa dạng, thị trường sôi động, hình thành hệ thống mạng lưới, kênh lưu thông phân phối hàng hóa theo cơ chế thị trường.

Dịch vụ của thị xã đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các loại hình dịch vụ bưu chính viễn thông, tài chính, các dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp... phát triển mạnh và nhanh hơn giai đoạn trước, cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ đời sống nhân dân.

Về hoạt động dịch vụ nông nghiệp: Hai hoạt động dịch vụ chủ yếu là làm đất và tưới tiêu. Ngoài ra còn một số dịch vụ khác như: sửa chữa nhỏ, dịch vụ gặt đập bằng máy, dịch vụ thú y, nuôi trồng thủy sản... Phát triển các dịch vụ này sẽ có tác dụng tốt cho phát triển nông nghiệp trên địa bàn thị xã.

Bên cạnh các hoạt động dịch vụ chủ yếu trên, các hoạt động dịch vụ khác phục vụ sản xuất, kinh doanh và đời sống như hoạt động dịch vụ về văn hoá, y tế, thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông... cũng phát triển. Tuy sự phát triển các hoạt động dịch vụ này còn mang tính nhỏ lẻ, nhưng sự phát triển đó là cần thiết đóng góp quan trọng cho sự phát triển chung của lĩnh vực quan trọng này.

Ngành du lịch trên địa bàn thị xã có nhiều tiềm năng nhưng đến nay chưa được khai thác hết. Các di tích lịch sử, các điểm đến của khách du lịch chưa được đầu tư đúng mức. Số khách du lịch đến thị xã chưa nhiều.

2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất

Công tác dân số - gia đình và trẻ em có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng dân số được nâng lên. Dân số của thị xã Duy Tiên năm 2020 khoảng 140.286 người. Tỷ lệ tăng tự nhiên luôn duy trì ở mức thấp dưới 1% chứng tỏ công tác dân số kế hoạch hóa gia đình ở Duy Tiên thực hiện tốt.

Công tác chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ em được các cấp, các ngành quan tâm, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân năm 2020 còn 9,85%.

Đời sống dân cư từng bước được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người khoảng 58 triệu đồng, nhiều hộ có nhà xây kiên cố, trang bị đồ dùng có giá trị (xe máy, ti vi, tủ lạnh, ...). Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí mới) còn 1,81%.

2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn

2.4.1. Thực trạng phát triển đô thị

Tăng cường quản lý nhà nước trên các lĩnh vực: Xây dựng, phát triển đô thị; Kiến trúc, quy hoạch xây dựng; Vật liệu xây dựng; Nhà ở và công sở; Hạ tầng kỹ thuật đô thị; Giao thông vận tải; Quản lý trật tự đô thị.

Tập trung chỉ đạo công tác lập quy hoạch, quản lý quy hoạch phát triển đô thị: Tổ chức lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực phía Tây Nam cầu Yên Lệnh; Lập quy hoạch chi tiết khu trung tâm hành chính Duy Tiên, khu trung tâm

hành chính xã Tiên Sơn và 04 khu đô thị nhà ở; Lập quy hoạch chung xây dựng thị xã Duy Tiên,...

Tính đến tháng 11/2020, trên địa bàn thị xã đã và đang triển khai 44 dự án đô thị, khu nhà ở với tổng diện tích 1.730,50 ha.

2.4.2. Thực trạng phát triển khu dân cư nông thôn

Hệ thống cơ sở hạ tầng trong các khu dân cư nông thôn có nhiều thay đổi so với thời kỳ trước. Giao thông nông thôn có nhiều tiến bộ cả về hạ tầng và phương tiện đi lại. Tỷ lệ các hộ dân dùng nước sạch hợp vệ sinh đạt 100%. Hệ thống điện, thông tin, bưu điện, phát thanh truyền hình, các cơ sở văn hoá xã hội phục vụ công cộng ngày càng được chú ý đầu tư xây dựng. Hầu hết nhà ở của nhân dân đã được bê tông hoá. Xu hướng đô thị hoá nông thôn diễn ra rất nhanh, hình thành một số trung tâm cụm xã là hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tiểu vùng.

2.5. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

a. Giao thông

Trên địa bàn thị xã Duy Tiên có 3 loại hình giao thông: đường bộ, đường sắt và đường thủy.

Đường bộ:

* Giao thông đối ngoại đường bộ gồm các tuyến:

- Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình: Đoạn qua thị xã Duy Tiên - Hà Nam có chiều dài khoảng 10 km, cấp đường cao tốc loại A, tốc độ thiết kế 100 - 120km/h. Hiện tại, tuyến qua địa bàn đang được xây dựng mặt cắt ngang đường 4 làn xe cơ giới (chiều rộng mặt đường 28 m, chỉ giới đường đỏ 80 m). Đoạn qua Thị xã Duy Tiên có nút giao khác mức liên thông là nút giao với QL38 tại Vực Vòng. Các nút giao còn lại với các đường khác là các nút giao trực thông bằng cầu vượt.

- Quốc lộ 1A: Đoạn qua thị xã Duy Tiên có chiều dài khoảng 7,9 km. Hiện nay, đã hoàn thành nâng cấp cải tạo thành đường cấp III-ĐB, 4 làn xe (chiều rộng mặt đường 20 m, chỉ giới đường đỏ 60 m).

- Tuyến tránh Quốc lộ 1A có chiều dài 3 km, chiều rộng mặt đường 12,0 m, chỉ giới hành lang 15 m.

- Quốc lộ 37B: Đoạn qua thị xã Duy Tiên có chiều dài khoảng 10 km, chiều rộng mặt đường 6,5 m, chỉ giới đường đỏ 16,5 m.

- Quốc lộ 38: Đoạn qua thị xã Duy Tiên dài 13,7 km, hiện đã được nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, mặt đường trải nhựa, chiều rộng mặt đường 11 m, chỉ giới đường đỏ 41 m.

- Tuyến tránh Quốc lộ 38 có chiều dài 10,2 km, chiều rộng mặt đường 12,0 m, chỉ giới hành lang 15 m.

- Quốc lộ 38B: Đoạn xã Chuyên Ngoại sang huyện Lý Nhân có chiều dài khoảng 3,5 km, chiều rộng mặt đường 9 m.

- Đường tỉnh 493: Đoạn qua thị xã Duy Tiên dài 2 km, là đường cấp VI-ĐB, chiều rộng mặt đường 6,5 m, chỉ giới đường đỏ 16,5 m.

- Đường tỉnh 493B: Đoạn qua thị xã Duy Tiên dài 1,5 km, chiều rộng mặt đường 6,5 m, chỉ giới đường đỏ 16,5 m.

* Giao thông đối nội:

- Hệ thống đường trung tâm thị xã: Hòa Mạc, Yên Bắc, mạng lưới đường đang dần hình thành theo quy hoạch. Các đường trục chính trung tâm được rải nhựa, hè đường đã được xây dựng. Các tuyến đường khu vực, phân khu vực có mặt đường bê tông xi măng, chỉ có lẽ đường chưa được lát gạch.

- Đường giao thông liên phường, liên xã, và giao thông nội bộ trong các khu dân cư: Tổng chiều dài hệ thống đường trên địa bàn thị xã là 148,62 km, đã cứng hóa được trên 90%; mật độ đường giao thông bình quân đạt 1,76 km/km².

* Bến xe: Trên địa bàn thị xã Duy Tiên, hiện có 01 bến xe đối ngoại, nằm tại phường Hòa Mạc, phục vụ nhu cầu vận tải hàng hóa và hành khách nội tỉnh và liên tỉnh. Quy mô bến xe khoảng 2000 m², tần suất 15 chuyến/ngày.

* Giao thông đường sắt:

- Tuyến đường sắt qua tỉnh Hà Nam thuộc tuyến đường sắt Thống Nhất, khổ đường 1.000 mm. Đoạn qua thị xã Duy Tiên dài khoảng 7,9 km. Trong những năm gần đây, tuyến đường này đã được cải tạo, nâng cấp từng bước, chất lượng vận tải có tốt hơn. Tuy nhiên, tuyến vẫn còn tồn tại cần phải khắc phục trong những năm tương lai.

- Ga: đường sắt qua khu vực có ga Đồng Văn với 03 đường ga, chiều dài khoảng 500 m, quy mô và chất lượng còn hạn chế.

* Giao thông đường thủy:

- Chủ yếu là 3 tuyến sông chính: Sông Hồng, sông Nhuệ và sông Châu Giang đi các tỉnh Nam Định, Hà Nội, Hưng Yên ... thuận lợi cho việc vận chuyển, trao đổi hàng hoá với các địa phương trong và ngoài tỉnh. Từ nay đến năm 2020 Cảng dùng chung Yên Lệnh sẽ được đầu tư xây dựng, là nơi tập trung và vận chuyển hàng hóa của tỉnh đi các nơi khác, đặc biệt lại gần với khu công nghiệp Đồng Văn nên việc vận chuyển, trao đổi hàng hóa, sản phẩm rất thuận lợi.

b. Thủy lợi

Duy Tiên đang trong giai đoạn đô thị hóa mạnh mẽ, phát triển mạnh về công nghiệp, vì vậy diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi để phục vụ cho đô thị hóa, công nghiệp hóa là rất lớn. Vì vậy hệ thống thủy lợi của Thị xã cũng bị ảnh hưởng.

Duy Tiên có địa hình thấp, bốn bề là sông bao bọc nên thủy lợi của Duy Tiên luôn được quan tâm hàng đầu. Hiện nay trên địa bàn Thị xã có 20 trạm bơm lớn do công ty khai thác công trình thủy lợi quản lý (7 trạm chuyên tiêu, 11 trạm tưới tiêu kết hợp và 2 trạm chuyên tưới) được chia thành 158 tổ máy với tổng công suất 247.500 m³/h; 27 cống dưới đê cấp I (17 cống tưới và 10 cống tiêu), 204 cống nội đồng cấp II (105 cống tưới và 99 cống tiêu); 30 tuyến kênh cấp I với tổng chiều dài 117 km (71km kênh tưới và 46km kênh tiêu); 196 tuyến kênh cấp II với tổng chiều dài 163,5km (93 km kênh tưới và 80,5 km kênh tiêu).

Nhìn chung hệ thống thủy lợi của Duy Tiên phân bố tương đối đồng đều với mật độ khá cao ở các phường, xã, đã góp phần rất quan trọng trong sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên một số công trình như kênh A4-6, đê hoành Uyển từ QL 1A đến trạm bơm Chợ Lương, kênh tiêu trạm bơm Yên Lệnh trong thời gian tới cần được nâng cấp và tu sửa kịp thời để đảm bảo việc tưới tiêu kịp thời.

c. Giáo dục

Chất lượng giáo dục toàn diện được giữ vững và nâng cao. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, xây dựng trường chuẩn quốc gia. Tính đến nay, ngành giáo dục đã xây dựng được 55/55 trường chuẩn Quốc gia đạt tỷ lệ 100%. Trong đó cấp học mầm non có 15/17 trường đạt chuẩn mức độ 2, chiếm tỷ lệ 88,2%; Cấp tiểu học có 15/18 trường đạt chuẩn mức độ 2, chiếm 83,3%; Cấp THCS có 17/17 trường đạt chuẩn quốc gia chiếm tỷ lệ 100%. Kết quả thi đua năm học 2019-2020, trường THCS Nguyễn Hữu Tiến được tặng cờ thi đua của Chính Phủ. Phòng giáo dục và Đào tạo Duy được UBND tỉnh tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc; Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhì.

d. Y tế

Thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, không để xảy ra dịch bệnh lớn trên địa bàn thị xã. Triển khai Nghị quyết Trung ương 6, Nghị quyết của Chính phủ, Chương trình hành động của Thị ủy về công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe và dân số trong tình hình mới. Tổ chức khám và chữa bệnh cho 208.109 lượt người (Trung tâm Y tế là 72.959 lượt, Trạm y tế cấp xã là 135.150 lượt). Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực hành nghề y, y học cổ truyền, dược, mỹ phẩm, an toàn thực phẩm. Triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ CSSKSS/KHHGD năm 2020 tại 16 phường, xã.

e. Văn hoá, thể dục thể thao

Công tác thông tin, tuyên truyền với hình thức phong phú, đa dạng đã bám sát vào các nhiệm vụ chính trị của địa phương, các hoạt động văn hoá, văn nghệ,

TĐTT diễn ra sôi nổi. Tổ chức thành công Lễ hội Tịch điền, Đền Lảnh Giang, chùa Long Đọi Sơn và đón nhận bằng xếp hạng di tích Quốc gia đặc biệt để lại ấn tượng sâu sắc đối với nhân dân và du khách thập phương.

Tăng cường quản lý nhà nước về văn hóa và thông tin truyền thông. Duy trì, nâng cao chất lượng đơn vị văn hóa, làng, phố văn hóa đã được công nhận.

f. Bưu chính viễn thông

Hệ thống phát thanh tuyên truyền cổ động không ngừng thông tin kịp thời những diễn biến thời sự, văn hóa, xã hội trong nước và quốc tế cho người dân. Tuyên truyền, giáo dục cho mọi tầng lớp nhân dân hiểu và thực hiện theo chủ trương Đường lối của Đảng và Nhà nước.

Những năm qua bưu chính viễn thông Thị xã đã có những bước phát triển đột phá, đến nay 100% các cơ quan xí nghiệp, công sở, trường học, trạm, trại, tư nhân lắp điện thoại. Việc thông tin liên lạc luôn đảm bảo nhanh thông suốt, kịp thời chính xác đã góp phần tích cực trong điều hành sản xuất, kinh doanh cũng như nhu cầu trao đổi thông tin của nhân dân.

g. Năng lượng

Hiện đã có 100% số xã, thị trấn trong thị xã được sử dụng điện lưới quốc gia phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt. Cơ sở hạ tầng ngành điện của thị xã đã được đầu tư khá đồng bộ, bao gồm: 51,06 km đường trung cao thế từ 10KV đến 35KV; 571,61 km đường hạ thế; 68 trạm biến áp với tổng công suất 13.040 KVA. Khu Công nghiệp Đồng Văn đã có trạm biến áp 110 KV đáp ứng nhu cầu về điện cho các cơ sở sản xuất.

h. Quốc phòng, an ninh

Công tác quân sự địa phương đã có nhiều tiến bộ. Các cấp ủy Đảng, chính quyền thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đội ngũ cán bộ từ thị xã đến cơ sở và lực lượng dự bị động viên được quan tâm hàng năm. Lực lượng quân sự thị xã luôn thực hiện tốt nhiệm vụ huấn luyện.

An ninh chính trị, an toàn xã hội thường xuyên được ổn định và giữ vững. Chủ động nắm chắc tình hình, chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể phối hợp giải quyết những mâu thuẫn nội bộ nhân dân ngay tại cơ sở, đảm bảo an ninh trật tự. Tập trung triển khai có hiệu quả các chương trình quốc gia về phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; nâng cao chất lượng điều tra xử lý vi phạm.

Thường xuyên chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Giải đáp các bộ luật, các chế độ chính sách của Nhà nước thông qua hệ thống

truyền thanh của thị xã. Duy trì và phát huy hiệu quả tử sách pháp luật ở các phường, xã.

Hoạt động kiểm sát có nhiều cố gắng, nhất là trong lĩnh vực kiểm tra tư pháp. Hoạt động tuyên truyền, giải thích pháp luật, tư vấn pháp luật đã tăng cường. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân đã được thực hiện tích cực.

Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, tổ chức có hiệu quả công tác huấn luyện dân quân tự vệ, dự bị động viên, các đợt diễn tập, bảo quản tốt vũ khí trang bị kỹ thuật.

2.6. Đánh giá chung

- Thuận lợi

+ Điều kiện tự nhiên như vị trí địa lý, khí hậu, thủy văn, nền thổ nhưỡng phù hợp với nhiều loại cây trồng, vật nuôi cho phép sản xuất nền nông nghiệp phong phú, năng suất cao làm cơ sở cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đặc biệt, Duy Tiên có vị trí cửa ngõ thủ đô Hà Nội, có các tuyến cao tốc huyết mạch, giao thông thuận lợi (gồm cả đường bộ, đường sắt, đường thủy...) nên tạo điều kiện thuận lợi cho thị xã trong giao lưu kinh tế, văn hóa...

+ Nền kinh tế đang có bước tăng trưởng nhanh ổn định, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ - du lịch.

+ Có nguồn lao động dồi dào, giàu kinh nghiệm, có trình độ thâm canh, có ý thức hướng tới sản xuất hàng hóa, được chú trọng trong đào tạo nên hiệu quả sử dụng đất tương đối cao.

+ Diện tích đất nông nghiệp còn khá nhiều, tạo điều kiện chuyển đổi một phần diện tích phục vụ các mục đích sử dụng khác.

+ Hệ thống cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện, đặc biệt là hệ thống giao thông phân bố rộng khắp và khá hợp lý nên tạo thuận lợi trong giao lưu kinh tế, văn hóa, tạo điều kiện tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, phát triển nền kinh tế đa dạng.

- Hạn chế

+ Trong những năm tới, yêu cầu phát triển nhanh công nghiệp - xây dựng, du lịch - dịch vụ kéo theo nhu cầu sử dụng đất ngày càng lớn. Ngoài ra hệ thống cơ sở hạ tầng đã được đầu tư, nâng cấp nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai. Việc bố trí thỏa đáng đất đai cho nhu cầu này, đặc biệt là yêu cầu cho đất khu, cụm công nghiệp, đất ở... là rất cần thiết đồng thời bắt buộc phải bố trí vào đất sản xuất nông nghiệp, nếu không tính toán và quy hoạch hợp lý sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người nông dân.

+ Nhằm đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nông thôn thì việc bố trí đất cho các khu, cụm công nghiệp, đất sản xuất kinh doanh cũng như việc đầu tư, cải tạo phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng (giao thông, cấp thoát nước, điện, trường học, y tế...) sẽ đòi hỏi một quỹ đất tương đối lớn, không chỉ gây sức ép về quy mô diện tích mà còn tạo áp lực trong việc xác định vị trí xây dựng, bố trí công trình.

+ Cùng với đẩy nhanh phát triển công nghiệp - xây dựng, dịch vụ du lịch, tốc độ đô thị hóa sẽ diễn ra nhanh trong những năm tới. Nhu cầu đất cho quy hoạch các khu đô thị là khá lớn gây áp lực không nhỏ đến sử dụng đất đặc biệt là các khu vực có hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển.

+ Dân số tăng đòi hỏi quỹ đất lớn phục vụ xây dựng nhà ở, đất sản xuất, xây dựng công trình phục vụ đời sống của con người như công trình văn hóa, thể thao, khu vui chơi... Điều này cũng tác động rất lớn đối với đất đai của thị xã.

Như vậy, từ thực trạng phát triển kinh tế - xã hội những năm gần đây cũng như dự báo phát triển trong tương lai (trong khi quỹ đất có hạn) thì áp lực đối với đất đai của thị xã đã và sẽ ngày càng gay gắt hơn dẫn đến thay đổi lớn hiện trạng sử dụng đất hiện nay của thị xã. Do đó, để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội lâu dài, bền vững, cần phải xem xét một cách nghiêm túc việc khai thác sử dụng đất theo hướng khoa học trên cơ sở: tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả; bố trí đất đai phải đáp ứng được nhu cầu về đất sử dụng cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội cũng như phục vụ cho việc hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn và nâng cao đời sống người dân.

III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

Việt Nam là một trong các quốc gia bị ảnh hưởng, tác động lớn của biến đổi khí hậu. Biến đổi khí hậu được biểu hiện ở chiều hướng tăng của nhiệt độ, tăng mực nước biển, thay đổi chế độ mưa, thay đổi lượng mưa, thay đổi chế độ gió, tất cả đều theo chiều hướng mạnh lên cùng với nguy cơ làm tăng các thảm họa thiên nhiên. Các tác động của biến đổi khí hậu đã và đang ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội nói chung và việc sử dụng đất nói riêng.

Do đặc điểm về điều kiện tự nhiên của thị xã Duy Tiên, biến đổi khí hậu có tác động, liên quan đến đến việc quy hoạch sử dụng đất như lụt lội và hạn hán, các hiện tượng khí hậu cực đoan đã và đang ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, đặc biệt sản xuất lúa. Do vậy để đảm bảo an ninh lương thực, bù lại diện tích đất lúa chuyển sang các mục đích khác, đến năm 2030 chuyển diện tích đất lúa 1 vụ sang đất chuyên lúa trồng 2 vụ trở lên, đồng thời áp dụng các biện pháp kỹ thuật tăng năng suất lúa. Cần xem xét kỹ lưỡng việc chuyển đổi đất trồng lúa sang các mục đích khác.

Ngoài ra, quy hoạch đảm bảo diện tích ao hồ, đầm góp phần điều hòa khí hậu, môi trường, tưới tiêu phục vụ sản xuất,...để thích ứng và giảm thiểu tác động trực tiếp và gián tiếp của biến đổi khí hậu.

Phần II

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Trong những năm qua, các cấp uỷ Đảng, chính quyền ở Duy Tiên đã quán triệt chủ trương, chính sách, pháp luật về đất đai, vận dụng vào địa phương một cách hợp lý, tăng cường tuyên truyền chính sách, pháp luật cho người sử dụng đất nhận thức rõ hơn về quyền sở hữu đất đai của Nhà nước và quyền sử dụng đất của các chủ thể,... công tác quản lý đất đai của thị xã đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tích cực vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng. Công tác quản lý nhà nước đối với tài nguyên và môi trường trên địa bàn thị xã đã được tăng cường; công tác quản lý đất đai có nhiều chuyển biến tích cực. Hoàn thành các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và công tác kiểm kê đất đai năm 2019.

1.1.1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai và tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân thị xã không ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai mà chủ yếu là triển khai và tổ chức thực hiện các văn bản của Trung Ương và Tỉnh. Trong đó bao gồm, việc lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện; lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thị xã giai đoạn 2016 - 2020.

Triển khai thực hiện Luật Đất đai năm 2013, UBND thị xã Duy Tiên đã xây dựng kế hoạch phổ biến, tuyên truyền thực hiện và tổ chức các cuộc tập huấn, học tập quán triệt thực hiện Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật cho các cán bộ trong thị xã, tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh của thị xã, các phường, xã. Do làm tốt công tác phổ biến, tuyên truyền và cung cấp kịp thời, đầy đủ các văn bản thực hiện Luật Đất đai đến mọi tầng lớp nhân dân, nên người dân đã hiểu, nhận thức khá tốt và có ý thức chấp hành các quy định mới của Nhà nước.

1.1.2. Xác định, điều chỉnh hồ sơ địa giới hành chính

Thực hiện Chỉ thị 364/CT ngày 06/11/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc phân định địa giới hành chính; UBND các

phường, xã trên địa bàn thị xã phối hợp với cơ quan chức năng đã tiến hành hoạch định ranh giới hành chính các phường, xã, cắm mốc giới, ổn định phạm vi quản lý và sử dụng đất trên địa bàn từng phường, xã, hoạch định ranh giới thị xã. Hiện tại, hệ thống hồ sơ địa giới hành chính cơ bản được thống nhất rõ ràng.

Hàng năm, Ủy ban nhân dân thị xã có kế hoạch kiểm tra mốc giới địa giới hành chính các phường, xã để báo cáo ngành xin hỗ trợ và xác lập kịp thời những trường hợp mất mốc giới.

1.1.3. Công tác kiểm kê, thống kê đất đai

Đến nay, theo báo cáo của 16 phường, xã hiện đã hoàn thành công tác thống kê kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 đạt 100%; Công tác thống kê đất đai năm 2020 các phường, xã và thống kê đất đai thị xã đạt 100%.

Nhìn chung công tác thống kê, kiểm kê đất đai được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai, phục vụ cho việc đánh giá và hoàn thiện chính sách pháp luật về đất đai, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp, góp phần xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

1.1.4. Công tác đo đạc lập bản đồ

a. Công tác đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính

Cho đến nay, trên địa bàn toàn thị xã 16/16 phường, xã đã tiến hành đo đạc lập bản đồ địa chính chính quy. Kết quả đo đạc địa chính đã khắc phục được những nhược điểm của bản đồ giải thửa, có độ chính xác cao, có đủ cơ sở pháp lý giúp cho công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

b. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất

Công tác xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất các cấp được thực hiện theo đúng định kỳ và đúng quy định của Luật đất đai hiện hành. Đến nay, 100% các phường, xã đã có bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020.

1.1.5. Công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Những năm qua, UBND thị xã Duy Tiên rất chú trọng đến công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định của luật. Đây là cơ sở để thực hiện tốt việc quản lý đất theo từng đối tượng sử dụng, đồng thời đảm bảo tính cân đối, hợp lý trong quy hoạch tổng thể theo các mục đích sử dụng đất và đáp ứng yêu cầu chung về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thị xã. Xác định rõ vai trò quan trọng của công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nên trong những năm qua việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thị xã được triển khai khá đồng bộ.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Duy Tiên đã được thực hiện, hoàn thành vào năm 2013 và đã được Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt vào ngày 13 tháng 06 năm 2013 theo Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND.

Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 đã được thực hiện và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Năm 2015, thực hiện kế hoạch điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, UBND Thị xã Duy Tiên đã thực hiện việc lập điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2020 và được phê duyệt tại Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân tỉnh Hà Nam về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Duy Tiên.

1.1.6. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất

Sau khi Luật Đất đai có hiệu lực thi hành, Thực hiện theo Công văn số 1622/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 06/5/2014 và Công văn số 3398/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 14/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi UBND các tỉnh, thành phố về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện các công trình, dự án của các địa phương. Phòng TN&MT đã tích cực, chủ động chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, bảo đảm theo đúng các quy định của pháp luật về đất đai.

Việc lập hồ sơ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất cho các dự án được sự chỉ đạo, phối hợp của các sở, ban ngành của thành phố thực hiện theo đúng chính sách, quy định hiện hành. Quy trình triển khai được chỉ đạo chặt chẽ, thực hiện dân chủ, công khai và đảm bảo quyền lợi cho người sử dụng đất. Trong quá trình tổ chức thực hiện, UBND thị xã cũng đã xem xét và giải quyết kịp thời nhiều ý kiến, kiến nghị, thắc mắc của nhân dân về giá cả, các chính sách, chế độ khi Nhà nước thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Đến nay, hầu hết các địa phương có đất bị thu hồi, chuyển mục đích để phát triển công nghiệp tình hình an ninh ổn định, kinh tế phát triển, đời sống nhân dân ngày được cải thiện. Kết quả công tác giao và thu hồi đất trên địa bàn thị xã như sau:

a) *Giao đất*: Thực hiện Luật Đất đai và Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ về việc giao đất lâu dài ổn định cho nhân dân. Thị uỷ, UBND thị xã đã chỉ đạo các phường, xã thực hiện giao ruộng đất ổn định lâu dài cho nhân dân với quy hoạch lại đồng ruộng, chuyển đổi ruộng đất từ ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn, khắc phục tình trạng manh mún về ruộng đất. Đất nông nghiệp đã đã giao sử dụng ổn định lâu

dài cho các hộ gia đình đạt 100%.

b) Thu hồi đất:

* Về thu hồi chuyển sang đất ở và cho hộ gia đình, cá nhân thuê đất

Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, những năm gần đây UBND thị xã đã ban hành một số Quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở và cho thuê đất đáp ứng nhu cầu cần thiết của người dân

* Về thu hồi chuyển sang khu, cụm công nghiệp

Tiến hành hoàn chỉnh hồ sơ, thực hiện công tác thu hồi, giải phóng mặt bằng cho nhiều dự án lớn của tỉnh và thị xã. Nhìn chung khó khăn tồn tại lớn nhất trong công tác giao đất, cho thuê đất là việc đền bù giải phóng mặt bằng và việc tổ chức thực hiện công tác đền bù do nhận thức của người dân cũng như một số bất cập trong các văn bản pháp luật.

* Về thu hồi đất do vi phạm về đất đai

Các chính sách pháp luật quản lý về đất đai được Nhà nước ban hành bổ sung liên tục đã điều chỉnh được những bất cập, tồn tại, tại địa phương, làm cơ sở thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn cũng như phục vụ tốt cho công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

1.1.7. Công tác đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Cùng việc cấp GCNQSDĐ, UBND thị xã Duy Tiên chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND các phường, xã lập, hoàn thiện hệ thống sổ sách theo quy định.

Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2010 đến nay UBND thị xã chỉ đạo cơ quan chuyên môn quản lý hoạt động dịch vụ công về đất đai, cụ thể là Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất.

1.1.8. Quản lý bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất

Bên cạnh việc thực hiện các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, Phòng TN&MT đã tích cực chỉ đạo, hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc cho các địa phương trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; đặc biệt là công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án trọng điểm.

Tại các phường, xã công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cũng luôn được quan tâm chỉ đạo tổ chức thực hiện công khai, dân chủ; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Nhìn chung, diện tích đất được thu hồi đã đáp ứng được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương các quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từng bước được điều

chính, bổ sung phù hợp với cơ chế quản lý kinh tế thị trường, đảm bảo tốt hơn quyền lợi hợp pháp của người bị thu hồi đất.

Việc tổ chức thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của chi nhánh phát triển quỹ đất thị xã Duy Tiên bước đầu đã phát huy hiệu quả tốt, góp phần đáp ứng nhu cầu "đất sạch" để thực hiện các dự án đầu tư nhất là các dự án đầu tư nhằm mục đích công cộng. Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật ít có khiếu nại xảy ra và giải quyết tốt các khiếu nại phát sinh về đền bù giải phóng mặt bằng. Đặc biệt là từ khi Luật Đất đai năm 2013, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân có đất bị thu hồi được đảm bảo, đã góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án góp phần ổn định kinh tế, xã hội.

1.1.9. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai

Hiện nay, công tác xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trong trên phạm vi của thị xã đang được triển khai thực hiện. Trong giai đoạn tới, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam sẽ từng bước thống nhất các cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thị xã để đồng bộ hóa thành một hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai chung trong cả tỉnh. Dự án hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai sẽ tạo thành một cơ sở dữ liệu thống nhất, đồng bộ phục vụ đắc lực cho công tác quản lý nhà nước về đất đai ở thị xã.

1.1.10. Quản lý tài chính về đất đai và giá đất

Nguồn thu từ đất bao gồm lệ phí giao đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất, lệ phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thuế trước bạ, tiền thuê đất v.v... được thu nộp vào kho bạc theo đúng các quy định về tài chính.

UBND thị xã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với UBND các phường, xã trong việc thu tiền sử dụng đất. Trong đó, giao cho Chi cục thuế chủ trì phối hợp với các cơ quan: Tài chính- Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc, UBND các phường, xã đôn đốc các tổ chức, cá nhân được giao đất thu nộp tiền sử dụng đất theo quy định nên kết quả thu tiền sử dụng đất trong những năm gần đây đạt tỷ lệ cao, cơ bản các quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất được thực hiện hoàn thành.

1.1.11. Quản lý, giám sát quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất

Công tác quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất đã được UBND thị xã quan tâm thông qua việc quản lý, giám sát các hoạt động chuyển nhượng, cho thuê đất, thu thuế, thu tiền sử dụng đất..., góp phần bảo đảm quyền lợi cho người sử dụng đất và nguồn thu ngân sách. Cán bộ địa chính phường, xã có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra tình hình sử dụng đất tại địa phương để phát hiện kịp thời những trường hợp lấn, chiếm đất đai, không

sử dụng đất, sử dụng đất không đúng mục đích, chuyển mục đích sử dụng đất trái pháp luật, người sử dụng đất thực hiện các quyền và nghĩa vụ không đúng với quy định của pháp luật và các trường hợp khác có vi phạm hành chính trong quản lý và sử dụng đất đai; Tuy nhiên, trong những năm qua do có những thời điểm giá đất tăng cao, nên đã dẫn đến tình trạng chuyển nhượng đất không đúng theo quy định của pháp luật (*tự chuyển nhượng, không đăng ký với cơ quan có thẩm quyền*), gây khó khăn cho công tác quản lý.

1.1.12. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định pháp luật về đất đai

Từ năm 2010 đến nay Thị xã đã thành lập nhiều đoàn thanh tra, nhiều cuộc kiểm tra đã phát hiện nhiều trường hợp vi phạm Luật đất đai do lấn chiếm đất đai và đã có biện pháp xử lý tốt.

1.1.13. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai

Phòng Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức chính sách, pháp luật về đất đai; Hiện nay, trên địa bàn thị xã đã triển khai công tác phổ biến Luật Đất đai và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật đến các tổ chức, cá nhân bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhiều địa phương đã triển khai cụ thể đến cả các đối tượng là cán bộ cấp huyện, cấp xã. Nhìn chung, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đất đai đã được triển khai rộng rãi đến mọi đối tượng với những nội dung thiết thực và hình thức phù hợp được các Ban, ngành, các địa phương và được dư luận nhân dân đánh giá cao. Qua đó đã góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật đất đai của các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng đất.

1.1.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai

Trong quá trình quản lý và sử dụng đất đai, các trường hợp tranh chấp đất đai vẫn còn xảy ra. Việc giải quyết tranh chấp đất đai, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo, các vi phạm về quản lý sử dụng đất đai đã được thực hiện tương đối nghiêm túc và đã đạt được những hiệu quả nhất định, vì vậy đã nâng cao niềm tin của nhân dân vào Đảng uỷ, chính quyền địa phương.

Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo luôn được UBND thị xã quan tâm chỉ đạo giải quyết, hầu hết các vụ việc giải quyết đảm bảo khách quan, đúng pháp luật, hạn chế tối đa thực trạng để khiếu kiện vượt cấp kéo dài.

Nhìn chung công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo được thực hiện khá tốt, xử lý kịp thời, dứt điểm các trường hợp vi phạm Luật Đất đai như sử dụng đất không đúng mục đích, tranh chấp, lấn chiếm... Tuy nhiên, khi giá trị đất

đai ngày càng tăng lên, tình trạng tranh chấp, lấn chiếm, sử dụng sai mục đích... sẽ ngày càng xảy ra nhiều hơn, đặc biệt ở các khu vực có kinh tế phát triển. Do vậy cần có sự quan tâm nhiều hơn nữa của các cấp thẩm quyền trong công tác quản lý đất đai nhằm ngăn chặn việc vi phạm Luật Đất đai.

1.1.15. Quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai

Trong tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn thị xã hiện tại có chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hà Nam tại thị xã đã phát huy tốt vai trò, và đáp ứng yêu cầu về công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoạt động thế chấp, các công việc liên quan đến lĩnh vực dịch vụ công như: thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất, đăng ký biến động về đất và thực hiện các thủ tục hành chính về quản lý, sử dụng đất, chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hà Nam tại thị xã Duy Tiên đã phối hợp với Phòng Tài nguyên Môi trường thực hiện theo đúng quy trình, hướng dẫn chuyên môn của ngành Tài nguyên và Môi trường thực hiện tốt các hoạt động về đất đai.

1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân

a. Một số kết quả đạt được trong công tác quản lý đất đai

Trong năm giai đoạn 2010-2020, đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về đất đai bằng nhiều hình thức như: phối hợp với Đài truyền thanh thị xã làm một số chuyên mục với các nội dung: Kiểm kê đất đai; tổ chức các hội nghị triển khai các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh; tổ chức quán triệt, triển khai kiểm kê đất đai năm 2014; Kiểm kê đất đai năm 2019 trên địa bàn thị xã.

Trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (GCN): tổ chức hội nghị kiểm điểm tiến độ, tháo gỡ vướng mắc về công tác cấp GCN trên địa bàn thị xã. Cấp GCN cho các tổ chức; Kiểm tra nghiệm thu sản phẩm hồ sơ địa chính của dự án đất các tổ chức. Đôn đốc việc cấp GCN cho các cơ sở tôn giáo. Cấp GCN cho các tổ chức theo nhu cầu, đảm bảo thời gian và chất lượng theo quy định.

Trong công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Đã trình UBND thị xã phê duyệt đề cương dự toán quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030; Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

b. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện còn một số tồn tại, hạn chế sau:

- Việc kiểm tra giám sát cấp xã thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo quy định Luật Đất đai năm 2013 còn hạn chế, chưa tổ chức việc giám sát

ở địa phương do phải tập trung thực hiện nhiều công việc, chủ yếu là xử lý vụ việc, chưa thực hiện được chức năng quản lý, giám sát.

- Trong công tác tham mưu, đề xuất việc giải quyết vướng mắc đề nghị của một số phường, xã còn chậm; công tác xác định giá đất cụ thể phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đầu năm của một số dự án chưa kịp thời.

1.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai

Qua nghiên cứu kinh nghiệm quản lý đất đai của một số địa phương có thể rút ra một số điểm kết luận cần lưu ý trong lĩnh vực quản lý đất đai:

- Việc thực hiện cải cách hệ thống quản lý đất đai của Việt Nam hiện nay được thực hiện với phương châm “Càng sớm càng tốt”. Mục tiêu chính của cải cách:

+ Tạo ra những bước đột phá trong nguồn cung và đảm bảo sử dụng tối đa đất đô thị.

+ Tìm ra những biện pháp quản lý thích hợp đối với các hoạt động liên quan đến TT BĐS và đảm bảo tạo nên môi trường chính sách thích hợp để những biện pháp này được áp dụng hiệu quả.

+ Thiết lập một hệ thống thông tin đất đai, BĐS hữu hiệu cho phép mọi người được tiếp cận tự do và công khai.

- Công bố các quy hoạch và các quy định sử dụng đất công khai trên các báo chí truyền thông nhằm làm cho mọi nhân viên của các cơ quan đến đất đai và người dân đều biết và tham gia góp ý và thông suốt.

- Xây dựng các chính sách khuyến khích khu vực tư nhân tham gia cung ứng nhà ở cho những người có thu nhập thấp và đầu tư cơ sở hạ tầng cho xã hội và các khu vực dân cư đô thị.

- Thực hiện phân cấp hữu hiệu cho các bên khác nhau tham gia vào quản lý đất đai.

- Sử dụng công nghệ thông tin để quản lý nhằm giảm bớt sự chồng chéo và chồng chéo của bộ máy quản lý nhà nước.

- Qua nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia cho thấy chính quyền, đặc biệt là cơ quan Trung ương giữ vai trò chủ đạo trong quá trình giải quyết đất đai. Nhưng trên thực tế do nhiều nguyên nhân khác nhau (như có quá nhiều các quy định chồng chéo nhau, hệ thống thông tin thường thiếu và không đầy đủ, thủ tục hành chính rườm rà v.v...). Ngoài ra Nhà nước cần có những biện pháp thúc đẩy phát triển hiệu quả các vấn đề:

+ Mở rộng quan hệ hợp tác hiệu quả giữa Nhà nước và các thành phần tư nhân;

+ Thúc đẩy tính tự lực của cộng đồng và đẩy mạnh tính xã hội hoá trong việc giải quyết đất đai và nhà ở tại các thành phố lớn;

+ Tăng cường vai trò và năng lực của các chính quyền địa phương trên cơ sở phân công, phân cấp hợp lý về các chức năng và quyền hạn;

+ Đẩy mạnh vai trò của các tổ chức phi chính phủ trong việc làm cầu nối những mối quan tâm cộng đồng, Chính phủ và lĩnh vực tư nhân.

II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT

2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất

Thị xã Duy Tiên có 16 đơn vị hành chính gồm 09 phường và 07 xã.

Theo số liệu tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020 tổng diện tích tự nhiên của thị xã là 12.091,85 ha. Cơ cấu sử dụng các loại đất như sau:

- Đất nông nghiệp: 6.558,49 ha, chiếm 54,24% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp: 5.466,84 ha, chiếm 45,21% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng: 66,53 ha, chiếm 0,55% tổng diện tích tự nhiên.

Bảng 1: Diện tích, cơ cấu các loại đất tính đến 31/12/2020

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích năm 2020 (ha)	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	
	Tổng diện tích tự nhiên		12.091,85	100
1	Đất nông nghiệp	NNP	6.558,49	54,24
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.443,28	36,75
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>4.330,55</i>	<i>35,81</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	647,21	5,35
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	355,97	2,94
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	744,18	6,15
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	367,83	3,04
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.466,84	45,21
2.1	Đất quốc phòng	CQP	15,37	0,13
2.2	Đất an ninh	CAN	32,55	0,27
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	967,00	8,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	65,93	0,55
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	8,03	0,07
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	171,51	1,42

2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	72,19	0,60
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.182,27	18,05
	<i>Trong đó:</i>			
+	Đất giao thông	DGT	1.288,70	10,66
+	Đất thủy lợi	DTL	518,35	4,29
+	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	20,71	0,17
+	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,35	0,07
+	Đất xây dựng cơ sở giáo dục	DGD	132,92	1,10
+	Đất xây dựng cơ sở thể thao	DTT	21,41	0,18
+	Đất công trình năng lượng	DNL	6,75	0,06
+	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,02	0,01
+	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
+	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT		
+	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,92	0,02
+	Đất cơ sở tôn giáo	TON	31,54	0,26
+	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	132,73	1,10
+	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		
+	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		
+	Đất chợ	DCH	6,59	0,05
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,08	0,03
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	603,02	4,99
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	739,06	6,11
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	16,45	0,14
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,53	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	18,90	0,16
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	452,68	3,74
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	110,80	0,92
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	6,48	0,05
3	Đất chưa sử dụng	CSD	66,53	0,55

(Nguồn: Thống kê đất đai năm 2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Duy Tiên, chi tiết xem phụ lục số 01/CH)

3.2.1.1. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp năm 2020 là 6.558,49 ha, chiếm 54,24% tổng diện tích tự nhiên, trong đó :

- Đất trồng lúa : Phân bố ở hầu hết các xã có diện tích 4.443,28 ha, chiếm 36,75% tổng diện tích tự nhiên. (trong đó đất chuyên trồng lúa nước 4.330,55 ha, chiếm 35,81% tổng diện tích tự nhiên).

- Đất trồng cây hàng năm khác: 647,21 ha, chiếm 5,35% tổng diện tích tự nhiên.
- Đất trồng cây lâu năm: 355,97 ha chiếm 2,94% tổng diện tích tự nhiên.
- Đất nuôi trồng thủy sản: Có diện tích 744,18 ha, chiếm 6,15% diện tích tự nhiên toàn thị xã.

- Đất nông nghiệp khác: Có diện tích 367,83 ha, chiếm 3,04% diện tích tự nhiên toàn thị xã.

3.2.1.2. Đất phi nông nghiệp

- Diện tích đất phi nông nghiệp năm 2020 của thị xã là 5.466,84 ha, chiếm 45,21% diện tích toàn thị xã, trong đó:

- Đất quốc phòng: 15,37 ha, chiếm 0,13% tổng diện tích đất tự nhiên.
- Đất an ninh: 32,55 ha, chiếm 0,27% tổng diện tích đất tự nhiên.
- Đất khu công nghiệp: 967,00 ha, chiếm 8,00% tổng diện tích đất tự nhiên.
- Đất cụm công nghiệp: 65,93 ha, chiếm 2,85% tổng diện tích đất tự nhiên.
- Đất thương mại dịch vụ: 8,03 ha, chiếm 0,07% tổng diện tích đất tự nhiên.
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 171,51 ha, chiếm 1,42% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 72,19 ha, chiếm 0,60% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 2.182,27 ha, chiếm 18,05% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 4,08 ha, chiếm 0,03% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất ở nông thôn: Có diện tích 603,02 ha, chiếm 4,99 % tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất ở đô thị: Có diện tích 739,06 ha, chiếm 6,11% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 16,45 ha, chiếm 0,14% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 0,53 ha chiếm 0,004% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: 18,90 ha, chiếm 0,16% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 452,68 ha, chiếm 3,74% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: 110,80 ha, chiếm 0,92% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất phi nông nghiệp khác: 6,48 ha, chiếm 0,05% tổng diện tích đất tự nhiên.

3.1.1.3. Đất chưa sử dụng

Năm 2020 trên địa bàn thị xã có 66,53 ha, chiếm 0,55% tổng diện tích đất tự nhiên.

3.2.1.4. Đất đô thị

Tổng diện tích đất đô thị hiện nay của thị xã Duy Tiên là 6.180,51 ha, chiếm 51,11% tổng diện tích đất đô thị của thị xã; Trong đó đất nông nghiệp có 2.944,09 ha, chiếm 47,64% tổng diện tích đất đô thị của thị xã; đất ở đô thị có 739,06 ha, chiếm 11,96% tổng diện tích đất đô thị của thị xã; đất phát triển hạ tầng là 1.185,78 ha, chiếm 19,19% tổng diện tích đất đô thị của thị xã.

2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước

Theo số liệu kiểm kê đất năm 2020 của thị xã, tổng diện tích tự nhiên của thị xã là 12.091,85 ha, tăng 0,03 ha so với năm 2015 và giảm 1.682,30 ha so với năm 2010, nguyên nhân do điều chỉnh địa giới hành chính theo Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 23/7/2013 của Chính Phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính các huyện Duy Tiên, Bình Lục, Thanh Liêm, Kim Bảng để mở rộng địa giới hành chính thành phố Phủ Lý và thành lập các phường thuộc thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; Nghị quyết số 829/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Hà Nam.

Bảng 2. Biến động các loại đất thị xã Duy Tiên giai đoạn 2010-2015-2020

Đơn vị tính : ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích năm 2020 (ha)	So với năm 2015		So với năm 2010	
				Diện tích năm 2015	Tăng(+) giảm(-) 2015	Diện tích năm 2010	Tăng(+) giảm(-) 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)- (5)	(7)	(8)=(4)- (7)
	Tổng diện tích tự nhiên		12.091,85	12.091,82	0,03	13.774,15	-1.682,30
1	Đất nông nghiệp	NNP	6.558,49	7.037,66	-479,17	8.352,24	-1.793,75
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.443,28	4.917,93	-474,65	6.327,10	-1.883,82
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>4.330,55</i>	<i>4.853,35</i>	<i>-522,80</i>	<i>6.327,10</i>	<i>-1.996,55</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	647,21	680,08	-32,87	616,34	30,87
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	355,97	335,26	20,71	537,31	-181,34
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	744,18	734,19	9,99	839,45	-95,27
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	367,83	370,20	-2,37	32,04	335,79
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.466,84	4.962,48	504,36	5.346,85	119,99
2.1	Đất quốc phòng	CQP	15,37	9,16	6,21	8,83	6,54

2.2	Đất an ninh	CAN	32,55	1,42	31,13	0,94	31,61
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	967,00	622,91	344,09	478,93	488,07
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	65,93	20,77	45,16	40,00	25,93
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	8,03	4,07	3,96	3,45	4,58
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	171,51	160,11	11,40	136,12	35,39
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	72,19	61,50	10,69	52,82	19,37
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.182,27	2.134,25	48,02	2.548,56	-366,29
	<i>Trong đó:</i>						
+	Đất giao thông	DGT	1.288,70	1.223,99	64,71	1.040,48	248,22
+	Đất thủy lợi	DTL	518,35	570,50	-52,15	437,56	80,79
+	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	20,71	1,56	19,15	11,57	9,14
+	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,35	7,83	0,52	8,11	0,24
+	Đất xây dựng cơ sở giáo dục	DGD	132,92	128,53	4,39	166,95	-34,03
+	Đất xây dựng cơ sở thể thao	DTT	21,41	22,33	-0,92	22,30	-0,89
+	Đất công trình năng lượng	DNL	6,75	2,01	4,74	6,59	0,16
+	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,02	0,98	0,04	0,84	0,18
+	Đất xây dựng kho dự trữ Quốc gia	DKG					
+	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT				3,81	-3,81
+	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,92	3,87	-0,95	1,99	0,93
+	Đất cơ sở tôn giáo	TON	31,54	31,54	0,00	19,73	11,81
+	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	132,73	135,71	-2,98	149,03	-16,30
+	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH					
+	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH					
+	Đất chợ	DCH	6,59	5,40	1,19	5,57	1,02
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		14,65	-14,65		
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,08	34,13	-30,05		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	603,02	1.136,50	-533,48	944,72	-341,70
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	739,06	102,48	636,58	114,51	624,55
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	16,45	14,51	1,94	8,48	7,97
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,53	1,28	-0,75	5,31	-4,78
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	18,90	18,69	0,21	16,33	2,57
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	452,68	465,87	-13,19	794,57	-341,89
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	110,80	153,31	-42,51	163,58	-52,78
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	6,48	6,87	-0,39	29,70	-23,22
3	Đất chưa sử dụng	CSD	66,53	91,68	-25,15	75,06	-8,53

(Nguồn: Phòng TN&MT thị xã Duy Tiên)

2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất

2.3.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất

a. Hiệu quả kinh tế - xã hội

- Sản xuất nông nghiệp từ bỏ quảng canh, đi vào thâm canh, coi trọng hiệu quả kinh tế/đơn vị diện tích. Đã có những chính sách hợp lý để khuyến khích việc khai hoang cải tạo đất chưa sử dụng để mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp; môi trường sinh thái ngày càng được cải thiện.

- Thực hiện giao đất sản xuất nông nghiệp ổn định cùng với các chính sách đẩy mạnh sản xuất hàng hoá đã làm cho nông dân năng động hơn, bố trí hợp lý cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phát triển nhiều vườn cây ăn quả có giá trị kinh tế cao. Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tăng đáng kể, đưa sản lượng lương thực có hạt đáp ứng đủ nhu cầu lương thực tại chỗ cho nhân dân.

- Việc bố trí quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ, chỉnh trang và xây dựng mới các khu dân cư đô thị, nông thôn, quản lý chặt chẽ việc chuyển đất sản xuất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp... đã tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển với tốc độ tăng trưởng bình quân 10 - 12%/năm.

b. Hiệu quả môi trường

Việc khai thác các loại tài nguyên khoáng sản thiếu sự kiểm soát đã dẫn đến ô nhiễm hủy hoại môi trường sinh thái nói chung và môi trường đất nói riêng.

Việc sử dụng các chất hoá học trong nông nghiệp, khai thác khoáng sản... đã và đang là nguyên nhân làm giảm số lượng của nhiều loại vi sinh vật có ích, làm giảm đa dạng sinh học cũng như tăng hàm lượng các chất gây độc trong đất do hàm lượng tồn dư.

Ngoài ra, tập quán sinh hoạt của người dân, các chất thải, nước thải, rác thải trong các khu dân cư đô thị, khu du lịch, khu công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh... cũng là một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường sống cũng như tác động xấu đến môi trường đất.

2.3.2. Tính hợp lý của việc sử dụng đất

a) Cơ cấu sử dụng đất

- Đất nông nghiệp chiếm tỷ trọng 54,24%. Trong đó đất trồng lúa chiếm 38,80%.

- Đất phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ 45,21% trong cơ cấu sử dụng đất của thị xã. Trong đất phi nông nghiệp, diện tích đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh

đất phi nông nghiệp chiếm 8,28%; đất cho phát triển cơ sở hạ tầng (*cả hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật*) chiếm 16,60%.

- Đất chưa sử dụng được khai thác đưa vào sử dụng khá triệt để trong những năm qua nhưng vẫn còn chiếm 0,55% trong cơ cấu sử dụng đất.

b) Mức độ thích hợp của từng loại đất so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

Trong lĩnh vực nông nghiệp: Đã cơ bản ổn định việc sử dụng đất cho nông hộ. Sản xuất nông nghiệp đang dần đi vào chiều sâu thông qua các giải pháp tích cực để tăng vụ sản xuất, tăng lượng nông sản hàng hoá phục vụ xuất khẩu. Cải tạo triệt để đất chưa sử dụng để làm tăng hiệu quả sử dụng đất, tạo nguồn bổ sung cho quỹ đất nông nghiệp bị chu chuyển trong kỳ.

- Trong lĩnh vực phi nông nghiệp: Đất phi nông nghiệp chiếm 42,94% diện tích tự nhiên giá trị sản xuất chiếm khoảng 97% trong cơ cấu kinh tế cho thấy thị xã đã có nhiều tiến bộ vượt bậc trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Tuy quỹ đất phi nông nghiệp tăng chậm nhưng trong lĩnh vực công nghiệp đã hình thành nhiều khu công nghiệp quy mô lớn (*tổng cộng khoảng 960 ha*), phát triển quỹ đất để đầu tư các khu kinh tế và phát triển du lịch, do vậy tốc độ tăng trưởng các khu vực công nghiệp luôn ở mức trên 12% và thương mại dịch vụ luôn đạt trên 10% trong suốt giai đoạn qua; Cơ sở hạ tầng, mạng lưới giao thông từng bước được sửa chữa, nâng cấp và mở mới qua các năm.

c) Tình hình đầu tư về vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất tại cấp lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Thị xã đã thực hiện nhiều chính sách, giải pháp tương đối toàn diện liên quan đến vấn đề đầu tư vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật, đôn bẩy kinh tế... trong sử dụng đất. Mọi đối tượng sử dụng đất, chủ sử dụng đất đều có cơ hội nhận được sự đầu tư và có thể đầu tư đất đai theo năng lực của mình. Các hình thức khuyến khích cụ thể gồm:

+ Đầu tư vốn bằng tiền, cho vay trực tiếp đến người sử dụng đất theo các chương trình dự án và thông qua hệ thống các ngân hàng và quỹ tín dụng.

+ Đầu tư ứng trước các loại vật tư nông nghiệp, con giống, cung cấp các dịch vụ khoa học kỹ thuật với hệ thống các trung tâm khuyến nông, khuyến ngư, giống cây trồng, thú y tại các địa phương.

+ Hợp đồng bao tiêu sản phẩm, bảo hiểm sản xuất trực tiếp đến người sử dụng đất.

+ Chuyên giao khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, đưa giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất đi đôi với tiến bộ kỹ thuật canh tác được xác định là khâu đột phá, thúc đẩy nhanh tốc độ phát triển sản xuất nông nghiệp.

+ Có cơ chế khuyến khích những tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào các dự án đầu tư, kinh doanh khi có đất bị thu hồi. Có chính sách giải quyết tốt vấn đề bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư và các vấn đề xã hội liên quan.

Trong ngành sản xuất phi nông nghiệp, đặc biệt là quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh trên địa bàn Thị xã. Sự phát triển nhanh về công nghiệp và đô thị là do thị xã đã xác định được hướng đi đúng. Qua đó có điều kiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa. Từ hướng đi đúng, thị xã đã chọn bước đi thích hợp và tìm ra được giải pháp đột phá, đó là tập trung cải thiện môi trường đầu tư, môi trường sản xuất kinh doanh nhằm thu hút mạnh các nguồn lực cho đầu tư phát triển thị xã.

2.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất

- Quỹ đất dành cho các hoạt động phát triển kinh tế, phát triển các khu công nghiệp, khu du lịch... chưa được khai thác sử dụng hiệu quả, một số công trình, dự án đã được giao đất nhưng tiến độ triển khai còn chậm hoặc chưa được thực hiện, gây lãng phí trong sử dụng đất.

- Việc sử dụng đất trong các lĩnh vực thủy sản, du lịch, quốc phòng an ninh cũng gặp nhiều vướng mắc do còn có sự chông chéo giữa quy hoạch phát triển của các ngành, hạn chế trong việc phát huy lợi thế của từng lĩnh vực.

- Việc mất đất sản xuất nông nghiệp cho các mục đích phát triển công nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng và đô thị hoá là điều tất yếu trong quá trình phát triển theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá trong giai đoạn 2011-2020 và các năm tiếp theo, song đây lại là vấn đề cần được quan tâm nhiều.

- Chính sách bồi thường tái định cư thiếu đồng bộ, thực hiện thiếu thống nhất cũng là nguyên nhân gây nhiều khó khăn khi Nhà nước thu hồi đất, đặc biệt khi thu hồi đất vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội.

Để khắc phục những tồn tại nêu trên cần quan tâm một số vấn đề cơ bản sau:

- Cần quy hoạch ổn định diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên cơ sở phù hợp với tiềm năng đất đai của từng khu vực, thực hiện đầu tư thâm canh theo chiều sâu, sản xuất tập trung tạo ra sản phẩm hàng hóa theo hướng xuất khẩu.

- Đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; tăng cường sức hút đầu tư phát triển kinh tế, đô thị bằng những chính sách hợp lý cũng như ưu tiên đầu tư vốn cho các công trình, dự án trọng điểm.

- Xây dựng quy hoạch thống nhất trên địa bàn toàn thị xã, quản lý và sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt. Kiên quyết xử lý dứt điểm tình trạng lấn chiếm, sử dụng đất sai mục đích.

- Cụ thể hóa các văn bản pháp luật đất đai của Nhà nước vào tình hình thực tế của địa phương, tăng cường năng lực cho đội ngũ quản lý đất đai cấp cơ sở...

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỶ TRƯỚC

3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

Kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thị xã Duy Tiên đến thời điểm năm 2020, được thể hiện ở bảng 3 dưới đây:

Bảng 3. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện 2020		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) - (4)	(7) = (5)/(4)*100%
	Tổng diện tích		12.091,89	12.091,85		100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	5.586,82	6.558,49	971,67	117,39
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.914,89	4.443,28	528,39	113,50
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>3.825,13</i>	<i>4.330,55</i>	<i>505,42</i>	<i>113,21</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	456,20	647,21	191,01	141,87
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	320,36	355,97	35,61	111,12
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	33,43		-33,43	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	534,28	744,18	209,90	139,29
1.8	Đất làm muối	LMU				

1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	327,66	367,83	40,17	112,26
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.502,03	5.466,84	-1.035,19	84,08
2.1	Đất quốc phòng	CQP	12,16	15,37	3,21	126,42
2.2	Đất an ninh	CAN	66,00	32,55	-33,45	49,31
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.363,69	967,00	-396,69	70,91
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	60,88	65,93	5,05	108,30
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	6,27	8,03	1,76	128,05
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	190,72	171,51	-19,21	89,93
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	159,05	72,19	-86,86	45,39
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.638,49	2.182,27	-456,22	82,71
	<i>Trong đó:</i>					
+	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.490,30</i>	<i>1.288,70</i>	<i>-201,60</i>	<i>86,47</i>
+	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>576,14</i>	<i>518,35</i>	<i>-57,79</i>	<i>89,97</i>
+	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>71,80</i>	<i>20,71</i>	<i>-51,09</i>	<i>28,85</i>
+	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>8,95</i>	<i>8,35</i>	<i>-0,60</i>	<i>93,33</i>
+	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục</i>	<i>DGD</i>	<i>249,81</i>	<i>132,92</i>	<i>-116,89</i>	<i>53,21</i>
+	<i>Đất xây dựng cơ sở thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>34,64</i>	<i>21,41</i>	<i>-13,23</i>	<i>61,80</i>
+	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>5,10</i>	<i>6,75</i>	<i>1,65</i>	<i>132,33</i>
+	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>1,38</i>	<i>1,02</i>	<i>-0,36</i>	<i>73,77</i>
+	<i>Đất xây dựng kho dự trữ Quốc gia</i>	<i>DKG</i>				
+	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>5,00</i>		<i>-5,00</i>	
+	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>15,59</i>	<i>2,92</i>	<i>-12,67</i>	<i>18,73</i>
+	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>31,71</i>	<i>31,54</i>	<i>-0,17</i>	<i>99,46</i>
+	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>146,27</i>	<i>132,73</i>	<i>-13,54</i>	<i>90,74</i>
+	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ</i>	<i>DKH</i>				
+	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>				
+	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>9,30</i>	<i>6,59</i>	<i>-2,71</i>	<i>70,85</i>
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	14,21		-14,21	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	34,13	4,08	-30,05	11,96
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.289,20	603,02	-686,18	46,77
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	198,88	739,06	540,18	371,61
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,10	16,45	-1,65	90,88
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,36	0,53	-0,83	39,32
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại	DNG				

	giao					
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	19,11	18,90	-0,21	98,92
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	381,64	452,68	71,04	118,61
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	6,59	110,80	104,21	1681,32
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	41,55	6,48	-35,07	15,58
3	Đất chưa sử dụng	CSD	3,04	66,53	63,49	2188,50

(Nguồn: Phương án quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020 của thị xã Duy Tiên)

3.1.1. Đất nông nghiệp

Chỉ tiêu đất nông nghiệp theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 5.586,82 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 6.558,49 ha; đạt 117,39% so với chỉ tiêu được duyệt. Trong đó:

- *Đất trồng lúa*: Chỉ tiêu đất lúa nước theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 3.914,89 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 4.443,28 ha; đạt 113,50% so với chỉ tiêu được duyệt.

- *Đất trồng cây hàng năm khác*: Chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm khác theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 456,20 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 647,21 ha, đạt 141,87% so với chỉ tiêu được duyệt.

- *Đất trồng cây lâu năm*: Chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 320,36 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 355,97 ha; đạt 111,12% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- *Đất nuôi trồng thủy sản*: Chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 534,28 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 744,18 ha; đạt 139,29% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- *Đất nông nghiệp khác*: Chỉ tiêu đất nông nghiệp khác theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 327,66 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 367,83 ha; đạt 112,26% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

3.1.2. Đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 6.502,03 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 5.466,84 ha; đạt 84,08% so với chỉ tiêu được duyệt. Cụ thể:

- *Đất quốc phòng*: Chỉ tiêu đất quốc phòng theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 12,16 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 15,37 ha, đạt 126,42% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- *Đất an ninh*: Chỉ tiêu đất an ninh theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 66,00 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 32,55 ha, đạt 49,31% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- *Đất khu công nghiệp*: Chỉ tiêu đất khu công nghiệp theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 1.363,69 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 967,00 ha, đạt 70,91% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- *Đất cụm công nghiệp*: Chỉ tiêu đất cụm công nghiệp theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 60,88 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 65,93 ha, đạt 108,30% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- *Đất thương mại dịch vụ*: Chỉ tiêu đất thương mại dịch vụ theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 6,27 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 8,03 ha, đạt 128,05% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*: Chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 190,72 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 171,51 ha, đạt 89,93% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- *Đất sản xuất vật liệu xây dựng*: Chỉ tiêu đất sản xuất vật liệu xây dựng theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 159,05 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 72,19 ha, đạt 45,39% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- *Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã*: Chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 2.638,49 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 2.182,27 ha, đạt 82,71% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- *Đất sinh hoạt cộng đồng*: Chỉ tiêu đất sinh hoạt cộng đồng theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 14,21 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 0 ha do thay đổi chỉ tiêu kiểm kê đất đai từ đất sinh hoạt cộng đồng sang đất văn hóa.

- *Đất khu vui chơi, giải trí công cộng*: Chỉ tiêu đất khu vui chơi, giải trí công cộng theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 34,13 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 4,08 ha, đạt 11,96% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- *Đất ở tại nông thôn*: Chỉ tiêu đất ở tại nông thôn theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 1.289,20 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 603,02 ha, đạt 46,77% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- *Đất ở tại đô thị*: Chỉ tiêu đất ở tại đô thị theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 198,88 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 739,06 ha, đạt 371,61% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- *Đất xây dựng trụ sở cơ quan*: Chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở cơ quan theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 18,10 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 16,45 ha, đạt 90,88% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- *Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*: Chỉ tiêu đất xây dựng của tổ chức sự nghiệp theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 1,36 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 0,53 ha, đạt 39,32% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- *Đất cơ sở tín ngưỡng*: Chỉ tiêu đất cơ sở tín ngưỡng theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 19,11 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 18,90 ha, đạt 98,92% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- *Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối*: Chỉ tiêu đất sông, ngòi theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 381,64 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 452,68 ha, đạt 118,61% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- *Đất có mặt nước chuyên dùng*: Chỉ tiêu đất có mặt nước chuyên dùng theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 6,59 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 110,80 ha, đạt 1681,32% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- *Đất phi nông nghiệp khác*: Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp khác theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 41,55 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 6,48 ha, đạt 15,58% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

3.1.3. Đất chưa sử dụng

Diện tích theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 3,04 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 66,53 ha, đạt 2188,50% so với chỉ tiêu được duyệt.

3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

3.2.1. Kết quả đạt được

- Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011- 2020 thị xã Duy Tiên, kế hoạch sử dụng đất 2011-2020, thực hiện đến năm 2020 đã góp phần tích cực phục vụ cho mục đích phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn trên địa bàn thị xã, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu cân bằng hệ sinh thái, bảo vệ môi trường, khai thác đưa vào sử dụng hợp lý diện tích đất chưa sử dụng.

- Tăng cường một bước hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai, khai thác tốt tiềm năng đất đai đảm bảo an ninh lương thực của thị xã, phục vụ cho các mục tiêu quốc phòng, an ninh; đáp ứng cơ bản nhu cầu đất để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển đô thị; đóng góp nguồn thu quan trọng cho ngân sách nhà nước;

- Thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã góp phần tạo lập cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từng bước đưa công tác quản lý đất đai ở các phường, xã trên địa bàn thị xã đi vào nề nếp. Tuy nhiên, xét trên các nhóm đất lớn là nông nghiệp, phi nông nghiệp và

chưa sử dụng, kết quả thực hiện chỉ tiêu đất phi nông nghiệp, khai thác đất chưa sử dụng vào sử dụng đều chưa đạt so với các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đề ra.

3.2.2. Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

Trong giai đoạn 2011 – 2020 việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của thị xã Duy Tiên vẫn còn đạt tỷ lệ thấp so với kế hoạch được phê duyệt. Trong đó việc chuyển đổi một số loại đất nông nghiệp như chuyển đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp chưa thực hiện được, chỉ tiêu chuyển đất trồng lúa và đất nuôi trồng thủy sản sang đất phi nông nghiệp đạt thấp. Nhiều công trình sử dụng đất đang thực hiện hoặc đã hoàn thành, đưa vào sử dụng, tuy nhiên, các thủ tục hành chính về giấy tờ còn tồn đọng. Việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất năm trước chưa đạt được chỉ tiêu đề ra do những nguyên nhân:

- Việc triển khai kế hoạch sử dụng đất giữa các ngành chưa được tiến hành đồng bộ, hiệu quả chưa cao nguyên nhân do chưa chủ động hoặc không xác định được nguồn vốn phục vụ cho việc triển khai sử dụng đất, quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

- Một số chủ dự án đăng ký nhu cầu sử dụng đất còn mang tính chủ quan, chưa lường hết khó khăn trong công tác chuẩn bị đầu tư, về nguồn vốn lập và yêu cầu về bố trí trước các khu tái định cư nên không đủ điều kiện để được giao đất. Thủ tục quản lý đầu tư xây dựng cơ bản phức tạp và chặt chẽ là nguyên nhân làm cho các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện các dự án giao đất, cho thuê đất và các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước đạt thấp.

- Việc bố trí vốn để thực hiện các công trình, dự án có sử dụng đất chưa đảm bảo đúng tiến độ theo kế hoạch đã được phê duyệt, nên việc thực hiện chậm so với tiến độ đã đề ra.

- Một số phương án quy hoạch chưa được dự báo sát với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, chưa lường hết những khó khăn trong quá trình thi công, giải phóng mặt bằng, vốn đầu tư dẫn đến quy hoạch treo không thực hiện được hoặc việc bố trí quỹ đất cho các mục đích sử dụng chưa phù hợp với nhu cầu thực tế.

- Việc thay đổi các chính sách về đất đai đã ảnh hưởng không nhỏ tới tiến độ triển khai giải phóng mặt bằng đối với các dự án có quy mô lớn, thời gian thực hiện trải dài qua nhiều giai đoạn làm phát sinh những bất cập, thiếu đồng nhất giữa các phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng trong từng giai đoạn thực hiện, phát sinh thắc mắc, khiếu kiện từ phía các hộ dân bị thu hồi đất.

3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới

- Việc lập và phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thị xã cần được thực hiện theo đúng thời gian các bước để đảm bảo cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng đất có đủ thời gian thực hiện các hạng mục công trình sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cần thực hiện theo đúng quy trình; được lập từ tổng thể đến chi tiết; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của tỉnh Hà Nam, cũng như đảm bảo đảm tính đặc thù, liên kết của các vùng kinh tế - xã hội của các huyện, tỉnh lân cận; quy hoạch sử dụng đất phải thể hiện nội dung sử dụng đất của cấp xã. Cần lường hết được những khó khăn trong quá trình thi công, giải phóng mặt bằng, vốn đầu tư, tránh quy hoạch treo không thực hiện được hoặc việc bố trí quỹ đất cho các mục đích sử dụng chưa phù hợp với nhu cầu thực tế.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cần đảm bảo minh bạch, công khai và dân chủ; quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch cần có sự tham gia và ý kiến phản hồi của người dân, cơ quan, tổ chức sử dụng đất. Kiểm tra việc tổ chức công khai theo quy định của pháp luật đối với các dự án thực hiện đầu tư trên địa bàn. *Đối với Chủ đầu tư*, cần công khai hóa thông tin về các vị trí quy hoạch sử dụng đất trong phương án, địa chỉ thửa đất, mục đích sử dụng để người dân được biết. *Đối với cơ quan lập quy hoạch*: cung cấp các thông tin, trả lời, giải trình về các vấn đề liên quan đến dự án, trong phương án quy hoạch sử dụng đất khi cộng đồng yêu cầu và tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện quy hoạch

- Các quy định của pháp luật về quản lý đất đai nói chung và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nói riêng, cần kịp thời cập nhật, thông tin và truyền thông đầy đủ và kịp thời cho các tổ chức, cá nhân sử dụng đất. Các thủ tục hành chính về đất đai cần được hướng dẫn cụ thể và thực hiện đầy đủ.

- Các thủ tục hành chính về đất đai cần chấp hành đầy đủ theo trình tự, quy định, tránh để tồn đọng các giấy tờ, đây cũng là bài học hạn chế việc quản lý và sử dụng đất đai trái pháp luật.

- Cần xác định rõ các hạng mục ưu tiên, nguồn vốn khả thi để thực hiện các công trình, dự án có sử dụng đất đảm bảo đúng tiến độ, trên nguyên tắc sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả, khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và an ninh lương thực.

IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI

4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp

a. Tiềm năng đất đai phục vụ trồng cây hàng năm

- Đất trồng lúa: Đất thích hợp cho trồng lúa là 4.443,28 ha. Diện tích để mở rộng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh còn lại rất ít, do vậy để đảm bảo vấn đề lương thực cần có những biện pháp thâm canh tăng vụ, áp dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, giống mới... trên những diện tích đang sử dụng.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Đây là loại hình sử dụng rất đa dạng, có thể phát triển trên diện rộng. Diện tích thích nghi tiềm năng 647,21 ha. Đó là điều kiện thuận lợi để phát triển đa dạng hóa cây trồng.

b. Tiềm năng đất đai phục vụ nuôi trồng thủy sản

Hiện trạng toàn thị xã có khoảng 744,18 ha đất nuôi trồng thủy sản, ngoài ra có khoảng 110,80 ha đất mặt nước chuyên dùng và khoảng 452,68 ha đất sông suối, kênh, rạch,... Diện tích có khả năng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thị xã khoảng 744,18 ha.

4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp

a. Tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất và phát triển cơ sở hạ tầng

Tập trung đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn thị xã theo hướng hiện đại nhằm đón bắt và đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của tuyến đường cao tốc Cầu giẽ - Ninh Bình, đường Quốc lộ 1A, đường Quốc lộ 38, đường vành đai 5, tạo môi trường đầu tư thuận lợi, hấp dẫn trên địa bàn.

Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn thị xã phải đảm bảo tính đồng bộ, nhất là tại các đô thị nhằm tránh sự chùng chéo, không thống nhất trong quá trình thực hiện đầu tư các dự án gây lãng phí vốn đầu tư không cần thiết.

Xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới giao thông liên hoàn nối các địa bàn trong thị xã một cách thông suốt, hòa nhập vào hệ thống giao thông liên tỉnh và cả nước. Phát triển đồng bộ cả giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển các ngành kinh tế - xã hội, phục vụ dân sinh và đảm bảo an ninh quốc phòng.

b. Tiềm năng đất đai phát triển công nghiệp - TTCN

Duy Tiên có vị trí cửa ngõ thủ đô Hà Nội. Thuận lợi về giao thông (đường thủy, đường bộ, đường sắt), đặc biệt sau khi các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh xây dựng xong thì khả năng giao thông sẽ được cải thiện mạnh mẽ là yếu tố quan trọng giúp Duy Tiên càng phát triển hơn.

Từ kết quả đánh giá các điều kiện về đất đai, vị trí phân bố không gian, thực trạng cơ sở hạ tầng, sức thu hút đầu tư, khả năng cung cấp nguyên liệu... cho thấy tiềm năng đất đai thuận lợi cho phát triển công nghiệp của thị xã được phân bố chủ yếu tại các phường Đồng Văn, Bạch Thượng, Hoàng Đông, Tiên Nội, Yên Bắc, Châu Giang rất thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp.

c. Tiềm năng phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2030 và xa hơn, Chính phủ và tỉnh sẽ triển khai nhiều dự án trọng điểm như tuyến đường vành đai V... và nhiều dự án phát triển các khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp, dịch vụ sẽ làm chuyển dịch mạnh cơ cấu dân cư, cơ cấu sử dụng đất, nâng cao chất lượng hạ tầng sẽ là một trong những nhân tố chủ đạo đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá tạo điều kiện thuận lợi để hình thành hệ thống đô thị. các khu dân cư tập trung trên địa bàn thị xã.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng quỹ đất đai, đối chiếu so sánh với các tiêu chí về mức độ thuận lợi, ít thuận lợi và không thuận lợi cho thấy tiềm năng đất đai thuận lợi nhất để phát triển hệ thống đô thị, khu dân cư lớn tại thị xã duy Tiên là dọc trục quốc lộ 38 và đường 68m.

Bên cạnh đó còn có một số khu vực đô thị mới sẽ tiếp tục được hình thành và phát triển tại các phường, trung tâm xã... Ngoài việc phát triển thêm các đô thị mới, chỉnh trang cải tạo các đô thị cũ, hiện hữu; nhu cầu về bố trí đất ở của nhân dân, mở rộng cũng như phát triển các khu dân cư nông thôn mới trong tương lai là thực tế khách quan không thể tránh khỏi.

Các khu dân cư nông thôn hiện có cũng có khả năng tự mở rộng để đáp ứng nhu cầu đất ở cho các hộ phát sinh mới.

d. Tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc phát triển du lịch - dịch vụ

Trên cơ sở kết quả đánh giá các điều kiện thuận lợi, yếu tố tác động đến từng loại hình du lịch, dịch vụ cho thấy tiềm năng đất đai để phát triển du lịch, dịch vụ của thị xã được hình thành theo các khu du lịch như sau:

- Chùa Long Đọi Sơn (xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam) có tên chữ là Diên Linh tự. Chùa do Lý Thánh Tông và Vương phi Ý Lan chủ trì xây dựng từ năm 1054 (do tể tướng Dương Đại Gia và mời thiền sư Đàm Cứu Chỉ đến trụ trì và tham gia xây dựng). Đến đời Lý Nhân Tông, nhà vua này tiếp tục xây dựng phát triển và xây tháp Sùng Thiện Diên Linh từ năm 1118 đến năm 1121. Ngôi chùa được xây dựng trên đỉnh núi, trong khuôn viên 2 hec-ta vườn rừng. Chùa quay về hướng nam, đúng như câu tục ngữ: "Đầu gối núi Đọi, chân đọi Tuần Vương, phát tích đế vương lưu truyền vạn đại". Ngay cổng chính, trước tòa tam bảo là nhà bia để tấm bia Sùng Thiện Diên Linh nổi tiếng. Khi xây xong

chùa và tháp, nhà vua sai Thượng thư bộ Hình Nguyễn Công Bật soạn văn bia. Văn bia nguyên có tên là Đại Việt quốc dương gia đệ tứ Sùng Thiện Diên Linh tháp bi, được viết xong ngày 6 tháng 7 năm Tân Sửu (1121). Nội dung bài văn bia chủ yếu ca ngợi công lao tài trí của Lý Nhân Tông trong việc xây dựng, kiến thiết và đánh giặc giữ nước. Đầu thế kỷ XV, khi giặc Minh xâm lược nước ta, chùa và tháp đã bị phá hủy hoàn toàn. Riêng bia Sùng Thiện Diên Linh vì không phá nổi, chúng đã lật đổ xuống bên cạnh núi.

Mãi tới cuối thế kỷ XVI, vào năm 1591 đời Mạc Mậu Hợp, tức là gần 170 năm sau khi bị giặc Minh tàn phá, ngôi chùa bị bỏ phế hoàn toàn, nhân dân địa phương mới "dựng lại bia đổ, bắc lại xà nhà và những chỗ tường hư hỏng, làm cửa xây tường khiến cho sau hơn 500 năm, một nơi thắng cảnh trong chốn rừng lâm lại được mới mẻ".

Vào năm Tự Đức thứ 13 (1860), chùa Long Đọi Sơn có sửa sang thượng điện, tiền đường, nhà tổ, siêu hương, gác chuông, nghi môn. Đến năm 1864, chùa lại tiếp tục sửa hành lang, đúc tượng Di Lặc, đúc khánh đồng và đúc khánh đá do sư tổ đời thứ 5 là Thích Chiếu Trường chủ trì xây dựng hoàn chỉnh 125 gian, từ đó trở thành trường Bắc Kỳ Phật giáo. Ngôi chùa lúc này được dựng theo kiểu nội công ngoại quốc.

Lễ hội chùa Long Đọi Sơn được tổ chức hàng năm vào ngày 21 tháng 3 âm lịch đã trở thành một nét văn hoá tín ngưỡng lâu đời của người dân xã Đọi Sơn nói riêng và Thị xã Duy Tiên nói chung. Với mục đích nhằm quảng bá các công trình kiến trúc tại di tích lịch sử chùa Long Đọi Sơn, đồng thời khơi dậy truyền thống văn hoá dân tộc, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân và du khách thập phương.

Ngoài ra, Lễ hội Tịch điền Đọi Sơn là một lễ hội mang ý nghĩa khuyến nông và là nét đẹp văn hóa trở về nguồn cội. Nghi lễ chính trong toàn bộ lễ hội là lễ tịch điền Đọi Sơn, tái hiện huyền tích từ thời Thập đạo tướng quân Lê Hoàn khi ông nhận thấy núi Đọi có vị trí chiến lược quan trọng đối với kinh đô Hoa Lư đến khi lên ngôi vua, Lê Đại Hành về chân núi Đọi cày ruộng để khuyến khích mở mang nông trang. Lễ hội được tổ chức vào mùng 7 tháng Giêng hàng năm ở cánh đồng Đọi Sơn nằm dưới chân núi Đọi.

- Đền Lảnh Giang (xã Mộc Nam, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam) thờ Tam vị danh thần đời Hùng Vương thứ 18 có công giúp vua Hùng Duệ Vương chống lại Thục Phán. Đền Lảnh Giang tọa lạc trong khuôn viên có diện tích gần 3.000 m², bao quanh là không gian xanh của vườn nhãn, đầm sen, bên nước. Cửa đền hướng ra dòng sông Hồng mênh mông sóng nước.

Sau nhiều lần tu sửa, kiến trúc đền hiện nay gồm các công trình: hồ bán nguyệt, tam quan và đền chính. Hồ bán nguyệt được trồng hoa súng đỏ, giữa hồ là ngọn bảo tháp 2 tầng và cây cầu cong tạc hình “lưỡi long hướng địa” nối bảo tháp với tam quan. Tam quan đền xây theo kiểu chồng diêm tám mái với các đầu đao cong vút đắp nổi hình đầu rồng, đan xen là mặt nguyệt, lá lật cách điệu mềm mại. Đền chính có kiến trúc theo kiểu nội công, ngoại quốc bao gồm 3 tòa với 14 gian lớn, nhỏ. Trong đó, nổi bật nhất là tòa Trung đường được dựng theo kiểu chồng diêm hai tầng tám mái cong.

Ngoài kiến trúc bề thế, đền Lảnh Giang lưu giữ nhiều đồ thờ giá trị như: khám long đình, khám đặt tượng 3 vị tướng thời Hùng Vương thứ 18, kiệu bát cống long đình, sập thờ và nhiều hoành phi câu đối, nhang án...

Hàng năm, đền Lảnh Giang tổ chức hai kỳ Lễ hội, từ ngày 2 – 5/6 âm lịch và 20/8 âm lịch. Bên cạnh các nghi thức tế lễ, rước thánh, còn có phần hội gồm nhiều hoạt động hấp dẫn như: chọi gà, đánh gậy, đấu cờ người, tổ tôm điểm, múa sư tử, thi thổi cơm trên quang gánh, diễn tập trận giả, hát chầu văn, thi bơi chải trên sông Hồng...

Khai thác sự đa dạng, phong phú về tài nguyên du lịch sẽ là thế mạnh trong việc tạo tiền đề phát triển du lịch, dịch vụ của thị xã trong tương lai. Vì vậy, trong những năm tới các khu vực này sẽ được đầu tư phát triển mạnh về cơ sở hạ tầng, các công trình phục vụ cho du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch ngày càng tăng; đồng thời sẽ kéo theo sự phát triển của các loại hình dịch vụ phục vụ cho du lịch. Ngoài ra, đối với các hoạt động dịch vụ thương mại của thị xã sẽ được tiếp tục phát triển tập trung ở các khu vực trung tâm, khu vực nội thị. Các hoạt động dịch vụ có quy mô nhỏ sẽ được tiếp tục phát triển trong các khu dân cư, hộ gia đình...

Phần III

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Trên cơ sở thực trạng phát triển kinh tế – xã hội của thị xã trong 10 năm qua (2011 – 2020); mục tiêu và định hướng và mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của thị xã Duy Tiên giai đoạn 2021-2030 được xác định như sau:

- Khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế nhanh và bền vững gắn với bảo vệ môi trường.

- Phát triển kinh tế - xã hội của Thị xã phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Nam, gắn với phát triển nông thôn mới.

- Phát huy lợi thế, định hướng khu vực công nghiệp - dịch vụ, thương mại là khu vực kinh tế chủ đạo của thị xã; khu vực nông nghiệp vẫn có tầm quan trọng đặc biệt trong ổn định xã hội, là nguồn thu nhập chính của đa số người dân.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiếp tục tăng tỷ trọng kinh tế công nghiệp, xây dựng, tập trung đầu tư cho phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, thương mại, dịch vụ; phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, chất lượng, đạt giá trị kinh tế cao; nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân. Hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Không ngừng chú trọng phát triển giáo dục – đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao. Tăng cường củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội. Phương hướng và mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của thị xã đến năm 2030.

1.2. Quan điểm sử dụng đất

Để đảm bảo sử dụng quỹ đất có hiệu quả, ổn định, đáp ứng được định hướng phát triển kinh tế xã hội của thị xã và nhu cầu sử dụng đất của các ngành đến năm 2030. Trong giai đoạn này, việc sử dụng quỹ đất của thị xã cần phải quán triệt các quan điểm sử dụng đất sau:

1. Quy hoạch sử dụng đất mang tính khoa học, hợp lý, tiết kiệm và phát triển bền vững. Đảm bảo vừa đáp ứng nhu cầu sử dụng đất trong những năm trước mắt, vừa đảm bảo đáp ứng cho phát triển ở những năm tiếp theo trên cơ sở khai thác, sử dụng đất có hiệu quả và bảo vệ môi trường phục vụ lâu dài cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.

2. Quy hoạch sử dụng đất phải bám sát định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã đến năm 2030 và giai đoạn tiếp theo theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phải đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất của các ngành phục vụ cho việc thực hiện quy hoạch phát triển của các ngành.

3. Quy hoạch sử dụng đất phải đảm bảo ưu tiên đất cho xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung, các khu du lịch, dịch vụ, điểm công nghiệp và việc mở rộng đô thị như quy hoạch của ngành nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng đã đề xuất, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn thị xã.

4. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất giữa các ngành và sử dụng có hiệu quả các loại đất. rà soát lại cơ cấu và định hướng sử dụng đất của các ngành để có giải pháp điều chỉnh hợp lý, trong quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất phải xem xét hiệu quả kinh tế – xã hội trước mắt và lâu dài với các giải pháp thích hợp nhằm ổn định sản xuất.

5. Quy hoạch sử dụng đất gắn với đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng với mở rộng không gian đô thị. Phát triển đô thị gắn với quy hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn theo hướng xây dựng nông thôn mới, hình thành các trục không gian đô thị có tính chất là đô thị công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch để thúc đẩy từng khu vực và hỗ trợ cho các đô thị lớn.

1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng

Duy Tiên xác định 3 khu vực phát triển đô thị chính bao gồm:

- Khu vực phát triển công nghiệp dịch vụ (dọc theo QL1A và ở về phía Tây đường cao tốc Bắc - Nam). Định hướng và nguyên tắc phát triển: Cải tạo và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội khu dân cư hiện hữu nhằm nâng cao điều kiện, môi trường sống. Đảm bảo khớp nối hạ tầng kỹ thuật với các khu vực lân cận. Hình thành khu nhà ở mới khang trang, hiện đại, đồng bộ cả về hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc, môi trường và hạ tầng xã hội. Đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển một khu đô thị đại học theo mô hình tổ hợp đào tạo - nghiên cứu - ứng dụng - phát triển công nghệ cao. Đường trục chính kết nối trực tiếp với QL1 tạo thuận lợi cho giao thông cũng như cho đầu tư xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Tăng quỹ nhà ở và các công trình dịch vụ xã hội khác cho dân cư trong khu đô thị và phụ cận.

- Khu vực phát triển đô thị dọc theo trục QL38A từ Đồng Văn đến Hòa Mạc. Với định hướng và nguyên tắc phát triển: Cải tạo, nâng cấp khu ở hiện hữu, đặc biệt là cảnh quan hai bên bờ sông Châu. Khu cơ quan hành chính, chính trị của Thị xã hiện hữu trước mắt giữ ổn định đến năm 2020, sau năm 2020 sẽ chuyển đến vị trí mới tại khu vực cận kề trung tâm cũ. Quỹ đất sau khi chuyển đổi dành cho việc phát triển các công trình tiện ích, dịch vụ của đô thị. Phát triển khu trung tâm hành chính mới của Thị xã (đô thị) Duy Tiên. Phát triển khu trung tâm TĐTT cấp đô thị. Phát triển các khu nhà ở mới hiện đại, đồng bộ. Bảo vệ, tôn tạo cảnh quan các khu dân cư hiện hữu.

- Khu vực phát triển đô thị Đọi Sơn - Châu Sơn - Tiên Phong (gắn với vành đai 5 vùng Thủ đô, giáp TP Phủ Lý). Định hướng và nguyên tắc phát triển: Là một điểm du lịch văn hóa tâm linh, du lịch làng nghề truyền thống, trong đó cảnh đẹp của Núi Đọi, sông Châu, chùa Long Đọi Sơn, làng trồng Đọi Tam và lễ hội Tịch Điền là các tài nguyên du lịch chủ yếu. Là khu đô thị có mật độ thấp, có cơ sở hạ tầng đồng bộ được phát triển dựa trên cơ sở gắn kết giữa đô thị mới và bảo tồn, chỉnh trang các khu dân cư hiện có gắn với dự trữ phát triển khu đại học mở rộng nằm ở phía Đông đường cao tốc tới Núi Đọi. Bảo tồn, tôn tạo và giữ gìn các công trình di tích, tôn giáo tín ngưỡng và kiến trúc dân gian có giá trị và các đặc trưng cảnh quan khu vực; Đầu tư nâng cấp kiến trúc nhà ở dân gian các làng xã, đảm bảo tính dân tộc và bản sắc địa phương; Phát triển công trình công cộng mới theo hướng kiến trúc xanh. Phát triển các trường đại học Công nghệ IT - Công nghệ sinh học và Công nghệ Nano. Khu này nằm toàn bộ bên phía Đông đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình.

Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của thị xã đến năm 2030 như trình bày ở trên và quy hoạch các ngành có nhu cầu sử dụng đất. Dựa vào định mức sử dụng của các ngành, chúng tôi đã tính toán nhu cầu đất đai và đề xuất định hướng sử dụng đất đến năm 2030 nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển các ngành giai đoạn 2021– 2030, như sau:

1.3.1. Định hướng phát triển và sử dụng đất nông nghiệp

a. Đất sản xuất nông nghiệp

Theo kế hoạch của ngành nông nghiệp, trong giai đoạn 2021-2030 sẽ phát triển nông lâm nghiệp theo hướng hàng hoá, phát triển mạnh phương thức sản xuất trang trại (lúa – cá; thủy sản, chăn nuôi tập trung,...), chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Đẩy mạnh công tác tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật. Tăng diện tích luân mùa, mùa sớm, giải phóng đất nhanh để phát triển cây màu vụ đông thành vụ sản xuất chính.

Để đáp ứng nhu cầu đất sản xuất nông nghiệp như trên, định hướng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp được xác định như sau:

- Trên cơ sở chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, thực hiện đa dạng hoá cây trồng, mở rộng diện tích gieo trồng vụ đông và vụ hè thu.
- Thực hiện chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm khác.
- Thực hiện chuyển đổi đất lúa sang nuôi trồng thủy sản (chuyển sang lúa – cá, trang trại thủy sản kết hợp với chăn nuôi, trồng trọt,...)

b. Đất nuôi trồng thủy sản:

Để tăng nhanh giá trị ngành thủy sản trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp của thị

xã. Theo kế hoạch phát triển của ngành nông nghiệp đến năm 2030, trên địa bàn thị xã ổn định diện tích thủy sản là 265,16 ha nuôi trồng thủy sản, giảm so với hiện trạng khoảng 479,03 ha.

Để đáp ứng yêu cầu trên, định hướng sử dụng đất nuôi trồng thủy sản từ nay đến năm 2030 như sau:

- Tập trung khai thác triệt để diện tích mặt nước ruộng trũng để đưa vào nuôi trồng thủy sản và mở rộng phương thức nuôi thâm canh và bán thâm canh.

1.3.2. Định hướng sử dụng đất phi nông nghiệp

Đất phi nông nghiệp trong giai đoạn 2021-2030 tăng mạnh do phát triển các khu, cụm công nghiệp, các khu đô thị, thương mại, dịch vụ cùng với việc phát triển hệ thống giao thông và các công trình hạ tầng khác.

1.3.3. Định hướng phát triển đất đô thị

- Định hướng phát triển các phân khu chức năng và sử dụng đất: Hình thành 6 phân khu chức năng (trung tâm lịch sử hiện hữu; khu Đại học - giáo dục đào tạo nguồn nhân lực; khu Hành chính, chính trị phức hợp mới của thị xã; khu thương mại dịch vụ chất lượng cao; khu Du lịch sinh thái Tiên Sơn; Công nghiệp xanh) phù hợp điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thị xã đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quy hoạch sử dụng đất của Duy Tiên phân thành 2 loại đất chính: đất khu vực nội thị và đất ngoại thị. Đến năm 2030, đất khu vực nội thị có diện tích 6.180,45 ha, chiếm 51,11% tổng diện tích đất tự nhiên trên địa bàn.

1.3.4. Định hướng sử dụng đất khu dân cư nông thôn

Dự báo đến năm 2030, dân số của thị xã sẽ tăng đáng kể. Số hộ tăng sẽ được xem xét bố trí xen ghép trong các khu dân cư hiện có; đồng thời hình thành và phát triển một số khu dân cư trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu về mặt tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Dự kiến diện tích đất ở nông thôn sẽ tăng khoảng 595,15 ha để đáp ứng nhu cầu dân sinh. Việc xác định quỹ đất khu dân cư nông thôn của thị xã được dựa trên các căn cứ: định mức cấp đất ở nông thôn/hộ; dự báo dân số khu vực nông thôn và số hộ phát sinh; hiện trạng sử dụng đất khu dân cư nông thôn, đất ở nông thôn.

1.3.5. Định hướng sử dụng đất chưa sử dụng

Đất bằng chưa sử dụng sẽ được bố trí sử dụng vào một số mục đích đất phi nông nghiệp như đất quốc phòng, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất phát triển hạ tầng.

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

1. Thu nhập bình quân đầu người đạt 195 triệu đồng, tăng bình quân 12,93%/ năm.

Cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản 1,86%; Công nghiệp, xây dựng 69,5%; Dịch vụ 28,64%.

2. Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đạt 1.622,92 tỷ đồng, tăng bình quân 1,83%/ năm.

3. Giá trị sản xuất CN-TTCN đạt 262.319,43 tỷ đồng, tăng bình quân 14,83%/ năm.

4. Tổng thu cân đối ngân sách trên đạt 488,16 tỷ đồng, tăng bình quân 13%/ năm.

5. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 32.441,16 tỷ đồng, tăng bình quân 15,76%/ năm.

6. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt 28.335,18 tỷ đồng, tăng bình quân 12%/ năm.

7. Số lao động được giải quyết việc làm mới ước đạt 4.380 người/năm, đạt kế hoạch.

8. Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới giảm còn 0,7%.

9. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân dưới 6%.

10. Mức giảm tỷ lệ sinh đạt 0,10‰.

11. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 90%.

12. Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa đạt 95%.

13. Tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt 100%.

14. Tỷ lệ thu gom rác thải: Đô thị đạt 100%, nông thôn đạt 98%.

15. Số xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu: 07 xã.

- Giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Hoàn thành nhiệm vụ quốc phòng – quân sự địa phương.

2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế

a. Khu vực kinh tế nông nghiệp, thủy sản

- Trong cơ cấu nội bộ, tỷ trọng ngành trồng trọt có xu hướng giảm dần đến năm 2025 còn 60,8% và năm 2030 còn 54,5%; ngành thủy sản, chăn nuôi chiếm tỷ trọng ngày càng cao, chiếm 39,2% năm 2025 và tăng lên 45,5% năm 2030.

- Phát triển thủy sản, chăn nuôi trở thành ngành kinh tế mạnh, chiếm trên 45,5% giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp vào năm 2030.

b. Khu vực kinh tế công nghiệp- xây dựng

- Tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp -xây dựng bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt 16-17%, trong đó giai đoạn 2021-2025 đạt 17-18%/năm và giai đoạn 2026-2030 khoảng 16-17%/năm. Mục tiêu đến năm 2030 ngành đóng góp 69% GDP, giải quyết việc làm cho khoảng 24% lao động xã hội.

- Phát triển mạnh công nghiệp nông thôn, tiêu thủ công nghiệp truyền thống. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đến năm 2025 tỷ trọng công nghiệp chiếm 65,4%; đến năm 2020 là 69,5%.

c. Khu vực kinh tế dịch vụ, du lịch

- Tốc độ tăng trưởng lĩnh vực dịch vụ bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt 11-12%, trong đó giai đoạn 2021-2025 đạt 10-11%/năm, giai đoạn 2026 -2030 từ 12-13%/năm.

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 21% và giai đoạn 2026 - 2030 khoảng trên 22%.

2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng

2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh

Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Duy Tiên đề xuất:

*** Đất nông nghiệp: 1.175,96 ha, Trong đó:**

- Đất trồng lúa: 252,88 ha;

- Đất trồng cây lâu năm: 164,40 ha;

*** Đất phi nông nghiệp: 10.851,82 ha; Cụ thể:**

- Đất quốc phòng: 17,55 ha;

- Đất an ninh: 37,89 ha;

- Đất khu công nghiệp: 2.541,01 ha;

- Đất cụm công nghiệp: 169,00 ha;

- Đất thương mại dịch vụ: 363,80 ha;

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 282,13 ha;

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 3.371,98 ha;

- Đất ở tại nông thôn: 1.198,17 ha;

- Đất ở tại đô thị: 1.578,94 ha;

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 32,65 ha;

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 0,53 ha;

*** Đất chưa sử dụng: 64,07 ha.**

(Chi tiết đến từng đơn vị cấp xã tại Biểu 03/CH phần Phụ lục)

2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

a. Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp

Như trên đã đề cập với thực trạng sử dụng đất đai của thị xã Duy Tiên như hiện nay, tiềm năng đất nông nghiệp của huyện chỉ còn trên khía cạnh tăng vụ, thâm canh, chuyển đổi mục đích sử dụng đưa vào phát triển sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản là chính, khả năng mở rộng bằng biện pháp khai hoang là không còn. Diện tích đất nông nghiệp đến năm 2030 của toàn thị xã là 1.175,96 ha giảm 5.382,53 ha so với năm 2020.

- **Về tăng hệ số sử dụng đất canh tác:** Trên cơ sở chuyển đổi mùa vụ (tăng trà lúa xuân muộn và trà lúa mùa sớm), phát triển đa dạng hoá cây trồng vụ đông và hè thu để tăng hệ số sử dụng đất canh tác, đưa chỉ tiêu này đạt 2,85 lần vào năm 2030.

- **Về chuyển đổi loại hình sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp:** Để nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên cơ sở thực trạng các loại đất nông nghiệp chuyển khoảng 54,90 ha đất trồng lúa, đất cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản sang đất nông nghiệp khác.

b. Nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp

Đến năm 2030 là 10.851,82 ha, tăng 5.384,99 ha so với năm 2020. Trong đó, nhu cầu các loại đất được xác định như sau:

- **Đất quốc phòng:** Đến năm 2030 là 17,55 ha, tăng 2,17 ha so với năm 2020, để đáp ứng nhu cầu xây dựng công trình quân sự trong căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương. Chỉ tiêu này chủ yếu được xây dựng theo quy hoạch ngành quốc phòng và được quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ.

- **Đất an ninh:** Đến năm 2030 là 37,89 ha, tăng 5,34 ha so với năm 2020, chủ yếu quỹ đất để xây dựng trụ sở các đơn vị thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy, thao trường, bãi tập cho lực lượng vũ trang và đồn công an các phường, xã.

- **Đất khu công nghiệp:** Đến năm 2030 là 2.541,01 ha, tăng 1.574,0 ha so với năm 2020.

- **Đất cụm công nghiệp:** Đến năm 2030 là 169,00 ha, tăng 103,07 ha so với năm 2020.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** Đáp ứng nhu cầu phát triển về giao lưu buôn bán và trao đổi hàng hóa của người dân trên địa bàn. Diện tích đất thương mại, dịch vụ đến năm 2030 là 363,80 ha, tăng 355,77 ha so với năm 2020.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đến năm 2030 là 282,13 ha, tăng 110,62 ha so với năm 2020.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng:** Đến năm 2030 là 118,29 ha, tăng 46,10 ha so với năm 2020.

- **Đất phát triển hạ tầng:** Để đáp ứng nhu cầu phát triển giao thông, thủy lợi, giáo dục - đào tạo, công trình văn hóa, y tế,... diện tích đất phát triển hạ tầng đến năm 2030 là 3.653,67 ha, tăng 1.471,40 ha so với năm 2020.

- **Đất khu vui chơi giải trí:** Đến năm 2030 là 220,86 ha, tăng 216,78 ha so với năm 2020. Diện tích tăng phần lớn do hình thành các khu vui chơi giải trí, đáp ứng nhu cầu của người dân.

- **Đất ở tại nông thôn:** Việc hình thành và phát triển các điểm dân cư nông thôn, dân số nông thôn tăng nhanh, đáp ứng nhu cầu về nhà ở của người dân, diện tích đất ở nông thôn đến năm 2030 là 1.198,17 ha, tăng 595,15 ha so với năm 2020.

- **Đất ở tại đô thị:** Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, cơ sở hạ tầng phát triển, hình thành thêm nhiều đô thị mới, dân số tăng nhanh nhằm đáp ứng nhu cầu về nhà ở của người dân. Đến năm 2030 là 1.578,94 ha, tăng 839,88 ha so với năm 2020.

- **Đất trụ sở cơ quan, tổ chức sự nghiệp:** Đáp ứng nhu cầu xây dựng trụ sở mới, cũng như nhu cầu cải tạo, nâng cấp, mở rộng một số cơ quan của thị xã và trụ sở làm việc của các phường, xã trên địa bàn thị xã. Diện tích đất trụ sở cơ quan, tổ chức sự nghiệp đến năm 2030 là 32,65 ha, tăng 16,20 ha so với năm 2020.

- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** Đến năm 2030 là 21,10 ha, tăng 2,20 ha so với năm 2020.

- **Đất sông suối:** Đến năm 2030 là 436,29 ha, giảm 16,39 ha so với năm 2020.

- **Đất mặt nước chuyên dùng:** Đến năm 2030 là 174,13 ha, giảm 63,33 ha so với năm 2020. Diện tích đất giảm nhằm đưa vào sử dụng cho các mục đích phát triển kinh tế - xã hội như nuôi trồng thủy sản, đất hạ tầng.

- **Đất phi nông nghiệp khác:** Đến năm 2030 là 5,82 ha, giảm 0,65 ha so với năm 2020.

c. Nhu cầu sử dụng đất phát triển ngành công nghiệp – TTCN

- **Đất khu công nghiệp:** Để đáp ứng nhu cầu phát triển các khu công nghiệp mới, diện tích đất khu công nghiệp quy hoạch đến năm 2030 là 2.541,01 ha tăng toàn bộ so với năm 2020.

- **Đất cụm công nghiệp:** Để đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp, diện tích đất cụm công nghiệp quy hoạch đến năm 2030 là 169,00 ha tăng 103,07 ha so với năm 2020.

Ở các địa bàn dự kiến quy hoạch các khu, cụm công nghiệp mới, phần lớn là đất lúa và đất cây hàng năm khác rất thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên hiện nay ở các địa bàn này hầu hết diện tích đã được sử dụng các mục đích phát triển kinh tế – xã hội, do đó quy hoạch sử dụng đất đai, cần bố trí chu chuyển các loại đất sang đất khu, cụm công nghiệp cho phù hợp. Đồng thời phải tính đến việc bảo vệ môi trường, vì các khu vực này đều nằm gần các điểm dân cư của thị xã.

d. Nhu cầu sử dụng đất phát triển dịch vụ, du lịch:

- **Đất thương mại – dịch vụ:** Đất thương mại dịch vụ, bao gồm đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất thương mại dịch vụ. Đáp ứng nhu cầu phát triển thương mại dịch vụ của thị xã đến năm 2030 là 363,80 ha, tăng 355,77 ha so với năm 2020.

Trong những năm tới đi liền với phát triển công nghiệp thì các hoạt động dịch vụ thương mại của thị xã sẽ được tiếp tục đầu tư phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hoá ngày càng tăng trong nhân dân. Ngoài việc duy trì các công trình dịch vụ hiện có, tiếp tục mở rộng và xây dựng mới một số công trình như chợ, kiốt, trung tâm thương mại,... trên địa bàn các phường, xã. Ngoài ra, các hoạt động dịch vụ có quy mô nhỏ sẽ được tiếp tục phát triển trong các khu dân cư, hộ gia đình,...

(Chi tiết đến từng đơn vị cấp xã tại Biểu 03/CH; Biểu 10/CH - phần Phụ lục)

2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Bảng 5. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2030

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tổng diện tích tự nhiên		12.091,85	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.175,96	9,73
1.1	Đất trồng lúa	LUA	252,88	2,09
	<i>Tr. đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	245,94	2,03
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	219,68	1,82
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	164,40	1,36
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX		

1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	265,16	2,19
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	273,86	2,26
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	10.851,82	89,74
2.1	Đất quốc phòng	CQP	17,55	0,15
2.2	Đất an ninh	CAN	37,89	0,31
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	2.541,00	21,01
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	169,00	1,40
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	363,80	3,01
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	282,13	2,33
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.8	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	118,29	0,98
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.653,67	30,22
	<i>Trong đó:</i>			
+	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>2.452,29</i>	<i>20,28</i>
+	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>458,96</i>	<i>3,80</i>
+	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>29,69</i>	<i>0,25</i>
+	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>13,44</i>	<i>0,11</i>
+	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục</i>	<i>DGD</i>	<i>307,13</i>	<i>2,54</i>
+	<i>Đất xây dựng cơ sở thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>58,27</i>	<i>0,48</i>
+	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>30,35</i>	<i>0,25</i>
+	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>1,02</i>	<i>0,01</i>
+	<i>Đất xây dựng kho dự trữ Quốc gia</i>	<i>DKG</i>		
+	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>62,12</i>	<i>0,51</i>
+	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>5,20</i>	<i>0,04</i>
+	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>33,25</i>	<i>0,27</i>
+	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>181,13</i>	<i>1,50</i>
+	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ</i>	<i>DKH</i>		
+	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>		
+	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>10,53</i>	<i>0,09</i>
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	220,86	1,83
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.198,17	9,91
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.578,94	13,06
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	32,65	0,27
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức SN	DTS	0,53	0,004
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	21,10	0,17
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	436,29	3,61
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	174,13	1,44
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	5,82	0,05
3	Đất chưa sử dụng	CSD	64,07	0,53

(Chi tiết đến từng đơn vị cấp xã tại Biểu 03/CH phần Phụ lục)

a. Quy hoạch đất nông nghiệp

Diện tích năm 2020 là 6.558,49 ha quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 1.175,96 ha, chiếm 9,73%, giảm 5.382,53 ha so với năm 2020. Chi tiết các loại đất trong đất nông nghiệp như sau:

*** Đất trồng lúa:**

Diện tích năm 2020 là 4.443,28 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 252,88 ha, chiếm 2,09% tổng diện tích tự nhiên, giảm 4.190,41 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	-55,25	9	Xã Chuyên Ngoại	-197,88
2	P. Hòa Mạc	-182,61	10	P. Yên Bắc	-370,77
3	Xã Mộc Bắc	-202,35	11	Xã Trác Văn	-141,92
4	P. Châu Giang	-427,95	12	P. Tiên Nội	-336,05
5	P. Bạch Thượng	-182,30	13	P. Hoàng Đông	-157,56
6	P. Duy Minh	-125,90	14	Xã Yên Nam	-436,01
7	Xã Mộc Nam	-162,82	15	Xã Tiên Ngoại	-409,39
8	P. Duy Hải	-273,00	16	Xã Tiên Sơn	-528,63

*** Đất trồng cây hàng năm khác**

Diện tích năm 2020 là 647,21 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 219,66 ha, chiếm 1,82% tổng diện tích tự nhiên, giảm 427,55 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	-	9	Xã Chuyên Ngoại	-84,70
2	P. Hòa Mạc	-30,76	10	P. Yên Bắc	-2,13
3	Xã Mộc Bắc	-73,87	11	Xã Trác Văn	-65,41
4	P. Châu Giang	-18,59	12	P. Tiên Nội	-
5	P. Bạch Thượng	-9,84	13	P. Hoàng Đông	-
6	P. Duy Minh	-4,71	14	Xã Yên Nam	-9,48
7	Xã Mộc Nam	-27,40	15	Xã Tiên Ngoại	-0,70
8	P. Duy Hải	-2,03	16	Xã Tiên Sơn	-97,93

*** Đất trồng cây lâu năm:**

Diện tích năm 2020 là 355,97 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 164,40 ha, chiếm 1,36% tổng diện tích tự nhiên, giảm 191,57 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	-4,00	9	Xã Chuyên Ngoại	-13,15
2	P. Hòa Mạc	-12,84	10	P. Yên Bắc	-9,00
3	Xã Mộc Bắc	-1,52	11	Xã Trác Văn	-5,30
4	P. Châu Giang	-50,36	12	P. Tiên Nội	-9,01
5	P. Bạch Thượng	-4,15	13	P. Hoàng Đông	-8,23
6	P. Duy Minh	-8,06	14	Xã Yên Nam	-8,97
7	Xã Mộc Nam	-1,32	15	Xã Tiên Ngoại	-15,44
8	P. Duy Hải	-7,13	16	Xã Tiên Sơn	-33,09

*** Đất nuôi trồng thủy sản:**

Diện tích năm 2020 là 744,18 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 265,16 ha, chiếm 2,19% tổng diện tích tự nhiên, giảm 479,03 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	-17,33	9	Xã Chuyên Ngoại	-14,30
2	P. Hòa Mạc	-20,62	10	P. Yên Bắc	-24,81
3	Xã Mộc Bắc	-33,97	11	Xã Trác Văn	-30,43
4	P. Châu Giang	-56,19	12	P. Tiên Nội	-18,44
5	P. Bạch Thượng	-24,10	13	P. Hoàng Đông	-21,49
6	P. Duy Minh	-16,63	14	Xã Yên Nam	-27,61
7	Xã Mộc Nam	-34,48	15	Xã Tiên Ngoại	-34,11
8	P. Duy Hải	-56,51	16	Xã Tiên Sơn	-48,01

*** Đất nông nghiệp khác:**

Diện tích năm 2020 là 367,83 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 273,85 ha, chiếm 2,26% tổng diện tích tự nhiên, giảm 93,98 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	-	9	Xã Chuyên Ngoại	-0,50
2	P. Hòa Mạc	-3,00	10	P. Yên Bắc	-11,73
3	Xã Mộc Bắc	31,43	11	Xã Trác Văn	-
4	P. Châu Giang	-41,97	12	P. Tiên Nội	-1,49
5	P. Bạch Thượng	-	13	P. Hoàng Đông	-
6	P. Duy Minh	-3,00	14	Xã Yên Nam	-20,00
7	Xã Mộc Nam	-24,00	15	Xã Tiên Ngoại	-12,22
8	P. Duy Hải	-	16	Xã Tiên Sơn	-7,50

b. Đất phi nông nghiệp

Diện tích năm 2020 là 5.466,84 ha quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 10.851,82 ha, chiếm 89,74% tổng diện tích tự nhiên, tăng 5.384,99 ha so với năm 2020. Cụ thể:

*** Đất quốc phòng:**

Diện tích năm 2020 là 15,37 ha quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 17,55 ha, chiếm 0,15% tổng diện tích tự nhiên, tăng 2,17 ha so với năm 2020 cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	0,10	9	Xã Chuyên Ngoại	0,10
2	P. Hòa Mạc	-0,34	10	P. Yên Bắc	0,10
3	Xã Mộc Bắc	0,10	11	Xã Trác Văn	0,10
4	P. Châu Giang	3,10	12	P. Tiên Nội	0,10
5	P. Bạch Thượng	0,10	13	P. Hoàng Đông	0,10
6	P. Duy Minh	0,10	14	Xã Yên Nam	2,10
7	Xã Mộc Nam	0,10	15	Xã Tiên Ngoại	0,10
8	P. Duy Hải	0,09	16	Xã Tiên Sơn	-3,88

*** Đất an ninh:**

Diện tích năm 2020 là 32,55 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 37,89 ha, chiếm 0,31% tổng diện tích tự nhiên, tăng 5,34 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	0,18	9	Xã Chuyên Ngoại	0,14
2	P. Hòa Mạc	0,20	10	P. Yên Bắc	2,83
3	Xã Mộc Bắc	0,20	11	Xã Trác Văn	0,15
4	P. Châu Giang	0,20	12	P. Tiên Nội	0,20
5	P. Bạch Thượng	0,18	13	P. Hoàng Đông	0,18
6	P. Duy Minh	0,20	14	Xã Yên Nam	0,15
7	Xã Mộc Nam	0,10	15	Xã Tiên Ngoại	0,10
8	P. Duy Hải	0,18	16	Xã Tiên Sơn	0,15

*** Đất khu công nghiệp:**

Diện tích năm 2020 là 967,00 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 2.541,01 ha, chiếm 21,01% tổng diện tích tự nhiên, tăng 1.574,01 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	5,35	9	Xã Chuyên Ngoại	-
2	P. Hòa Mạc	28,22	10	P. Yên Bắc	104,66
3	Xã Mộc Bắc	154,71	11	Xã Trác Văn	-
4	P. Châu Giang	165,28	12	P. Tiên Nội	97,84
5	P. Bạch Thượng	131,99	13	P. Hoàng Đông	13,89
6	P. Duy Minh	-	14	Xã Yên Nam	394,24
7	Xã Mộc Nam	187,81	15	Xã Tiên Ngoại	149,39
8	P. Duy Hải	-	16	Xã Tiên Sơn	140,63

*** Đất cụm công nghiệp:**

Diện tích năm 2020 là 65,93 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 169,00 ha, chiếm 1,40% tổng diện tích tự nhiên, tăng 103,07 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	-	9	Xã Chuyên Ngoại	5,62
2	P. Hòa Mạc	-	10	P. Yên Bắc	-
3	Xã Mộc Bắc	-	11	Xã Trác Văn	120,12
4	P. Châu Giang	-39,69	12	P. Tiên Nội	-
5	P. Bạch Thượng	-	13	P. Hoàng Đông	-
6	P. Duy Minh	-	14	Xã Yên Nam	-
7	Xã Mộc Nam	8,50	15	Xã Tiên Ngoại	-
8	P. Duy Hải	-	16	Xã Tiên Sơn	8,52

*** Đất thương mại dịch vụ**

Diện tích năm 2020 là 8,03 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 363,80 ha, chiếm 3,01% tổng diện tích tự nhiên, tăng 355,77 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	9,07	9	Xã Chuyên Ngoại	3,13
2	P. Hòa Mạc	10,92	10	P. Yên Bắc	37,63
3	Xã Mộc Bắc	1,82	11	Xã Trác Văn	6,19
4	P. Châu Giang	54,53	12	P. Tiên Nội	23,27
5	P. Bạch Thượng	3,00	13	P. Hoàng Đông	29,41
6	P. Duy Minh	9,01	14	Xã Yên Nam	3,00
7	Xã Mộc Nam	8,92	15	Xã Tiên Ngoại	33,76
8	P. Duy Hải	41,88	16	Xã Tiên Sơn	80,24

*** Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:**

Diện tích năm 2020 là 171,51 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 282,13 ha, chiếm 2,33% tổng diện tích tự nhiên, tăng 110,62 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	-	9	Xã Chuyên Ngoại	13,27
2	P. Hòa Mạc	19,02	10	P. Yên Bắc	2,55
3	Xã Mộc Bắc	22,72	11	Xã Trác Văn	-
4	P. Châu Giang	22,60	12	P. Tiên Nội	-
5	P. Bạch Thượng	-	13	P. Hoàng Đông	16,84
6	P. Duy Minh	3,00	14	Xã Yên Nam	-
7	Xã Mộc Nam	10,64	15	Xã Tiên Ngoại	-
8	P. Duy Hải	-	16	Xã Tiên Sơn	-

*** Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:**

Diện tích năm 2020 là 72,19 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 118,29 ha, chiếm 0,98% tổng diện tích tự nhiên, tăng lên 46,10 ha, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	Xã Mộc Bắc	46,10	2		

*** Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã**

Diện tích năm 2020 là 2.015,08 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 3.653,67 ha, chiếm 30,22% tổng diện tích tự nhiên, tăng 1.471,40 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	21,55	9	Xã Chuyên Ngoại	194,32
2	P. Hòa Mạc	60,57	10	P. Yên Bắc	85,60
3	Xã Mộc Bắc	50,02	11	Xã Trác Văn	56,56
4	P. Châu Giang	154,09	12	P. Tiên Nội	133,34
5	P. Bạch Thượng	48,12	13	P. Hoàng Đông	64,55
6	P. Duy Minh	68,10	14	Xã Yên Nam	26,84
7	Xã Mộc Nam	15,34	15	Xã Tiên Ngoại	74,96
8	P. Duy Hải	196,43	16	Xã Tiên Sơn	221,02

Để thực hiện các công trình quy hoạch đường giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế, năng lượng, chợ...

*** Đất giao thông:**

Diện tích năm 2020 là 1.288,70 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 2.452,29 ha, chiếm 20,28% tổng diện tích tự nhiên, tăng 1.163,59 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	13,95	9	Xã Chuyên Ngoại	190,42
2	P. Hòa Mạc	55,34	10	P. Yên Bắc	70,81
3	Xã Mộc Bắc	40,18	11	Xã Trác Văn	54,49
4	P. Châu Giang	127,54	12	P. Tiên Nội	63,51
5	P. Bạch Thượng	38,43	13	P. Hoàng Đông	21,44
6	P. Duy Minh	60,94	14	Xã Yên Nam	15,39
7	Xã Mộc Nam	4,97	15	Xã Tiên Ngoại	74,68
8	P. Duy Hải	180,46	16	Xã Tiên Sơn	151,04

** Đất thủy lợi:*

Diện tích năm 2020 là 518,35 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 458,96 ha, chiếm 3,80% tổng diện tích tự nhiên, giảm 59,39 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	-0,02	9	Xã Chuyên Ngoại	-1,75
2	P. Hòa Mạc	-5,55	10	P. Yên Bắc	-3,51
3	Xã Mộc Bắc	-1,07	11	Xã Trác Văn	-1,39
4	P. Châu Giang	-0,99	12	P. Tiên Nội	-10,51
5	P. Bạch Thượng	-3,12	13	P. Hoàng Đông	1,58
6	P. Duy Minh	-1,12	14	Xã Yên Nam	-15,59
7	Xã Mộc Nam	-4,89	15	Xã Tiên Ngoại	-3,76
8	P. Duy Hải	-5,58	16	Xã Tiên Sơn	-2,14

** Đất cơ sở văn hóa:*

Diện tích năm 2020 là 20,71 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 29,69 ha, chiếm 0,25% tổng diện tích tự nhiên, tăng 8,98 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	0,71	9	Xã Chuyên Ngoại	-
2	P. Hòa Mạc	0,32	10	P. Yên Bắc	0,35
3	Xã Mộc Bắc	-	11	Xã Trác Văn	0,38
4	P. Châu Giang	0,60	12	P. Tiên Nội	0,20

5	P. Bạch Thượng	2,35	13	P. Hoàng Đông	0,10
6	P. Duy Minh	-0,25	14	Xã Yên Nam	0,50
7	Xã Mộc Nam	0,53	15	Xã Tiên Ngoại	0,15
8	P. Duy Hải	0,66	16	Xã Tiên Sơn	2,38

** Đất cơ sở y tế:*

Diện tích năm 2020 là 8,35 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 13,44 ha, chiếm 0,11% tổng diện tích tự nhiên, tăng 5,09 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	1,01	9	Xã Chuyên Ngoại	-
2	P. Hòa Mạc	-	10	P. Yên Bắc	1,50
3	Xã Mộc Bắc	0,18	11	Xã Trác Văn	-
4	P. Châu Giang	0,20	12	P. Tiên Nội	-0,33
5	P. Bạch Thượng	0,52	13	P. Hoàng Đông	0,18
6	P. Duy Minh	-	14	Xã Yên Nam	0,07
7	Xã Mộc Nam	-	15	Xã Tiên Ngoại	0,13
8	P. Duy Hải	1,42	16	Xã Tiên Sơn	0,21

** Đất cơ sở giáo dục:*

Diện tích năm 2020 là 132,92 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 307,13 ha, chiếm 2,54% tổng diện tích tự nhiên, tăng 174,21 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	4,03	9	Xã Chuyên Ngoại	0,95
2	P. Hòa Mạc	7,31	10	P. Yên Bắc	7,94
3	Xã Mộc Bắc	0,99	11	Xã Trác Văn	1,42
4	P. Châu Giang	9,66	12	P. Tiên Nội	69,58
5	P. Bạch Thượng	1,58	13	P. Hoàng Đông	33,13
6	P. Duy Minh	6,08	14	Xã Yên Nam	2,05
7	Xã Mộc Nam	0,76	15	Xã Tiên Ngoại	1,01
8	P. Duy Hải	15,95	16	Xã Tiên Sơn	11,78

** Đất cơ sở thể thao:*

Diện tích năm 2020 là 21,41 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 58,27 ha, chiếm 0,48% tổng diện tích tự nhiên, tăng 36,87 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	-0,10	9	Xã Chuyên Ngoại	1,61

2	P. Hòa Mạc	1,71	10	P. Yên Bắc	4,18
3	Xã Mộc Bắc	-0,07	11	Xã Trác Văn	0,08
4	P. Châu Giang	7,91	12	P. Tiên Nội	4,52
5	P. Bạch Thượng	1,20	13	P. Hoàng Đông	6,59
6	P. Duy Minh	1,03	14	Xã Yên Nam	-
7	Xã Mộc Nam	0,26	15	Xã Tiên Ngoại	1,41
8	P. Duy Hải	0,90	16	Xã Tiên Sơn	5,64

** Đất công trình năng lượng:*

Diện tích năm 2020 là 6,75 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 30,35 ha, chiếm 0,25% tổng diện tích tự nhiên, tăng 23,60 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đông Văn	1,34	9	Xã Chuyên Ngoại	1,54
2	P. Hòa Mạc	1,34	10	P. Yên Bắc	3,34
3	Xã Mộc Bắc	1,34	11	Xã Trác Văn	1,33
4	P. Châu Giang	1,34	12	P. Tiên Nội	1,34
5	P. Bạch Thượng	1,34	13	P. Hoàng Đông	1,34
6	P. Duy Minh	1,34	14	Xã Yên Nam	1,34
7	Xã Mộc Nam	1,34	15	Xã Tiên Ngoại	1,34
8	P. Duy Hải	1,34	16	Xã Tiên Sơn	1,34

** Đất công trình bưu chính viễn thông:*

Diện tích năm 2020 là 1,02 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 1,02 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên, không biến động so với năm 2020.

** Đất có di tích lịch sử - văn hóa:*

Diện tích năm 2020 là 0 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 62,12 ha, chiếm 0,51% tổng diện tích tự nhiên, tăng 62,12 ha, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	Xã Mộc Nam	12,70	2	Xã Tiên Sơn	49,42

** Đất bãi thải, xử lý chất thải:*

Diện tích năm 2020 là 2,92 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 5,20 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích tự nhiên, tăng 2,28 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)

1	P. Đồng Văn	-	9	Xã Chuyên Ngoại	0,10
2	P. Hòa Mạc	-	10	P. Yên Bắc	0,50
3	Xã Mộc Bắc	-	11	Xã Trác Văn	-
4	P. Châu Giang	0,90	12	P. Tiên Nội	0,13
5	P. Bạch Thượng	-	13	P. Hoàng Đông	-
6	P. Duy Minh	0,08	14	Xã Yên Nam	0,05
7	Xã Mộc Nam	-	15	Xã Tiên Ngoại	-
8	P. Duy Hải	-	16	Xã Tiên Sơn	0,52

** Đất tôn giáo:*

Diện tích năm 2020 là 31,54 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 33,25 ha, chiếm 0,27% tổng diện tích tự nhiên, tăng 1,71 ha, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Châu Giang	1,50	3	Xã Chuyên Ngoại	0,02
2	Xã Mộc Nam	0,19			

** Đất nghĩa trang nghĩa địa, nhà tang lễ:*

Diện tích năm 2020 là 132,73 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 181,13 ha, chiếm 1,50% tổng diện tích tự nhiên, tăng 48,40 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	0,64	9	Xã Chuyên Ngoại	-0,07
2	P. Hòa Mạc	0,50	10	P. Yên Bắc	0,50
3	Xã Mộc Bắc	8,48	11	Xã Trác Văn	0,25
4	P. Châu Giang	5,43	12	P. Tiên Nội	4,90
5	P. Bạch Thượng	4,55	13	P. Hoàng Đông	0,20
6	P. Duy Minh	-	14	Xã Yên Nam	22,73
7	Xã Mộc Nam	-0,52	15	Xã Tiên Ngoại	-
8	P. Duy Hải	-	16	Xã Tiên Sơn	0,81

** Đất chợ:*

Diện tích năm 2020 là 6,59 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 10,53 ha, chiếm 0,09% tổng diện tích tự nhiên, tăng 3,94 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Hòa Mạc	-0,40	4	Xã Chuyên Ngoại	1,50
2	P. Bạch Thượng	1,27	5	Xã Yên Nam	0,30
3	P. Duy Hải	1,27			

*** Đất khu vui chơi giải trí công cộng:**

Diện tích năm 2020 là 4,08 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 220,86 ha, chiếm 1,83% tổng diện tích tự nhiên, tăng 216,78 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Hòa Mạc	46,90	5	Xã Yên Nam	3,00
2	P. Châu Giang	27,80	6	Xã Tiên Ngoại	11,50
3	P. Yên Bắc	16,18	7	Xã Tiên Sơn	109,79
4	P. Hoàng Đông	1,61			

*** Đất ở nông thôn:**

Diện tích năm 2020 là 603,02 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 1.198,17 ha, chiếm 9,91% tổng diện tích tự nhiên, tăng 595,15 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	Xã Mộc Bắc	6,46	5	Xã Yên Nam	73,63
2	Xã Mộc Nam	22,50	6	Xã Tiên Ngoại	169,78
3	Xã Chuyên Ngoại	104,98	7	Xã Tiên Sơn	157,87
4	Xã Trác Văn	59,93			

*** Đất ở đô thị:**

Diện tích năm 2020 là 739,06 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 1.578,94 ha, chiếm 13,06% tổng diện tích tự nhiên, tăng 839,88 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	40,37	6	P. Duy Hải	103,77
2	P. Hòa Mạc	85,29	7	P. Yên Bắc	148,14
3	P. Châu Giang	178,46	8	P. Tiên Nội	106,70
4	P. Bạch Thượng	37,57	9	P. Hoàng Đông	60,42
5	P. Duy Minh	79,16			

*** Đất xây dựng trụ sở cơ quan:**

Diện tích năm 2020 là 16,45 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 32,65 ha, chiếm 0,27% tổng diện tích tự nhiên, tăng 16,20 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích	STT	Tên xã	Diện tích
-----	--------	-----------	-----	--------	-----------

		tăng (+), giảm (-) (ha)			tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	-	9	Xã Chuyên Ngoại	-
2	P. Hòa Mạc	-0,63	10	P. Yên Bắc	15,25
3	Xã Mộc Bắc	0,06	11	Xã Trác Văn	
4	P. Châu Giang	0,57	12	P. Tiên Nội	-0,20
5	P. Bạch Thượng	-0,02	13	P. Hoàng Đông	-
6	P. Duy Minh	-0,20	14	Xã Yên Nam	-
7	Xã Mộc Nam	-	15	Xã Tiên Ngoại	-
8	P. Duy Hải	0,12	16	Xã Tiên Sơn	1,26

*** Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:**

Diện tích năm 2020 là 0,53 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 0,53 ha, chiếm 0,004% tổng diện tích tự nhiên, không biến động so với năm 2020.

*** Đất cơ sở tín ngưỡng:**

Diện tích năm 2020 là 18,90 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 21,10 ha, chiếm 0,17% tổng diện tích tự nhiên, tăng 2,20 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	0,10	9	Xã Chuyên Ngoại	0,18
2	P. Hòa Mạc	0,10	10	P. Yên Bắc	0,10
3	Xã Mộc Bắc	0,10	11	Xã Trác Văn	-
4	P. Châu Giang	-0,02	12	P. Tiên Nội	
5	P. Bạch Thượng	-	13	P. Hoàng Đông	0,32
6	P. Duy Minh	0,25	14	Xã Yên Nam	-
7	Xã Mộc Nam	0,12	15	Xã Tiên Ngoại	-
8	P. Duy Hải	0,25	16	Xã Tiên Sơn	0,70

*** Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối:**

Diện tích năm 2020 là 452,68 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 436,29 ha, chiếm 3,61% tổng diện tích tự nhiên, giảm 16,39 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	Xã Mộc Bắc	-2,02	4	Xã Chuyên Ngoại	-10,00
2	P. Duy Minh	-0,32	5	P. Yên Bắc	-0,30
3	P. Duy Hải	-3,75			

*** Đất có mặt nước chuyên dùng:**

Diện tích năm 2020 là 110,80 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 174,13 ha, chiếm 1,44% tổng diện tích tự nhiên, tăng 63,33 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	-	9	Xã Chuyên Ngoại	-1,19
2	P. Hòa Mạc	-	10	P. Yên Bắc	5,70
3	Xã Mộc Bắc	-	11	Xã Trác Văn	-
4	P. Châu Giang	28,16	12	P. Tiên Nội	3,84
5	P. Bạch Thượng	-0,25	13	P. Hoàng Đông	-0,04
6	P. Duy Minh	-	14	Xã Yên Nam	-
7	Xã Mộc Nam	-4,00	15	Xã Tiên Ngoại	32,27
8	P. Duy Hải	-0,10	16	Xã Tiên Sơn	-1,06

*** Đất phi nông nghiệp khác:**

Diện tích năm 2020 là 6,48 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 5,82 ha, chiếm 0,05% tổng diện tích tự nhiên, giảm 0,65 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	-0,14	4	Xã Chuyên Ngoại	-0,01
2	P. Hòa Mạc	-0,41	5	P. Tiên Nội	-0,10
3	P. Duy Hải	0,01			

c. Đất chưa sử dụng

Diện tích năm 2020 là 66,53 ha, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 64,07 ha, chiếm 0,53% tổng diện tích tự nhiên, giảm 2,46 ha so với năm 2020, cụ thể phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Bạch Thượng	-0,30	4	Xã Yên Nam	-0,88
2	P. Duy Minh	-1,00	5	Xã Tiên Sơn	-0,08
3	P. Duy Hải	-0,20			

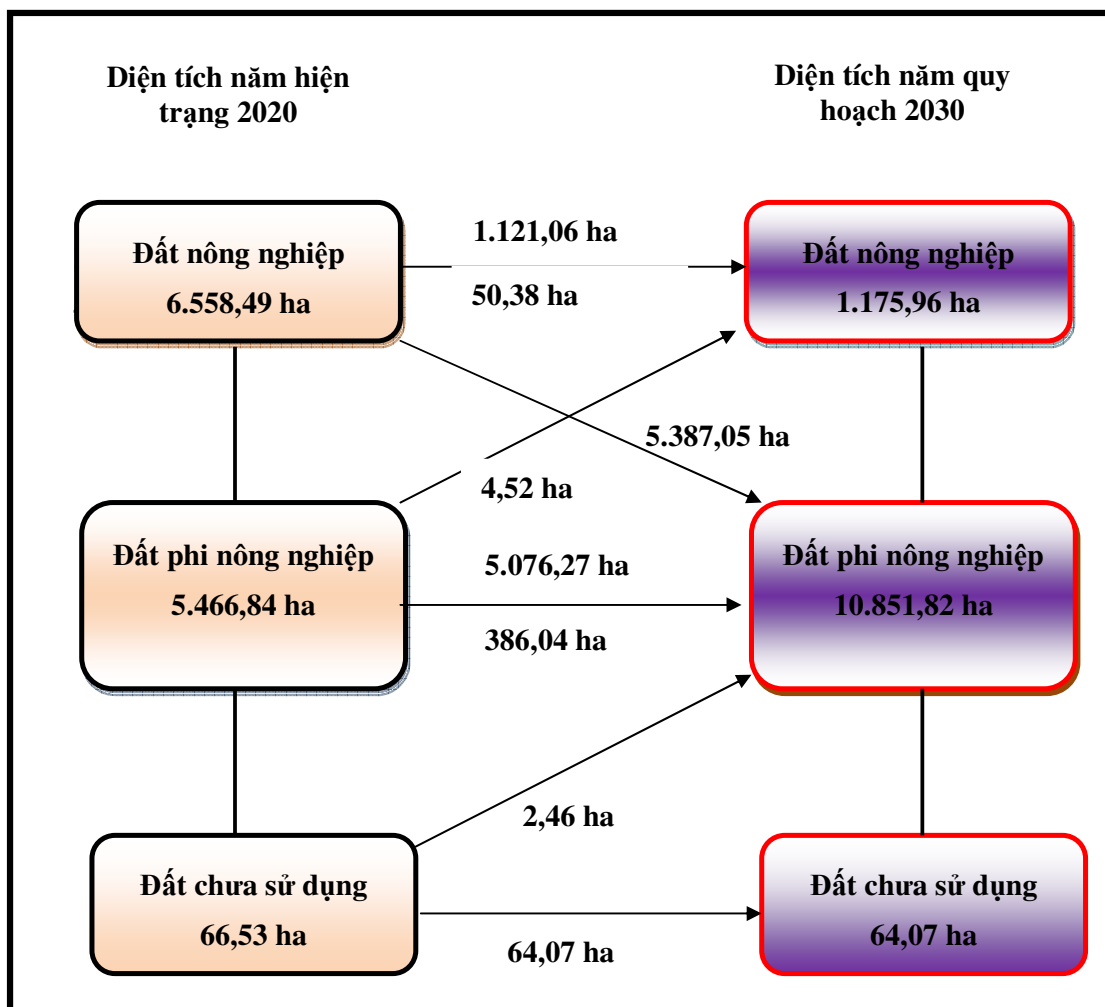
(Chi tiết xem phụ lục 03/CH)

2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng

- + Đất đô thị: 6.180,46 ha;
- + Khu sản xuất nông nghiệp: 252,88 ha;
- + Khu vực phát triển công nghiệp: 2.710,00 ha;
- + Khu đô thị: 1.769,91 ha;
- + Khu đô thị - thương mại - dịch vụ: 8,42 ha;
- + Khu thương mại dịch vụ: 363,80 ha;
- + Khu dân cư nông thôn: 1.999,09 ha;
- + Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn: 282,13 ha.

(Chi tiết xem Biểu 11/CH)

Sơ đồ chu chuyển đất đai thị xã Duy Tiên giai đoạn 2021-2030



III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

3.1.1. Căn cứ pháp lý để ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kỳ quy hoạch của thị xã được dựa trên các căn cứ chính sau:

- Luật Đất đai 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

- Nghị quyết số 05/2020/NQ-HDND ngày 12/05/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam quy định bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

- Các quy định pháp luật liên quan khác.

3.1.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

a. Dự kiến các khoản thu: Bao gồm thu từ việc giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất, thuê sử dụng đất, phí và lệ phí sử dụng đất,...

b. Dự kiến các khoản chi: Bao gồm chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; chi phí bảo vệ đất trồng lúa,...

3.1.3. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

a. Xác định giá đất bình quân khi giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất:

- Đất trồng lúa: 60.000 đồng/m²;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 60.000 đồng/m²;
- Đất trồng cây lâu năm: 72.000 đồng/m²;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 60.000 đồng/m²;
- Đất ở nông thôn: 1.000.000 đồng/m²;
- Đất ở đô thị: 3.000.000 đồng/m²;
- Đất khu công nghiệp: 1.800.000 đồng/m²;
- Đất cụm công nghiệp: 700.000 đồng/m²;
- Đất thương mại, dịch vụ: 800.000 đồng/m²;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 600.000 đồng/m².

b. Xác định các loại đất chuyển mục đích trong năm kế hoạch sử dụng đất có bồi thường về đất và thu tiền sử dụng đất

* Diện tích thu hồi có bồi thường, hỗ trợ:

- Đất trồng lúa: 4.155,03 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 424,55 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 191,57 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 467,03 ha;
- Đất nông nghiệp khác: 148,88 ha;

* Diện tích đất giao, cho thuê có thu tiền:

- Đất ở nông thôn: 629,38 ha;
- Đất ở tại đô thị: 883,70 ha;

- Đất khu công nghiệp: 1.574,01 ha;
- Đất cụm công nghiệp: 142,76 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 355,77 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 110,62 ha;

c. Kết quả tính toán và cân đối thu chi từ đất:

Bảng 09: Cân đối thu chi trong kỳ quy hoạch

Thứ tự	Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (triệu đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Các khoản thu			65.646.286
1	Đất ở nông thôn	629,38	1.000.000	6.293.793
2	Đất ở tại đô thị	883,70	3.000.000	26.511.131
2	Đất khu công nghiệp	1.574,01	1.800.000	28.332.173
3	Đất cụm công nghiệp	142,76	700.000	999.320
4	Đất thương mại, dịch vụ	355,77	800.000	2.846.149
5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	110,62	600.000	663.720
II	Các khoản chi			4.501.729
1	Đất trồng lúa	4155,03	60.000	2.493.015
2	Chi phí bảo vệ đất trồng lúa	4155,03	30.000	1.246.508
3	Đất trồng cây hàng năm khác	424,55	60.000	254.730
4	Đất trồng cây lâu năm	191,57	72.000	137.930
5	Đất nuôi trồng thủy sản	467,03	60.000	280.216
6	Nông nghiệp khác	148,88	60.000	89.330
III	Chi phí hỗ trợ khi thu hồi đất			11.254.324
IV	Cân đối thu - chi (IV=I-II-III)			49.890.233

3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực

An ninh lương thực được thể hiện qua các tiêu chí: (1) Sự sẵn có lương thực; (2) Khả năng tiếp cận lương thực; (3) Ổn định lương thực và (4) Đảm bảo tiêu dùng lương thực (theo FAO).

3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất

Phương án quy hoạch sử dụng đất đảm bảo cân đối đủ đất cho yêu cầu của các ngành. Bố trí sử dụng đất như trên, tạo điều kiện cho việc đảm bảo an ninh lương thực, ổn định dân cư, phát triển nông nghiệp hàng hoá, đẩy mạnh phát triển

công nghiệp và dịch vụ thương mại... góp phần phát triển kinh tế của thị xã với tốc độ cao, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành dịch vụ du lịch, công nghiệp và nâng cao thu nhập cho cộng đồng dân cư trên địa bàn thị xã.

Quy hoạch sử dụng đất của thị xã đến năm 2030 là cơ sở để giao đất cho các ngành quản lý sử dụng, có ý nghĩa quan trọng trong việc xác lập sự ổn định về mặt pháp lý trong quản lý sử dụng đất của các ngành, góp phần giảm bớt những vấn đề về tranh chấp đất đai, những vướng mắc trong sử dụng đất đai mà xã hội đang quan tâm.

Phương án quy hoạch, từ nay đến năm 2030 trên địa bàn thị xã sẽ được đầu tư xây dựng, mở rộng các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các trung tâm thương mại, cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ, lẻ, hoạt động dịch vụ, thương mại, tạo điều kiện để thực hiện chuyển đổi cơ cấu lao động của thị xã và giải quyết việc làm cho người lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo và đảm bảo an sinh trên địa bàn thị xã.

3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng

Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của UBND tỉnh Hà Nam về việc Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng đô thị Duy Tiên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Nghị quyết số 829/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Hà Nam.

Theo đó thành lập thị xã Duy Tiên có 16 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 09 phường: Bạch Thượng, Châu Giang, Duy Hải, Duy Minh, Đồng Văn, Hòa Mạc, Hoàng Đông, Tiên Nội, Yên Bắc và 07 xã: Chuyên Ngoại, Mộc Bắc, Mộc Nam, Tiên Ngoại, Tiên Sơn, Trác Văn, Yên Nam.

Định hướng phát triển không gian đô thị là chuyển đổi từ mô hình đô thị lấy giao thông đối ngoại làm trung tâm thành mô hình đô thị lấy không gian cây xanh, mặt nước làm trung tâm; phát triển không gian đô thị có tính truyền thống, thân thiện, có sức thu hút và lưu giữ khách du lịch.

Trong phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã ưu tiên cân đối đáp ứng quỹ đất để phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của thị xã.

Trên cơ sở quy hoạch mở thêm đất xây dựng các khu du lịch sinh thái và xây dựng cơ sở hạ tầng ở các khu công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực

hiện các chương trình, dự án xây dựng cơ sở hạ tầng. Quy hoạch đảm bảo xây dựng hệ thống giao thông thuận tiện, đủ trường học để tiếp nhận học sinh đến trường, cơ sở y tế được tăng cường, hệ thống bãi tập, sân chơi được xây dựng, các địa điểm văn hoá, vui chơi được mở rộng... tạo điều kiện nâng cao đời sống tinh thần của cộng đồng dân tộc và trình độ dân trí của người dân.

3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc

Duy Tiên có nhiều di tích lịch sử - tôn giáo, việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa và bảo tồn văn hoá các dân tộc, được các cấp các ngành đặc biệt quan tâm.

Hiện trạng đất cho cơ sở tôn giáo là 31,54 ha, tín ngưỡng là 18,90 ha; được phân bố ở tất cả các xã, quy hoạch đến năm 2030 diện tích các loại đất này tăng 33,25 ha và 21,10 ha.

Việc quy hoạch sử dụng đất chung cho cơ sở tôn giáo tín ngưỡng là bảo tồn và phát triển; nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm linh, truyền thống văn hóa lâu đời; góp phần tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và bảo tồn văn hóa dân tộc.

3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ

Phần IV

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU

I. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CHO CÁC NGÀNH, CÁC LĨNH VỰC

1. Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội năm 2021

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Chỉ đạo các cơ quan đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Duy Tiên lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020-2025. Chuẩn bị tốt các điều kiện, tổ chức tốt bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2025 trên địa bàn thị xã.

- Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn gắn với công tác bảo vệ môi trường và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng và nuôi trồng thủy sản trên đất lúa theo Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 25/10/2019 của UBND thị xã giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025.

- Đẩy mạnh phát triển CN-TTCN. Tiếp tục duy trì và phát triển làng nghề truyền thống, gắn với giới thiệu, quảng bá các sản phẩm làng nghề và bảo vệ môi trường. Phát triển thương mại, dịch vụ, đặc biệt dịch vụ, phục vụ công nghiệp, đô thị; thường xuyên kiểm tra, kiểm soát thị trường, xử lý nghiêm trường hợp vi phạm, đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tăng cường xã hội hóa, huy động các nguồn vốn đầu tư từ ngoài ngân sách, thực hiện đa dạng hóa các hình thức đầu tư. Tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước, khắc phục tình trạng đầu tư kém hiệu quả, kéo dài, thất thoát, lãng phí, chậm tiến độ. Ưu tiên đầu tư các công trình, dự án trọng điểm của thị xã, các công trình dở dang cần hoàn chính năm 2020. Phấn đấu hoàn thành kế hoạch thu ngân sách năm 2021. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; ưu tiên đảm bảo nguồn kinh phí chi cho con người và các chính sách an sinh xã hội.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực xây dựng cơ bản như quản lý đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng các công trình xây dựng, quản lý trật tự xây dựng, tập trung xây dựng và chỉnh trang phát triển đô thị.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả lý nhà nước, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, khoáng sản, môi trường, quy hoạch, trật tự đô thị. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ được giao đất tái định cư, đất hỗ trợ 7% và các hộ được giao đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất. Triển khai mô hình trồng hoa và khai thông hệ thống kênh mương tạo cảnh quan môi trường xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Quyết liệt triển khai các giải pháp để xử lý, giảm thiểu môi trường, nhất là rác thải sinh hoạt ở nông thôn, chất thải chăn nuôi, trong khu, cụm công nghiệp.

Tăng cường chỉ đạo giải phóng mặt bằng, trọng tâm là các dự án trọng điểm, dự án hoàn thành trong năm 2021.

- Phát triển toàn diện lĩnh vực Văn hóa - Xã hội. Nâng cao hiệu quả phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*". Quản lý, quảng bá và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa lễ hội gắn với phát triển du lịch và bảo vệ môi trường trên địa bàn; xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị. Tổ chức tốt các Lễ hội lớn trên địa bàn đảm bảo trang trọng, tiết kiệm.

- Xây dựng Đề án quy hoạch phát triển ngành Giáo dục và Đào tạo của thị xã năm 2021 tầm nhìn đến năm 2030. Giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường chuẩn quốc gia, hoàn thiện hồ sơ trình các cấp có thẩm quyền công nhận.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực y tế. Làm tốt công tác phòng, chống dịch bệnh; thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân. Mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Thực hiện đúng, đủ kịp thời các chế độ chính sách đối với người có công và đối tượng bảo trợ xã hội. Thực hiện tốt công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em. Thu hút và tạo điều kiện thuận lợi phát triển nhà ở cho công nhân và thiết chế văn hóa tại các khu công nghiệp.

- Giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn kịp thời, có hiệu quả các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, đồng thời thực hiện tốt công tác bảo vệ bí mật nhà nước. Kiểm chế sự gia tăng của tội phạm và tệ nạn xã hội, giảm tai nạn giao thông; kiên quyết ngăn chặn và xử lý xe quá khổ, quá tải; tiếp tục duy trì, nhân rộng các mô hình đảm bảo an toàn về an ninh, trật tự; đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Chỉ đạo các phường, xã diễn tập chiến đấu phòng thủ năm 2021 theo kế hoạch. Chủ động phối hợp triển khai thực hiện phương án, kế hoạch phòng chống lụt, bão, úng, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn khi tình huống xảy ra. Hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2021.

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật mới ban hành. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, cơ sở, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân và giải quyết đơn thư kịp thời ngay từ cơ sở. Nâng cao chất lượng công tác hoà giải ở cơ sở.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Đẩy mạnh thanh tra công vụ, tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, phòng ngừa, phát hiện các hành vi tham nhũng, lãng phí.

DỰ KIẾN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2021

1. Thu nhập bình quân đầu người đạt 65,5 triệu đồng, tăng 12,93% so với năm 2020.

Cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản 1,97%; Công nghiệp, xây dựng 72,60%; Dịch vụ 25,43%.

2. Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đạt 1.378,53 tỷ đồng, tăng 2,11% so với năm 2020.

3. Giá trị sản xuất CN-TTCN đạt 75.567 tỷ đồng, tăng 18,10% so với năm 2020.

4. Tổng thu cân đối ngân sách trên đạt 162,50 tỷ đồng, bằng 75,69% so với năm 2020.

5. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 8.691 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2020.

6. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt 10.217,95 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2020.

7. Số lao động được giải quyết việc làm mới ước đạt 4.500 người, đạt kế hoạch.

8. Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới giảm còn 1,65%, giảm 0,16% so với năm 2020.

9. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 9,5%, giảm 0,35% so với năm 2020.

10. Mức giảm tỷ lệ sinh đạt 0,12‰.
11. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 77%, tăng 2% so với năm 2020.
12. Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa đạt 91,50%, tăng 1,40% so với năm 2020.
13. Tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt 100%.
14. Tỷ lệ thu gom rác thải: Đô thị đạt 100%, nông thôn đạt 98%.
15. Số xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu: 01 xã.

2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

a. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp: Trong năm 2021 giảm 485,94 ha, cụ thể như sau:

- Đất trồng lúa: giảm 364,52 ha.
- + Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước: giảm 320,55 ha.
- Đất trồng cây hàng năm khác: giảm 45,05 ha.
- Đất trồng cây lâu năm: giảm 4,78 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản: giảm 58,65 ha.
- Đất nông nghiệp khác: giảm 12,94 ha.

*** Chuyển nội bộ đất nông nghiệp**

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác 7,33 ha.

b. Đất phi nông nghiệp

Đến năm 2021, diện tích đất phi nông nghiệp là 5.952,78 ha, tăng 485,94 ha so với năm 2020. Cụ thể ở các loại đất sau:

- * Đất an ninh: 02 công trình với diện tích tăng thêm 0,38 ha.
- * Đất khu công nghiệp: 05 công trình với diện tích tăng thêm 154,83 ha.
- * Đất cụm công nghiệp: 01 công trình với diện tích tăng thêm 42,42 ha.
- * Đất thương mại, dịch vụ: 22 công trình và một số công trình thương mại dịch vụ trong các khu đô thị triển khai năm 2021.
- * Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 06 công trình với diện tích tăng thêm 14,72 ha.
- * Đất phát triển hạ tầng: Tăng thêm 133,87 ha. Trong đó:
 - Đất y tế: 03 công trình với diện tích tăng thêm 1,29 ha.
 - Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo: 09 công trình một số công trình

đất giáo dục nằm trong các khu đô thị triển khai năm 2021 với diện tích tăng thêm 13,07 ha.

- Đất thể thao: 01 công trình với diện tích tăng thêm 0,08 ha.

- Đất công trình năng lượng: 09 công trình với diện tích tăng thêm 1,53 ha.

* Đất giao thông: 24 công trình với diện tích tăng thêm 186,14 ha.

* Đất thủy lợi : 05 công trình với diện tích tăng thêm 2,00 ha.

* Đất ở tại đô thị: 56 công trình với diện tích tăng thêm 126,38 ha.

* Đất ở tại nông thôn: 21 công trình với diện tích tăng thêm 19,37 ha.

* Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Công trình đất trụ sở nằm trong các khu đô thị thực hiện năm 2021 với diện tích tăng thêm 1,45 ha.

* Đất nông nghiệp khác: 01 công trình với diện tích tăng thêm 7,33 ha.

II. TỔNG HỢP VÀ CÂN ĐỐI CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

Trên cơ sở các chỉ tiêu phân bổ của Tỉnh và nhu cầu sử dụng đất của các cấp, các ngành, lĩnh vực trên địa bàn; tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm kế hoạch sử dụng đất của thị xã Duy Tiên như sau:

1. Đất nông nghiệp

Hiện trạng năm 2020 diện tích đất nông nghiệp là 6.558,49 ha, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2021 là 6.072,54 ha, giảm 485,94 ha so với hiện trạng năm 2020. Chi tiết các loại đất trong đất nông nghiệp như sau:

1.1. Đất trồng lúa

Hiện trạng năm 2020 diện tích đất trồng lúa là 4.443,28 ha. Đến hết năm kế hoạch năm 2021 diện tích trồng đất lúa còn 4.078,76 ha. Trong năm kế hoạch 2021 diện tích đất trồng lúa giảm 364,52 ha so với năm 2020, cụ thể giảm sang các loại đất như sau:

- Đất an ninh: 0,18 ha;

- Đất khu công nghiệp: 139,90 ha;

- Đất cụm công nghiệp: 2,42 ha;

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 5,70 ha;

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 153,02 ha;

- Đất ở tại nông thôn: 7,81 ha;

- Đất ở tại đô thị: 53,34 ha;

- Đất trụ sở cơ quan: 1,65 ha;
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 0,50 ha.

+ Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	-7,00	9	Xã Chuyên Ngoại	-22,14
2	P. Hòa Mạc	-34,37	10	P. Yên Bắc	-87,56
3	Xã Mộc Bắc	-0,04	11	Xã Trác Văn	-4,26
4	P. Châu Giang	-53,54	12	P. Tiên Nội	-36,08
5	P. Bạch Thượng	-74,00	13	P. Hoàng Đông	-5,46
6	P. Duy Minh	-0,02	14	Xã Yên Nam	-0,26
7	Xã Mộc Nam	-19,24	15	Xã Tiên Ngoại	-1,33
8	P. Duy Hải	-15,25	16	Xã Tiên Sơn	-3,97

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

1.2. Đất trồng cây hàng năm khác

Hiện trạng năm 2020 diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 647,21 ha. Quỹ đất cho mục đích này kế hoạch đến năm 2021 là 602,16 ha, giảm 45,05 ha so với năm 2020, cụ thể giảm sang các loại đất sau:

- Đất nông nghiệp khác: 7,33 ha;
- Đất khu công nghiệp: 3,58 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 5,18 ha;
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 12,86 ha;
- Đất ở nông thôn: 8,23 ha;
- Đất ở đô thị: 7,87 ha.

+ Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Hòa Mạc	-4,86	7	Xã Trác Văn	-0,06
2	Xã Mộc Bắc	-7,40	8	P. Tiên Nội	-0,04
3	P. Châu Giang	-16,84	9	Xã Yên Nam	-1,73
4	P. Bạch Thượng	-3,58	10	Xã Tiên Ngoại	-0,20
5	Xã Mộc Nam	-4,62	11	Xã Tiên Sơn	-0,33
6	Xã Chuyên Ngoại	-5,40			

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

1.3. Đất trồng cây lâu năm

Hiện trạng năm 2020 diện tích đất trồng cây lâu năm là 355,97 ha. Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2021, quỹ đất cho mục đích này là 351,19 ha, giảm 4,78 ha so với hiện trạng năm 2020. Nguyên nhân do giảm sang các loại đất sau:

- Đất phát triển hạ tầng: 3,00 ha;
- Đất ở tại nông thôn: 0,53 ha.
- Đất ở tại đô thị: 1,25 ha.

+ **Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:**

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	-0,10	7	Xã Trác Văn	-0,10
2	P. Hòa Mạc	-0,10	8	P. Tiên Nội	-0,10
3	P. Bạch Thượng	-1,03	9	P. Hoàng Đông	-0,10
4	Xã Mộc Nam	-0,10	10	Xã Yên Nam	-0,10
5	P. Duy Hải	-0,10	11	Xã Tiên Ngoại	-0,10
6	Xã Chuyên Ngoại	-2,00	12	Xã Tiên Sơn	-0,10

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

1.4. Đất nuôi trồng thủy sản

Hiện trạng năm 2020 diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 744,18 ha. Diện tích đất cho mục đích này đến năm 2021 là 685,53 ha, giảm 58,65 ha so với năm 2020, cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

- Đất thương mại, dịch vụ: 0,08 ha;
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 13,41 ha;
- Đất ở tại nông thôn: 2,80 ha;
- Đất ở tại đô thị: 22,36 ha.

+ **Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:**

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Hòa Mạc	-26,30	6	P. Duy Hải	-26,30
2	Xã Mộc Bắc	-0,20	7	Xã Chuyên Ngoại	-3,55
3	P. Châu Giang	-0,72	8	P. Yên Bắc	-11,45
4	P. Bạch Thượng	-0,85	9	P. Hoàng Đông	-0,67
5	P. Duy Minh	-0,10	10	Xã Yên Nam	-2,40

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

1.5. Đất nông nghiệp khác

Hiện trạng năm 2020 diện tích đất nông nghiệp khác là 367,83 ha. Diện tích đất cho mục đích này đến năm 2021 là 354,89 ha, giảm 12,94 ha so với năm 2020, cụ thể như sau:

- Giảm do chuyển sang các loại đất sau:
 - + Đất phát triển hạ tầng: 3,00 ha.
 - + Đất cụm công nghiệp: 17,27 ha.
 - Tăng do chuyển từ các loại đất sau sang:
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 7,33 ha.
- + **Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:**

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	Xã Mộc Bắc	7,33	3	Xã Mộc Nam	-3,00
2	P. Châu Giang	-17,27			

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

2. Đất phi nông nghiệp

Hiện trạng năm 2020 diện tích đất phi nông nghiệp là 5.466,84 ha. Diện tích đất phi nông nghiệp theo kế hoạch sử dụng đất đến năm 2021 là 5.952,78 ha, tăng 485,94 ha so với hiện trạng năm 2020. Chi tiết các loại đất trong đất phi nông nghiệp như sau:

2.1. Đất quốc phòng

Năm 2020 đất quốc phòng có diện tích 15,37 ha. Trong năm kế hoạch 2021 diện tích đất quốc phòng là 12,16 ha, giảm 3,21 ha so với hiện trạng năm 2020, do chuyển sang đất giao thông.

+ **Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:**

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	Xã Tiên Sơn	-3,21	2		

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

2.2. Đất an ninh

Năm 2020 đất an ninh có diện tích 32,55 ha. Trong năm kế hoạch 2021 diện tích đất 32,93 ha, tăng 0,38 ha do chuyển sang từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa 0,18 ha;
- Đất trụ sở, cơ quan: 0,20 ha.

+ Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	0,18	2	P. Duy Hải	0,20

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

2.3. Đất khu công nghiệp

Trong năm kế hoạch 2021 diện tích đất khu công nghiệp là 1.156,96 ha, tăng 154,83 ha. Do được chuyển sang từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 139,90 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 3,58 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 11,35 ha.

+ Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	6,00	4	P. Yên Bắc	42,40
2	P. Châu Giang	5,98	5	P. Tiên Nội	34,90
3	P. Bạch Thượng	65,54			

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

2.4. Đất cụm công nghiệp

Trong năm kế hoạch 2021 diện tích đất cụm công nghiệp là 60,88 ha, tăng 42,42 ha so với năm 2020. Do được chuyển sang từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 2,42 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 20,00 ha;
- Đất nông nghiệp khác: 17,27 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 2,73 ha.

+ Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Châu Giang	42,42	2		

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

2.5. Đất thương mại, dịch vụ

Hiện trạng năm 2020 đất thương mại, dịch vụ có diện tích là 8,03 ha. Diện tích đất thương mại, dịch vụ đến năm 2021 là 4,27 ha, giảm 3,76 ha. Chi tiết như sau:

- Giảm do chuyển sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: 3,84 ha;

- Tăng do chuyển sang từ đất nuôi trồng thủy sản: 0,08 ha.

+ Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	-0,92	3	P. Duy Hải	-1,21
2	P. Duy Minh	-1,63			

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

2.6. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Hiện trạng năm 2020 đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có diện tích 171,51 ha. Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đến năm 2021 là 186,23 ha, tăng 14,72 ha so với hiện trạng năm 2020. Do lấy vào các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 5,70 ha;

- Đất trồng cây hàng năm khác: 5,18 ha;

- Đất thương mại dịch vụ: 3,84 ha.

+ Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	1,00	4	P. Duy Minh	1,63
2	P. Hòa Mạc	2,88	5	Xã Mộc Nam	4,00
3	P. Châu Giang	4,00	6	P. Duy Hải	1,21

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

2.7. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Trên địa bàn thị xã Duy Tiên hiện không có loại đất này.

2.8. Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

Diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đến năm 2021 là 2.161,29 ha, tăng 133,87 ha so với hiện trạng năm 2020 để xây dựng, nâng cấp các công trình hạ tầng như giao thông, y tế, văn hoá, giáo dục, thể dục thể thao, công trình năng lượng,...

+ Diện tích đất phát triển hạ tầng tăng: 190,40 ha do được chuyển sang từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 153,02 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 12,86 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 3,00 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 13,41 ha;
- Đất nông nghiệp khác: 3,00 ha.
- Đất ở tại đô thị: 0,90 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 1,00 ha.

+ Diện tích đất phát triển hạ tầng giảm: 56,54 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất ở tại đô thị: 42,46 ha;
- Đất khu công nghiệp: 11,35 ha.

+ Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	-12,82	9	Xã Chuyên Ngoại	25,94
2	P. Hòa Mạc	18,40	10	P. Yên Bắc	36,86
3	Xã Mộc Bắc	0,11	11	Xã Trác Văn	4,33
4	P. Châu Giang	32,40	12	P. Tiên Nội	-3,16
5	P. Bạch Thượng	7,92	13	P. Hoàng Đông	3,88
6	P. Duy Minh	0,02	14	Xã Yên Nam	0,85
7	Xã Mộc Nam	19,49	15	Xã Tiên Ngoại	0,70
8	P. Duy Hải	-6,46	16	Xã Tiên Sơn	5,41

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

2.9. Đất bãi thải, xử lý chất thải

Hiện trạng năm 2020 đất bãi thải, xử lý chất thải có diện tích là 2,92 ha. Diện tích đất cho mục đích này đến năm 2021 là 2,92 ha, không biến động so với năm hiện trạng 2020.

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

2.10. Đất ở tại nông thôn

Hiện trạng năm 2020 đất ở tại nông thôn có diện tích là 603,02 ha. Diện tích cho mục đích này đến năm 2021 là 622,39 ha, tăng 19,37 ha so với năm hiện trạng 2020, do chuyển sang từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 7,81 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 8,23 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 0,53 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 2,80 ha.

+ **Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:**

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	Xã Mộc Bắc	0,10	5	Xã Yên Nam	3,64
2	Xã Mộc Nam	5,25	6	Xã Tiên Ngoại	0,93
3	Xã Chuyên Ngoại	8,16	7	Xã Tiên Sơn	1,20
4	Xã Trác Văn	0,10			

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

2.11. Đất ở tại đô thị

Hiện trạng năm 2020 diện tích đất ở tại đô thị là 739,06 ha. Diện tích quỹ đất cho mục đích này kế hoạch đến năm 2021 là 865,43 ha, tăng 126,38 ha so với năm 2020, do được chuyển như sau:

- + Tăng 127,28 ha do chuyển sang từ các loại đất sau:
 - Đất trồng lúa: 53,34 ha;
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 7,87 ha;
 - Đất trồng cây lâu năm: 1,25 ha;
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 22,36 ha;
 - Đất phát triển hạ tầng: 42,46 ha.

+ Giảm 0,90 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất phát triển hạ tầng: 0,90 ha.

+ **Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:**

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	17,97	6	P. Duy Hải	21,53
2	P. Hòa Mạc	26,39	7	P. Yên Bắc	19,37
3	P. Châu Giang	29,24	8	P. Tiên Nội	4,48
4	P. Bạch Thượng	4,32	9	P. Hoàng Đông	2,35
5	P. Duy Minh	0,72			

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

2.12. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Hiện trạng năm 2020 đất xây dựng trụ sở cơ quan có diện tích là 16,45 ha. Diện tích cho mục đích này đến năm 2021 là 17,90 ha, tăng 1,45 ha so với năm hiện trạng 2020, do được chuyển như sau:

+ Tăng 1,65 ha do chuyển sang từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 1,65 ha.

+ Giảm 0,20 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất an ninh: 0,20 ha.

+ **Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:**

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Duy Hải	0,08	3	Xã Tiên Sơn	1,00
2	P. Yên Bắc	0,37			

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

2.13. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Hiện trạng năm 2020 diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 0,53 ha. Diện tích quỹ đất cho mục đích này kế hoạch đến năm 2021 là 0,53 ha, không biến động so với năm 2020.

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

2.14. Đất cơ sở tôn giáo

Hiện trạng năm 2020 diện tích đất cơ sở tôn giáo là 31,54 ha. Diện tích quỹ đất cho mục đích này kế hoạch đến năm 2021 là 31,54 ha, không biến động so với năm 2020.

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

2.15. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Hiện trạng năm 2020 diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 132,73 ha. Diện tích quỹ đất cho mục đích này kế hoạch đến năm 2021 là 133,23 ha, tăng 0,50 ha so với năm 2020, do chuyển sang từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 0,50 ha.

+ Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. ĐồngVăn	0,50	2		

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

2.16. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Hiện trạng năm 2020 đất sinh hoạt cộng đồng có diện tích là 72,19 ha. Diện tích quỹ đất cho mục đích này kế hoạch đến năm 2021 là 72,19 ha, không biến động so với năm 2020.

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

2.17. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

Hiện trạng năm 2020 đất khu vui chơi giải trí công cộng có diện tích là 4,08 ha. Diện tích quỹ đất cho mục đích này kế hoạch đến năm 2021 là 4,08 ha, không biến động so với năm 2020.

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

2.18. Đất cơ sở tín ngưỡng

Hiện trạng năm 2020 đất cơ sở tín ngưỡng có diện tích là 18,90 ha. Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng đến năm 2021 là 18,90 ha, không biến động so với năm 2020.

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

2.19. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Hiện trạng năm 2020 đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối có diện tích là 452,68 ha. Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối đến năm 2021 là 452,68 ha, không biến động so với năm 2020.

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

2.20. Đất có mặt nước chuyên dùng

Hiện trạng năm 2020 đất có mặt nước chuyên dùng có diện tích là 110,80 ha. Diện tích quỹ đất cho mục đích này kế hoạch đến năm 2020 là 109,80 ha, giảm 1,00 ha so với năm 2020, do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất phát triển hạ tầng: 1,00 ha.

+ Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	Xã Chuyên Ngoại	-1,00	2		

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

2.23. Đất phi nông nghiệp khác

Hiện trạng năm 2020 đất phi nông nghiệp khác có diện tích là 6,48 ha. Diện tích quỹ đất cho mục đích này kế hoạch đến năm 2020 là 6,48 ha, không biến động so với năm 2020.

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

3. Đất chưa sử dụng

Hiện trạng năm 2020 đất chưa sử dụng có diện tích là 66,53 ha. Đến năm 2020 còn lại là 66,53 ha, không biến động so với năm 2020.

(Chi tiết xem Biểu 06/CH; Biểu 10/CH; Biểu 13/CH).

4. Kế hoạch sử dụng đất đô thị

Hiện trạng năm 2020 diện tích đất đô thị là 6.180,51 ha. Diện tích đất đô thị của thị xã đến năm 2021 là 6.180,46 ha. Diện tích cơ bản giữ nguyên và sai số 0,05 ha do thống kê đất đai năm 2020.

III. DIỆN TÍCH ĐẤT CÀN CHUYỂN MỤC ĐÍCH

*** Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp:**

Diện tích đất nông nghiệp chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp trong năm kế hoạch 2021 là 485,94 ha, trong đó:

- + Đất trồng lúa: 364,52 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 37,72 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 4,78 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 58,65 ha;
- + Đất nông nghiệp khác: 20,27 ha.

+ Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	11,91	9	Xã Chuyên Ngoại	33,09
2	P. Hòa Mạc	47,68	10	P. Yên Bắc	99,01
3	Xã Mộc Bắc	0,21	11	Xã Trác Văn	4,43
4	P. Châu Giang	114,05	12	P. Tiên Nội	36,22
5	P. Bạch Thượng	77,78	13	P. Hoàng Đông	6,23
6	P. Duy Minh	0,74	14	Xã Yên Nam	4,49
7	Xã Mộc Nam	28,74	15	Xã Tiên Ngoại	1,63
8	P. Duy Hải	15,35	16	Xã Tiên Sơn	4,41

* **Chuyển đổi cơ cấu trong nội bộ đất nông nghiệp:** 7,33 ha, trong đó đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác 7,33 ha.

+ Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	Xã Mộc Bắc	7,33	2		

* **Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở:** 14,13 ha.

+ Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	14,13	2		

(Ghi chú: Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích trong năm kế hoạch chi tiết tại biểu 07/KH)

IV. DIỆN TÍCH ĐẤT CẦN THU HỒI

Diện tích đất thu hồi trong năm kế hoạch 2021 là 543,48 ha, trong đó:

- Thu hồi đất nông nghiệp 485,94 ha, bao gồm:
- + Đất trồng lúa: 364,52 ha.

- + Đất trồng cây hàng năm khác: 37,72 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm: 4,78 ha.
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 58,65 ha.
- + Đất nông nghiệp khác: 20,27 ha.
- Thu hồi đất phi nông nghiệp 57,54 ha:
- + Đất phát triển hạ tầng: 56,54 ha;
- + Đất có mặt nước chuyên dùng: ha.
- + **Phân theo đơn vị hành chính cấp xã:**

STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)	STT	Tên xã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	P. Đồng Văn	26,04	9	Xã Chuyên Ngoại	34,09
2	P. Hòa Mạc	52,83	10	P. Yên Bắc	109,38
3	Xã Mộc Bắc	0,21	11	Xã Trác Văn	4,43
4	P. Châu Giang	120,18	12	P. Tiên Nội	39,39
5	P. Bạch Thượng	80,28	13	P. Hoàng Đông	6,23
6	P. Duy Minh	0,74	14	Xã Yên Nam	4,49
7	Xã Mộc Nam	28,74	15	Xã Tiên Ngoại	1,63
8	P. Duy Hải	30,43	16	Xã Tiên Sơn	4,41

(Ghi chú: Xác định diện tích đất cần thu hồi trong năm kế hoạch chi tiết tại biểu 08/KH).

V. DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Trong năm kế hoạch 2021 giữ nguyên so với hiện trạng năm 2020.

VI. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG NĂM KẾ HOẠCH

Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2021, bao gồm các công trình, dự án của kế hoạch sử dụng đất cấp trên phân bổ và các công trình, dự án của thị xã được thể hiện chi tiết trong Biểu 10/CH kèm theo báo cáo này.

VII. DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch 2021 của thị xã Duy Tiên được dựa trên các căn cứ chính sau đây:

- Luật Đất đai 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

- Nghị quyết số 05/2020/NQ-HDND ngày 12/05/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam quy định bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

- Quyết định: 12/2020/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 về việc ban hành Quy định Bảng giá đất giai đoạn năm 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

- Quyết định 59/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Nam ngày 21/12/2016 ban hành quy định về việc thu nộp, quản lý, sử dụng kinh phí để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thị xã Duy Tiên.

Bảng thu chi từ đất trong năm kế hoạch sử dụng đất thị xã Duy Tiên

ĐVT: triệu đồng.

Thứ tự	Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (triệu đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Các khoản thu			7.184.761
1	Đất ở nông thôn	19,37	1.000.000	193.700
2	Đất ở tại đô thị	127,28	3.000.000	3.818.271
2	Đất khu công nghiệp	154,83	1.800.000	2.786.868
3	Đất cụm công nghiệp	42,42	700.000	296.940
4	Đất thương mại, dịch vụ	0,08	800.000	662
5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	14,72	600.000	88.320
II	Các khoản chi			401.495
1	Đất trồng lúa	364,52	60.000	218.712
2	Chi phí bảo vệ đất trồng lúa	364,52	30.000	109.356
3	Đất trồng cây hàng năm khác	37,72	60.000	22.632
4	Đất trồng cây lâu năm	4,78	72.000	3.442
5	Đất nuôi trồng thủy sản	58,65	60.000	35.192
6	Nông nghiệp khác	20,27	60.000	12.162
III	Chi phí hỗ trợ khi thu hồi đất			730.348
IV	Cân đối thu - chi (I-II-III)			6.052.918

Phần V

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1.1. Chống xói mòn, rửa trôi, huỷ hoại đất

- Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp điều kiện đất dốc nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất.

- Kết hợp nông - lâm nghiệp trong sử dụng đất, không để đất trống.

- Sử dụng đất trong các hoạt động khai thác khoáng sản phải có phương án đảm bảo môi trường. Không bị ô nhiễm, không làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân, khi kết thúc hoạt động khai thác phải có kế hoạch phục hồi hiện trạng bề mặt sử dụng đất ban đầu.

- Việc sử dụng phân bón hoá học, thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình sản xuất phải đảm bảo tiêu chuẩn chủng loại cho phép nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước.

1.2. Sử dụng tiết kiệm và tăng giá trị của đất

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ các phương án quy hoạch có liên quan đến sử dụng đất: Quy hoạch phát triển các đô thị; trung tâm cụm xã; các khu dân cư; khu kinh doanh dịch vụ.

- Phát triển nông nghiệp gắn với phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế: Giao thông, thuỷ lợi, cơ sở chế biến, thị trường tiêu thụ...

- Giao đất theo tiến độ, năng lực khai thác sử dụng thực tế đối với tất cả các trường hợp có nhu cầu sử dụng đất mới.

1.3. Đẩy mạnh khai thác đất chưa sử dụng

- Giao đất cụ thể đến các đối tượng trực tiếp sử dụng đất.

- Phát triển cơ sở hạ tầng đến địa bàn còn đất trống.

- Phối hợp hài hoà các dự án đầu tư về vốn, nhân lực, vật tư... cho các đối tượng sử dụng đất.

II. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Giải pháp về chính sách

- Thực hiện đồng bộ các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai; đồng thời xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ tổng thể đến các địa phương đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; đảm bảo quy hoạch, kế hoạch của các ngành, các lĩnh vực, địa phương có sử dụng đất phải dựa trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt; tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển công nghiệp, đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp...

- Cơ quan Tài nguyên và môi trường thị xã và cán bộ địa chính cấp xã trong thị xã có trách nhiệm hướng dẫn việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất và cung cấp thông tin có liên quan cho chủ sử dụng đất để thực hiện;

- Thực hiện quản lý đất đai theo kế hoạch sử dụng đất: Bao gồm việc lập, thẩm định, xét duyệt dự án, giao đất phải theo đúng kế hoạch và quy định của pháp luật; giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch, kiến nghị bổ sung và điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo pháp luật quy định;

- Xây dựng chính sách đất đai và cụ thể hoá các điều khoản của Luật đất đai và các văn bản dưới Luật, đảm bảo kịp thời và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương;

- Cần có chính sách khuyến khích và thu hút các nhà đầu tư vào các dự án phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn; khuyến khích phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ, thương mại, du lịch. Thu hút người có tài và lao động có trình độ kỹ thuật từ các vùng khác đến công tác và làm việc lâu dài trên địa bàn thị xã; đồng thời đẩy nhanh tốc độ đào tạo nguồn nhân lực bằng cách đào tạo tại chỗ, gửi đi đào tạo, liên kết đào tạo;

- Tăng cường đầu tư để đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chuyên môn ở tất cả các ngành các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực đất đai;

- Quan tâm và giải quyết tốt việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời có chính sách đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp, bố trí việc làm để ổn định đời sống cho các hộ khi bị thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án trong kế hoạch. Giải quyết tranh chấp đất đai theo đúng Luật đất đai;

- Đẩy nhanh tốc độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; theo sát sự biến động do chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

- Khuyến khích đầu tư thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất;

- Nghiên cứu, đề xuất các chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên toàn thị xã theo nguyên tắc: tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái;

- Đề xuất chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất:

+ Hỗ trợ công tác khuyến nông: hỗ trợ giống cây con, phân bón, hướng dẫn kỹ thuật, xây dựng một số mô hình thí điểm sau đó nhân rộng đồng thời lên phương án cụ thể cho việc bao tiêu sản phẩm; đào tạo đội ngũ cán bộ khuyến nông viên cơ sở;

+ Hỗ trợ vốn vay sản xuất: Trên nguyên tắc thuận tiện, lãi suất thấp, sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả, bảo toàn vốn. Chủ yếu tập trung vào phát triển kinh tế hộ gia đình;

+ Hỗ trợ phát triển ngành nghề: Đầu tư máy móc, thiết bị để khôi phục, phát triển các làng nghề truyền thống, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp...

+ Chính sách phát triển dịch vụ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm: nâng cấp và mở rộng chợ làm nơi giao lưu buôn bán;

+ Chính sách thông tin về thị trường: Cần phải được xúc tiến mạnh mẽ nhằm giúp đỡ và định hướng cho nông dân sản xuất cây, con gì? bán cho ai? để đem lại hiệu quả cao và bền vững nhất.

2.2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư

- Đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là đầu tư phát triển nông nghiệp sạch, công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông thủy lợi...

- Tiếp tục tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá nhằm nâng cao trình độ dân trí, tỷ lệ lao động qua đào tạo và sức khoẻ người lao động;

- Có các chính sách đãi ngộ để thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi cho các ngành của thị xã (như tạo điều kiện về cấp đất, nhà ở, tuyển dụng thẳng vào biên chế nhà nước, không qua tập sự. Có chính sách hỗ trợ và chế độ đãi ngộ thỏa đáng để thu hút, khuyến khích trí thức trẻ về công tác tại thị xã cũng như tại các phường, xã);

- Tăng cường bồi dưỡng cán bộ quản lý các doanh nghiệp, sắp xếp lại và nâng cao trình độ cán bộ quản lý nhà nước. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất và năng lực tốt để đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành;

- Thực hiện việc luân chuyển và tăng cường cán bộ thị xã về cấp xã đảm nhận các cương vị lãnh đạo chủ chốt, thực hiện tốt chế độ trợ cấp ban đầu đối với cán bộ thuộc diện luân chuyển; có chế độ tiền lương và phụ cấp, chính sách bổ nhiệm, bố trí công tác sau khi hoàn thành nhiệm vụ;

- Mở rộng dạy nghề, truyền nghề bằng nhiều hình thức thích hợp, có chính sách khuyến khích hỗ trợ học nghề cho lực lượng lao động; chú trọng đào tạo lao động là người địa phương, sử dụng họ vào các doanh nghiệp đóng trên địa bàn;

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách, vốn doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết và vốn tự có trong nhân dân;

- Nguồn thu từ đất phải được sử dụng thoả đáng cho mục đích phát triển kinh tế và vấn đề xã hội.

- Khuyến khích doanh nghiệp vào đầu tư tại các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thị xã;

- Huy động tiền vốn và nhân lực trong nhân dân vào các hoạt động sản xuất và kinh doanh, đẩy mạnh phát triển sản xuất để có nguồn lực tài chính, phát huy và khai thác hết nội lực của địa phương từ các nguồn thu, các khoản thuế;

- Mở rộng hình thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng quy mô nhỏ, phục vụ dân sinh, nhất là các hệ thống giao thông, thuỷ lợi,... Đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

2.3. Giải pháp về khoa học - công nghệ

- Ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất và các lĩnh vực khác như: quản lý, điều hành... Khuyến khích đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ để tạo ra sản phẩm có giá trị cao. Không nhập các thiết bị có công nghệ lạc hậu cũng như các thiết bị gây ảnh hưởng xấu đến môi trường;

- Chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp;

- Đẩy mạnh ứng dụng các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chịu bệnh tốt, phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương vào sản xuất. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá. Thâm canh tăng vụ cải tạo đất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất;

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi, có hiệu quả cao, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp- thuỷ sản và tiểu thủ công nghiệp;

- Tăng cường liên kết với các trường đại học, các viện nghiên cứu để đẩy nhanh ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp đảm bảo tăng năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi,...

- Gắn sản xuất với công nghệ sau thu hoạch, phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

2.4. Giải pháp tổ chức thực hiện

- Trên cơ sở phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thị xã Duy Tiên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh xét duyệt, tiến hành tổ chức công bố, công khai rộng rãi phương án Quy hoạch sử dụng đất đến các Ban ngành, các cấp, tổ

chức, đoàn thể và nhân dân trong thị xã biết để thực hiện theo đúng quy hoạch, kế hoạch và quy định của Luật Đất đai.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch để ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm đất đai cũng như việc điều chỉnh những bất cập cho phù hợp;

- Kiểm soát chặt chẽ tình trạng tự phát chuyển đổi đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản hoặc chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác không theo quy hoạch, kế hoạch;

- Xử lý nghiêm minh đúng pháp luật những vi phạm trong quản lý sử dụng đất; những hành vi làm tổn hại đến môi trường;

- Tuyên truyền giáo dục toàn thể nhân dân và các tổ chức sử dụng đất thấy được tầm quan trọng của công tác quản lý Nhà nước về đất đai, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất;

- Thực hiện đồng bộ và thường xuyên 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai trong toàn thị xã. Triển khai thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo đúng thẩm quyền và phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt;

- Tăng cường sự phối hợp giữa kế hoạch phát triển kinh tế, đầu tư hạ tầng kỹ thuật với quy hoạch, kế hoạch sử dụng hàng năm để nâng cao tính thực tiễn, hiệu quả sử dụng đất. Đưa các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vào hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thị xã;

- Tiếp tục cập nhật những thông tin mới nhất về đất đai để điều chỉnh bổ sung, nhằm đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả thực tiễn cao của quy hoạch, kế hoạch, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã;

- Thực hiện tốt công tác thu, chi tài chính về đất đai: Các nguồn thu bao gồm từ việc giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất, chuyển đổi, chuyển nhượng, chuyển mục đích sử dụng đất,... các khoản chi về đền bù thu hồi đất,... theo quy định của các văn bản pháp luật hiện hành.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam phù hợp với yêu cầu đổi mới về quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất trong Luật Đất đai năm 2013 và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch chung xây dựng đô thị Duy Tiên, quy hoạch sử dụng đất tỉnh Hà Nam và quy hoạch phát triển của các ngành, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu đất cho phát triển các ngành, các lĩnh vực của thị xã. Các nội dung, yêu cầu được thực hiện theo quy định của Luật đất đai năm 2013 và các thông tư hướng dẫn của Bộ, Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Theo phương án được xây dựng, từ nay đến năm 2030 toàn Thị xã chuyển 5.387,06 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp. Phương án quy hoạch sử dụng đất như vậy đã thể hiện được chủ trương đẩy mạnh xây dựng các khu công nghiệp, thương mại dịch vụ trong những năm tới; thực hiện quá trình đô thị hóa nông thôn, mở rộng đô thị trên địa bàn thị xã và tăng cường đầu tư khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng, nhằm sử dụng đất của thị xã một cách hiệu quả hơn.

- Để thực hiện chương trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất trên 1 ha canh tác.

- Diện tích đất nông nghiệp còn lại thấp, tuy nhiên vẫn đảm bảo sản xuất an toàn lương thực trên địa bàn thị xã, đáp ứng được các mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp đến năm 2030 trong quy hoạch tổng thể kinh tế – xã hội của thị xã đề ra.

II. KIẾN NGHỊ

Để quy hoạch sử dụng đất đáp ứng kịp thời cho nhu cầu quản lý, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường; Hội đồng nhân dân Thị xã đã thông qua quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030. Ủy ban nhân dân thị xã Duy Tiên đề nghị UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt theo quy định.

Sau khi dự án được phê duyệt, UBND thị xã sẽ công khai quy hoạch, chỉ đạo các ngành, địa phương lên kế hoạch và xây dựng giải pháp triển khai thực hiện quy hoạch trong lĩnh vực và trên địa bàn mình quản lý.

HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU

(Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020
2	Biểu 02/CH	Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước giai đoạn 2011-2020
3	Biểu 03/CH	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
4	Biểu 04/CH	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch 2021-2030 phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã
5	Biểu 05/CH	Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch 2021-2030 phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã
6	Biểu 06/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
7	Biểu 07/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021
8	Biểu 08/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2021
9	Biểu 09/CH	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2021
10	Biểu 10/CH	Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2021
11	Biểu 11/CH	Diện tích, cơ cấu sử dụng đất các khu chức năng của thành phố
12	Biểu 12/CH	Chu chuyển đất đai trong kỳ quy hoạch sử dụng đất 10 năm (2021-2030)
13	Biểu 13/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021